

Tác Giả và Tác Phẩm

Ban Mai

Tiểu sử

Tên thật Nguyễn Thị Thanh Thúy - Hiện đang ở Quy Nhơn.

Tác phẩm

Ký ức tháng tư - Ước mơ - Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Ký ức tháng tư – 2

Tình ca – 7

Sao anh không về chơi thôn Vĩ - 10

Phụ đính:

Biết đâu nguồn cội - Ước mơ
Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong
Hồ thẹn với tiền nhân
Hà Nội 36 phố phường

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Ban Mai Tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn, ngành Ngữ Văn, làm việc tại một trường Đại học thuộc Miền Nam Trung bộ Việt Nam.

Sống ở Mỹ từ 1978. Dạy học và làm việc trong ngành Tâm lý-Xã hội trong vòng 25 năm trở lại đây. Hiện dạy Anh văn cũng như Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam tại California State University, Fullerton và Golden West College.

Làm thơ từ 1968. Viết lý luận phê bình văn học từ 1982. Trong ban chủ biên cũng như đã cộng tác với nhiều tạp chí văn học và nghiên cứu tại Mỹ và trên thế giới. Những tác phẩm đã xuất bản tại Mỹ có thể kể:

- Trịnh Công Sơn / Ngôn ngữ & những ám ảnh nghệ thuật (2005).
- Lý Luận và Phê Bình / hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995) (1995)
- Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam (giáo trình đại học) (1992)
- Ở Một Nơi Nào (giáo trình đại học/tuyển, biên tập, giới thiệu) (1995)
- Quê Hương, Cầm-Tấu-Khúc Kỷ Niệm (tâm bút) (1982)
- Những cơn Mưa Trở Về (tùy bút) (1981, 1987)

Cũng cùng viết chung trong một số công trình nghiên cứu văn học Việt Nam hải ngoại như: Bùi Vĩnh Phúc sinh năm 1953 tại Hà Nội. Dạy Việt văn và Pháp văn ở Sài Gòn cho đến 1977
20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995 (1995), Tuyển Tập Truyện Ngắn Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995 (1995)...



Ký ức tháng tư

Quy Nhơn, những ngày cuối tháng 3-1975.

Trường Nữ Trung Học Ngô Chi Lan, lớp 6, nghịch như quỷ sứ. Biển Quy Nhơn những ngày sau Tết se lạnh. Con bé nào cũng chanh chua, đáo đẽ. Áo dài trắng lần đầu tiên mặc trong đời cứ xăn trên đầu gối để ra biển nhảy sóng, trò chơi của trẻ con vùng biển. Ngôi trường nằm đối diện bờ biển, cạnh thư viện thành phố. Hàng chè, kem, ổi, cóc, xoài hai bên bờ biển món khoái khẩu của tụi con gái. Nhỏ nào cũng có biệt danh: Trâm "điệu", Mai "mít ươt", Huệ "chà và", Lan "nhí",

Đào "búp bê", Thúy "công chúa"... Tôi còn nhớ mùa xuân năm đó, sóng biển thật to, ùn lên những bờ cát dốc thẳng, tụi tôi thích trượt trên những bờ cát và chạy dọc bờ biển đuổi bắt những con còng gió bé tí teo.

Huê "chà và" nghịch như con trai – ba nó là người Ấn có sạp vải ở đường Gia Long, khu người Hoa sinh sống – tôi sợ nhất trò chơi lén cột áo dài hai đứa với nhau của nó. Có một lần tôi khóc như mưa vì nó làm rách áo tôi, bứt tung cả cúc áo. Sợ tôi giận, hôm sau nó làm lành bằng cách mua một mớ me non còn xẹp lép đem mắm ruốc lên chấm, cả lớp được một bữa nhâm nhi. Cả tuần nay, lớp tôi bỗng trầm hẳn. Giờ Kim văn, tổ 1 chúng tôi thuyết trình tác phẩm "Nhà mẹ Lê" của Thạch Lam không đứa nào thêm phát biểu. Nhỏ Trâm "điều" không còn lén ghi bậy trên giấy rồi dán trên áo bạn phía trước để tụi nó chí choé cãi nhau rồi đổ lỗi lung tung. Sáng nay, nó bồn chồn, mắt nó sưng mọng đỏ hoe. Tụi tôi biết ba nó – sĩ quan sư đoàn 22 – mất tích mấy hôm nay. Lan "nhí" – ba thiếu tá phi công – nghỉ học từ hôm qua. Lớp càng ngày càng vắng teo, lát đác chỉ còn vài đứa. Chiến sự căng thẳng đang len lỏi trong từng mái nhà...

Sáng 28-03-1975.

Ba tuyên bố: Các con chuẩn bị nghỉ học đi "dã ngoại" vào Sài Gòn.

Chị em chúng tôi háo hức cho một chuyến đi xa. Mẹ gói ghém đồ đạc cho các con, mỗi đứa một túi vải đeo vai gồm vài bộ quần áo, một ít thức ăn sẵn và một quyển sổ nhỏ ghi địa chỉ, lý lịch gia đình. Ba tôi là người phòng xa và làm việc rất khoa học, mọi việc trong nhà ba lên kế hoạch rồi quyết định.

Chị Vân hỏi: Sao giống đi chạy giặc vào Nha Trang năm 72 vậy ba?

Tôi thích thú, nhớ lại "mùa hè đỏ lửa" năm 72, ba chở cả nhà chạy vào Nha Trang, ở tại trường Võ Tánh. Buổi tối các anh chị hướng đạo sinh tập chúng tôi ca hát. Và tôi rất thích những buổi trưa nắng nóng, lũ trẻ chúng tôi lang thang hái đầy hoa tigôn mọc phía sau trường. Con bé vô tư, tung tăng trên những đụn cát mọc đầy hoa dại.

Sáng 29-03-1975, cả nhà thức dậy rất sớm, mẹ nấu sẵn cơm nắm, luộc trứng gà, giã đậu phộng đem theo. Ba ở lại gói ghém đồ đạc để gửi, đồ của bác Phó biện lý toà án tầng trên, đồ của chú Luật sư Sinh tầng dưới, và ngổn ngang đồ đạc của gia đình tôi.

Tôi níu tay ba, sao không đi luôn ba, ba chỉ im lặng dẫn cả nhà đến nhà con Tuyết "hí" – xe khách Tiến Thành – trên đường Võ Tánh, họ đã đợi sẵn. Trời còn tối mù, khoảng 3 – 4 giờ sáng gì đó, nhưng sao đường phố nhộn nhịp khác thường, nhà hai bên đường đèn bật sáng, họ cũng đang sửa soạn khăn gói ra đi. Cả thành phố phải bỏ chạy? Tại sao? Con bé vừa tròn 11 tuổi cảm nhận có một điều gì đó hệ trọng. Tiếng súng ì ầm từ xa vọng về thành phố ngày một rõ hơn, dồn dập hơn. Mẹ với tay ba: "Em vào Nha Trang đợi anh ở nhà sư cô Minh Liễu – gần Tháp Bà, chiều anh đi liền nghen, kéo không kịp". Ba chỉ ậm ừ, dặn dò chúng tôi phải ngoan nghe lời mẹ. Chiếc xe lăn bánh, nhìn mẹ lo âu, lòng tôi thấp thỏm. Ba đứng trên đường nhìn chiếc xe xa khuất.

Nha Trang, tối 01-4-1975.

Mẹ khóc, sao giờ ba chưa vô, Quy Nhơn đã thất thủ rồi.

Ngoài sân nhà sư cô Minh Liễu, ngổn ngang người di tản. Đền ở đây sao mờ dử vậy, tôi không thấy cái gì rõ cả. Đã ba ngày rồi gia đình tôi ở lại chờ đợi ba, lẽ ra giờ này chúng tôi đang ở Sài Gòn với anh hai tôi, ba sẽ đưa chị em tôi đến Thảo Cầm Viên như đã hứa.

Nửa đêm, ba ùa vào như cơn lốc, nồng mùi biển cả, ba không đi đường bộ. Ba nói với mẹ:

"Bắn nhau tử thủ – căn cứ sư đoàn bộ binh 22 đóng ở Quy Nhơn – dân di tản chạy đường bộ chết như rạ, anh theo ghe đi đường biển. Không thể ở đây được nữa, có lẽ vĩ tuyến 17 sẽ được

chia ở đường biên Cam Ranh, phải chạy thoát ra khỏi Nha Trang ngay – họ đang tiến công như vũ bão. Không còn kịp nữa.” Ba lo lắng, chị Vinh – đang học Đại học Sư phạm Huế có kịp bay vào Sài Gòn như ba đã dặn, anh Hai ở Sài Gòn có kịp ra đón chị, " Tụi nó có chờ cả nhà vào, hay lại nghe tụi bạn đi trước, thất lạc hết." Mẹ nói "Có lẽ cậu Tám sẽ giữ tụi nó." Tôi nhớ ông Tám – Giáo sư dạy Lý-Hoá trường Lasan Taberd, người cao to nghiêm nghị.

Tôi không biết bằng cách nào ba lo cho cả nhà theo một chiếc xe Balua vào Sài Gòn; đến Cam Ranh bắn nhau dữ quá, chúng tôi mắc kẹt giữa hai lần đạn. Ba kiếm đâu ra một căn nhà bỏ hoang trên đường gần kho gạo, cả nhà vào tá túc. Gạo sấy đem theo đã hết. Chúng tôi sắp đói. Cả một đại gia đình. Lớn nhất chị Vân 16 tuổi, út Thơ 4 tuổi. Ba nói tôi và chị Vân theo ba. Đường phố vắng ngắt. Chúng tôi đến một cửa hàng nhưng không có ai cả. Tôi lấy thịt hộp của Mỹ, chị Vân kiêng thùng bánh quy của Đại Hàn. Ba đi đâu đó trở về với bịch gạo. Chúng tôi ở đó vài ngày, rồi súng nổ dữ dội, ba nói trong thị xã không an toàn phải chạy ra ngoại ô thôi. Buổi chiều hôm đó, tôi thấy các anh lính Cộng Hoà gương mặt thất thần, mặt bê bết máu, cởi bỏ quần phục vứt đầy đường, *tôi thấy họ cũng còn rất trẻ như anh Hai tôi*. Tôi biết họ đang đau khổ, họ muốn về với gia đình. Tôi chột lo lắng anh ba Nghiêm con cô năm cũng đi lính, anh năm Khoa con bác bảy cũng đi lính, bây giờ các anh đang trôi dạt nơi nào – chắc là cô tôi, bác tôi cũng đang mỗi mắt chờ mong. Chị em chúng tôi chết sững khi một người lính gõ cửa xin quần áo, tôi luynh quynh lôi đồ của ba đưa cho anh ta. Chị Vân tấm tức khóc: "Lính Cộng Hoà đào ngũ hết rồi, mình sẽ ra sao?" Tôi nhìn chị linh cảm có điều chẳng lành.

Cam Ranh, quốc lộ 1 cây số 13.

Cả nhà dất dít nhau chạy bộ ra ngoại ô, buổi sáng xanh ngắt, súng nổ đầy trời. Nắng Miền Trung chói loà. Tôi khát nước, cháy nắng. Dân di tản chạy đầy hai bên đường. Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang đều mắc kẹt ở chiến tuyến Cam Ranh. Ba công bé Thơ, dúm tôi ngã nhào dưới cổng vệ đường – bom nổ, bom đang rơi. *Phi cơ của mình sao lại ném bom vậy ba, chết mình sao ba*. Tôi thấy bom bị rải đầy trời, hai ba phi cơ đang lượn trước mặt. *Ba nói quân Miền Nam chặt cầu cho quân Miền Bắc không tiến sang*. Tiếng súng bắn máy bay xối xả từ trong những vườn xoài bắn trả. Chúng tôi lạc vào chiến tuyến. Tôi chạy trên những xác người. Tôi chạy trong những gào thét. Những người lính Miền Bắc đang hành quân chạy song song cùng tôi. *Tôi thấy họ cũng còn rất trẻ, cũng giống anh mình*. Họ cũng vừa chạy vừa hét những người dân di tản nằm xuống tránh đạn.

Ba đếm từng đứa con, ba là ông tướng xung trận che chở, điều khiển từng bước chân các con. Tiếng ba thét, Tiến nằm xuống, chạy qua bên kia bờ, Vân lùi lại kéo em. Hai bên đường dân di tản bồng xách chạy hỗn loạn. Tôi chạy và chạy, đầu óc tôi trống rỗng. Tiếng rít đinh tai của đường đạn, tiếng nổ buốt óc của bom rơi. Khói lửa cháy ngập trời. Một sự hoảng loạn man rợ quanh tôi. Trời ơi! Tôi rợn cả người – những bước chân non tơ của chị em chúng tôi ngập đầy máu. *Máu của dân tộc tôi, máu của đất nước tôi, máu của người dân nước Việt chảy dài từ Ái Nam Quan đến Mũi Cà Mau dọc theo đường quốc lộ – một sáng tháng tư*. Thật kỳ lạ, ơn trời – cả nhà tôi may mắn thoát qua vòng chiến tuyến mà không hề hấn gì, mẹ nói chắc ông bà ngoại phù hộ.

Đêm đến, chúng tôi vào trú một chòi canh ven đường.

Và ở đó bao lâu tôi không nhớ. Chị em tôi ngã bệnh, những cơn sốt nắng và những chấn thương. May thay, mẹ tôi là y tá, bà đã quá quen việc chăm sóc người bệnh. Ba lại lặn lội vào thị xã Cam Ranh, trở về với một bao gạo nhỏ trên chiếc xe đạp lộc cộc của ai. Gương mặt ba hốc hác, ba thoát chết, khi những núi gạo đổ ập xuống người dân di tản. Ba chỉ bị thương nhẹ. Sáng, mẹ nấu một nồi cháo trắng, không muối, không đường, không có gì cả. Một rổ củ mì nhỏ ở bên chòi. Chúng tôi đi nhỏ củ lang, củ dền. Mẹ nói chị Vân ra con suối sau chòi xem có đu đủ

hái về cho mẹ. Chị em tôi chạy theo chị. Con suối trong veo, hai bên um tùm hoa dại tím ngắt. Có cả sim sim, dủ dẻ, có cả chuối già hương nữa, nhưng còn non quá. Chị la không cho hái. Bướm bướm nhiều ơi là nhiều. *Chúng tôi cười vang chạy theo những con chuồn chuồn kim, dọc bờ suối, nô đùa vô tư.* Tôi nói giống đi picnic quá chị Vân há, chị cười gượng nhìn tôi rớm nước mắt.

Đu đủ xanh mẹ xắt tưa nhỏ, ngâm nước vo gạo làm trộn cho chúng tôi ăn. Hạt đu đủ non trắng lóng lánh dưới nắng trưa như ngọc trai. Cơm trắng không muối, không nước mắm. Bé Thơ khóc, cu Tiến khóc – đòi uống sữa. Vàng, nữ trang mẹ đem theo không mua được sữa, tiền đã hết theo mấy chuyến xe. Mặt mẹ bơ phờ, mắt ba đăm chiêu.

Sáng hôm sau, ba cặm cụi đi đâu từ sớm, lúc trở về với chiếc xe đạp cà tàng chạy kêu long tong, ốc vít rơ hết, lủng lẳng hai túi đu đủ vàng ươm. Ba nói, Thúy lên ba chờ. Lần đầu tiên trong chuyến "dã ngoại" ba âu yếm gọi tôi. Chiếc xe nhảy cà tung cà tung trên đường, tôi hỏi đi đâu ba. Ba nói đi chợ làng quê cho biết. Tôi thắc mắc nhưng không dám hỏi. Trên mép cỏ con đường quốc lộ lúp xúp vài ba quán tranh, người ta ngồi bệt trên cỏ bày hàng dưới đất, nói là chợ cho oai chứ khoảng dăm người bán. Ba dựng xe bên lề, lúng túng tra tờ báo Tia Sáng xuống vạt cỏ, bày đu đủ ra. Rồi ba nói, ngồi đây bán nghen con. Bây giờ tôi mới hiểu.

Nắng tháng tư oi nồng, chiếu rát cả mặt, ba lấy tờ báo che đầu tôi. Bóng ba đứng trùm lên bóng tôi. Ngồi lâu ơi là lâu, mặt tôi bắt đầu bỏng rát. Nắng Cam Ranh chói chang, đổ lửa. Mồ hôi tôi túa đầm đìa. Ba cúi xuống lau mồ hôi trên mặt tôi đỡ ửng, ba luôn miệng vỗ về – nắng quá hả con. Tôi thấy thương ba quá, tôi muốn khóc. Một người đàn bà nhà quê, gương mặt phúc hậu hỏi tôi – dân tản cư hả, ở đâu vậy con. Tôi nói con ở Quy Nhơn. Đu đủ này giá bao nhiêu con. Tôi ngỡ ngác, dạ con không biết. Ba tôi đỡ lời, chúng tôi muốn đổi lấy một ít nước mắm, muối và sữa. Người đàn bà cỡ trạc ba tôi, dẫn tôi đến một góc quán nhỏ, nói đứng đó chờ. Bà đem ra lon sữa ông Thọ và một chai nước mắm. Tôi mừng rỡ, vòng tay cảm ơn bà rồi chạy đến bên ba. Chiếc xe nhảy cà tung cà tung trên đường về, ngoái lại tôi còn nhìn thấy người đàn bà nhà quê nhìn theo đầy ái ngại. Trời ơi, ba kiêu hãnh của tôi, phó Thanh tra Ty XX ... bước một bước có xe đưa đón, đi công tác có trực thăng bốc đi.

Những ngày cuối tháng 4.

Không có xe vào Sài Gòn, Quy Nhơn thì thất thủ, biết làm sao bây giờ. Giữa đồng không, nhà trống. Đi bộ vào Sài Gòn đi ba, chị em tôi nói – anh Hai và chị Vinh đang trông ngóng. Cả nhà thất thủ đi trên đường quốc lộ, lương khô mẹ đã chuẩn bị, cơm nắm, nước uống trong bi đóng cho mấy ngày đường. Một chiếc xe ben chở gỗ đi ngang, ba chặn lối. Cả nhà vất vẻo quá giang được một đoạn đường.

Phan Rang.

Buổi chiều trên xứ lạ buồn thê lương. Tiếng gào của ai đó như xé nát hồn tôi. Chị em tôi thu mình ngồi nhìn mặt trời lặn trên cánh đồng xơ xác, bóng tối đang bắt đầu ập đến. Những bóng người di tản nhập nhòa đang đi trên đường. Trời chạng vạng, một người đàn bà tiều tụy, bơ phờ lê bước kiểm ai trên đường vắng, bà không nhìn thấy ai, bà luôn miệng gọi *Cu tí, cu tí núp mô rứa con, ra đi. Me đây. Cu tí, cu tí núp mô rứa con, ra đi. Me đây.* Giọng Huế của bà khản đặc, vô hồn, nói như là không nói, đi như là không đi. Tôi ngồi nhìn theo người đàn bà diên nước mắt trào dâng.

Đêm, giữa cánh đồng tối đen đầy bất trắc, thỉnh thoảng từ xa vẳng lại những tiếng nổ ì ầm, khuấy động không gian yên tĩnh, như nhắc nhở chúng tôi về cuộc chiến vẫn đang rình rập xung

quanh. Ánh sáng duy nhất mà tôi nhìn thấy là lũ đom đóm bay lập loè trong đêm. Chúng đang múa những vũ điệu nghệ thường. Và lũ muỗi khoái trá bỗng bất ngờ chộp được miếng mồi ngon – chị em tôi.

Ước gì, giờ này gia đình tôi đang quây quần bên mâm cơm trong ngôi nhà thân yêu, ngát nồng mùi hương biển. Ước gì, giờ này chị em tôi đang ngồi trong căn phòng ngập tràn ánh sáng, học bài cho ngày mai đến lớp. Ước gì! Ước gì!

Tại sao đêm nay chị em tôi phải ngồi bên vệ đường ướt đẫm sương đêm, đói khát như kẻ hành khát? Thức ăn của chúng tôi những ngày qua chỉ là những củ khoai mỡ, khoai mì đào vội trên cánh đồng, ven những nương rẫy của người nông dân.

Tại sao gia đình tôi và những người dân Miền Trung hốt hơ hốt hải, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ cả sự nghiệp cuồng cuồng chạy xuôi về Nam lánh nạn. Tại sao và tại sao?

Trời ơi! Phan Rí, Phan Thiết, Bình Thuận nắng, khô, nóng, khát.

Tôi khát nước, tôi thèm có nước. Chúng tôi sẽ chết vì không có nước. Tôi không biết mình đang ở đâu, nhưng tôi biết gần Sài Gòn lắm rồi, lũ trẻ chúng tôi đã quá mệt mỏi, chỉ chờ nghỉ ngơi. Mẹ chất từng hạt nước trong một đằm lầy nhỏ mà tôi thấy có đầy phân bò, tôi háo hức hớp và nôn. Tôi khóc, con muốn uống nước. Mẹ tôi cố nén nỗi đau con.

Đêm chúng tôi nằm trên thảm cỏ, bầu trời nhiều sao quá. Gió mát lạnh, những lá cọ ve vuốt chúng tôi, mẹ nói: "Vùng này dân đói khổ lắm, nghề của họ là đan chiếu, chằm nón, ở đây quanh năm thiếu nước. Đồng ruộng khô cằn, đói kém liên miên. Dân Chàm ở đây rất nhiều. Đa họ đen cháy." Giọng mẹ trầm ám ru chị em tôi vào giấc ngủ.

Đêm, hàng đêm ngủ trên cánh đồng ven đường quốc lộ, tôi luôn giật mình, run rẩy vì tiếng xe tăng hành quân chạy rần rần rung chuyển mặt đất. Những sợi dây xích sắt nghiêng trên đường nhựa nghe ghê người. Những lá cờ xa lạ được gắn trên xe tôi thấy lần đầu – nửa đỏ, nửa xanh chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh. Những người lính Miền Bắc lá nguy trang đầy mình bước đi rầm rập trên đường.

Có những đêm họ nghỉ gần chúng tôi. Tôi nghe tiếng người nói lao xao, tiếng kèn Ácmônica trong đêm khuya vắng lại.

Giữa đêm vắng, ba mẹ bồn chồn, thao thức, đứng ngồi không yên.

Vô tình, nhịp tiến của gia đình tôi lại trùng với nhịp tiến công vào Sài Gòn của họ. Ba chạy đôn chạy đáo trên đường tìm xe, mong cho bước chân mình nhanh hơn, nhanh hơn. Ba rất giỏi, cuối cùng ba cũng thương lượng được một chiếc xe Ba lua trên đường đi giá nào cũng trả, mẹ đổ hết vòng vàng, nữ trang. Chỉ một ước muốn duy nhất – cả nhà nhanh chóng, an toàn đến Sài Gòn.

Sài Gòn 30-4-1975.

Sài Gòn! Sài Gòn! Lũ trẻ chúng tôi náo nức vì biết rằng mình sắp nghỉ ngơi sau một chuyến hành trình kinh hoàng và khổ ải. Sài Gòn! Sài Gòn! Niềm mong ngóng của ba mẹ, nơi nương náu an toàn cùng bạn bè trong thủ phủ Miền Nam. Gia đình tôi sắp chạm đến *bến bờ hy vọng*.

Xe Ba lua mở banh cửa sau, gió lồng mát rượi, chỉ có một sợi dây xích sắt khổng lồ vắt ngang, ba và mẹ ngồi ở hai đầu canh chúng tôi ngả nghiêng ngủ. Tôi choàng dậy, khi tiếng người nói, tiếng loa phóng thanh, tiếng xe cộ dày đặc, kẹt xe trên cầu Sài Gòn. Quân Miền Bắc đã vào sáng nay, chiếc xe cũng vừa vào đúng lúc. Hai bên đường người dân đông nghịt, họ đón ai vậy, điều gì đã xảy ra? Thật trớ trêu, khi bước chân rong ruổi của gia đình tôi vừa chạm đến bến bờ hy vọng cũng là lúc Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Niềm tin tưởng được chở che trong thủ phủ Miền Nam đã vỡ nát.

Ba chết lặng trên xe, ngồi im không nói một lời.

Mẹ sợ hãi, bật khóc nức nở ngày Miền Nam sụp đổ.

Chị em chúng tôi ngơ ngác nhìn bầu trời Sài Gòn ngày 30/4.

Một thời đại khác đã đến.

Việt Nam, tháng tư 2008.

Đến bây giờ, tôi vẫn không tin chuyến hành trình từ Quy Nhơn đến Sài Gòn gần 700 km – chúng tôi phải mất 1 tháng 2 ngày – phải vượt qua bao chiến tuyến, phải vượt qua bao hiểm nguy mà vẫn nguyên vẹn. Trong cuộc chiến đẫm máu này, có bao gia đình Việt Nam may mắn như chúng tôi? Có bao gia đình Việt Nam phải mãi mãi nằm xuống? Có bao gia đình Việt Nam phải mãi mãi phân ly?

Đất nước tôi! Đất nước tôi! Đất nước tôi!

Ba mươi ba năm đã trôi qua, chuyến hành trình ngày xưa của ba giờ đã kết thúc, nhưng chuyến hành trình của tôi vẫn còn phía trước.

Tình ca

*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời
À à ơi! Tiếng ru muôn đời
Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui
Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi...(1)*

Lâu lắm rồi, tình cờ nghe lại bài hát xưa, lòng tôi buồn quay quắt. Giai điệu cũ, gọi trong tôi bao kỷ niệm của một thời thơ ấu. Bài hát làm tôi nhớ những đêm giao thừa của thuở còn để tóc bum bê, nhảy lò cò trước sân cùng bạn hàng xóm.

Những ngày cận Tết, cả nhà dọn dẹp, lau chùi, đánh bóng lư đồng để đón khách và đón anh hai, chị tư tôi đi học xa trở về. Tôi nhớ, tôi hãy còn nhỏ lắm, tôi và em kẻ được mẹ sai lau các cửa kính rồi rửa bộ tách trà mời khách. Mẹ dặn kỹ bộ trà Nhật để bể, mấy đĩa nhẹ tay thôi. Vậy mà cũng không xong. Tôi cũng không hiểu vì sao bình trà vỡ toang. Con em mặt xanh lét, sợ mẹ la, nó đổ thừa cho tôi. Tôi đứng chết trân nhìn con em run như cầy sấy. Mẹ xót của la một trận to vì tính cầu thả, tôi giận nó khóc vui đêm đưa ông Táo về trời.

Áp Tết, chị em tôi xúm ra ngoài ngõ ngồi châu đầu bên nồi bánh tét để nghe anh hai kể chuyện ma. Đêm khuya trời lập xuân se lạnh, đĩa nào cũng run lập cập. Nhìn cả dãy phố nhà nào cũng giống nhà tôi. Dọc con đường bập bùng ánh lửa thơm mùi nếp chín, nhấp nhô đầu người. Trẻ con lăng xăng chạy qua chạy lại. Mấy ông bà lão ngồi trên vỉa hè nhai trà, nói chuyện râm ran.

Năm nào cũng vậy, ba mua một nhánh mai lớn cắm giữa phòng khách, chị em tôi xúm xít treo thiệp chúc xuân, anh tôi giăng những vòng đèn nhấp nháy. Mẹ tôi thích chưng hoa cúc đại đóa, hoa hướng dương. Chị tôi lại thích hồng nhung. Còn tôi cũng để một chậu chân chim bé xíu

trên bàn học. Bàn thờ Phật phải là hoa sen trắng, bàn thờ ông bà là hoa huệ. Nhà tôi tràn ngập các loài hoa đủ màu.

Chiều ba mươi Tết, sau khi dọn dẹp nhà cửa, chị em tôi tắm gội tẩy trần. Bé út như mèo sợ nước cũng khoái chí ngâm mình trong làn nước ấm. Nồi nước tắm thơm mùi lá chanh, lá bưởi chị tôi mua sẵn ngoài chợ lúc chiều. Như một nghi lễ, ai cũng muốn thân thể mình trong sạch đón năm mới. Những đêm giao thừa, chúng tôi chen lấn trên cái giường đôi khá lớn xem ti vi, chờ giờ khắc thiêng liêng. Ba mẹ chuẩn bị bàn thờ cúng rước ông bà và mâm ngũ quả cúng giữa nhà, cả cái giêng ở góc sân ba cũng bày một mâm cúng hà bá. Mùi nhang trầm lan tỏa khắp nhà. Tôi hỏi ông hà bá mà cũng biết ăn hồ ba. Ba la, nói tầm bậy, con nít không nên vô lễ với trên trước. Tôi không hiểu tại sao lại như vậy.

Anh hai tôi có trọng trách đốt pháo, mấy chị em chạy theo anh lên sân thượng, nhìn anh treo những phong pháo nối dài. Tí từng vỗ tay, sau đó tranh nhau chạy xuống cầu thang, nép mình bên nhau hồi hộp chờ tiếng pháo nổ. Những tràng pháo nổ giòn vang nối tiếp từ nhà này sang nhà khác, mang niềm hân hoan đến cho mọi người. Thịnh thoảng những cái pháo tống to tở bỏ nổ đùng đùng, ù cả tai. Khói pháo mù mịt tràn ngập thành phố. Cu út bao giờ cũng lăng quăng chạy mò xác pháo, tìm xem có cái pháo đẹt nào chưa nổ để nó châm ngòi. Những cái pháo đẹt ấy, chỉ xịt ra một chút lửa, cu cậu đã thích chí la toáng lên rồi. Trong cái se lạnh của năm mới, lòng ai cũng lăng lăng một niềm vui khó tả. Tôi thích dậy sớm sáng mồng một để mặc đồ mới, sắp hàng chờ mẹ lì xì và chờ những lời chúc Tết của ba. “Năm mới thêm một tuổi các con phải ngoan, học giỏi.” Ba tôi luôn giữ nếp nhà. Nhưng nếp nhà của ba, liệu sẽ ra sao khi đàn con khôn lớn, khi xã hội đổi thay?

Tôi còn nhớ, mồng một Tết mẹ thường căn dặn chị em tôi không được chạy qua hàng xóm xông đất, người ta cũ. Có chuyện gì cả năm họ đỡ thừa. Xác pháo đỏ thắm tung đầy sân, mẹ cũng chờ xong ba ngày Tết, chúng tôi mới được quét dọn. Sáng sớm mồng một, cả nhà đi chùa lễ Phật, hái lộc đầu xuân, xin xăm, rồi đi chúc tết ông bà.

Tôi còn giữ tấm hình cả nhà chụp chung Tết năm 75 như một báu vật. Ba mẹ tôi đứng giữa mỉm cười hạnh phúc, đàn con xếp lớp đứng theo thứ tự toét miệng cười tươi. Tấm hình đó giữ hộ cho chúng tôi tất cả sự yên lành của một thời niên thiếu.

Rồi thời đại thay đổi. Hoàn cảnh gia đình tôi cũng đổi thay.

Tôi nhớ những năm đầu hòa bình, cuộc sống gia đình tôi chừng như đảo ngược. Ba mẹ tất tả ngược xuôi. Tôi không hiểu gì cả. Ba “không được lưu dụng.” Cũng như cậu, dựng cũng “không được lưu dụng,” dù họ tài hoa. Cậu, dựng về quê cày cuốc kiếm sống. Thợ phú, hội họa gác trên chái nhà. Đêm đêm làm bạn với chiếc radio nghe lén thời sự nước ngoài. Riêng ba tôi vẫn ở lại thành phố, ông nỗ lực tự làm việc theo cách riêng của mình. Những công việc trước đây ba không hề nghĩ đến. Tôi vẫn nhớ tiếng cửa sắt ken két lúc nửa đêm ba lách mình ra khỏi nhà lên rừng mua song mây hay làm thủy lợi, trồng rừng... cho dù mưa hay nắng, cho dù trời lạnh như cắt da. Ba nói ba khổ cực chỉ mong các con học thành người, sau này không ai ăn hiếp. Ba dạy chúng tôi làm người không được sống quý. Tôi biết chị em tôi đã may mắn lắm. Mấy đứa bạn tôi, tan tác khắp nơi. Có đứa bỏ học nửa chừng theo nhà đi kinh tế mới, dù ba nó đi cải tạo chưa về. Có đứa thi đậu đại học mấy lần, mà lần nào cũng không được đi học vì lý lịch “quá đen.” Trong lớp, nhìn qua nhìn lại tự dưng thấy thừa dằn, tụi nó biến mất trong im lặng.

Đã hết rồi những tiếng cười trong như pha lê của lũ bạn tôi vang vang trên bờ biển vắng. Đã hết rồi những ước mơ ngông cuồng làm nhà du hành vũ trụ, nhà bác học tài ba.

Con người như mầm cây luôn cần không khí và ánh sáng, tự đứng bị chụp kín bốn bề. Mầm cây muốn sống phải vươn ra ngoài ánh sáng cho dù bị bầm dập đau đớn hay bị đứt gãy nửa chừng. Đó là quy luật của cuộc sống không gì ngăn cản được

Sau này tôi mới hiểu vì sao trong giai đoạn đó, ba luôn luôn nói thích ăn cơm cháy.

Nhà đông con, cơm trộn mì vẫn không đủ bữa ăn. Ba luôn nhường nhịn cho con mình ăn trước, và cứ nói ba thích ăn cơm cháy. Mỗi lần nghĩ lại tôi muốn ứa nước mắt. Trước đây ba tôi có bao giờ thích cơm cháy đâu. Nhà có người làm, nhưng mẹ vẫn thích tự lo cơm nước tươm tất cho ba. Tôi nhớ, nhà ưa đãi tiệc, ba thường dẫn đi ăn tiệm cuối tuần. Chưa bao giờ chúng tôi tưởng tượng có ngày phải ăn cơm trộn khoai mì.

Xưa kia, mẹ làm y tá. Ở nhà mở tiệm thuốc Tây bán theo toa bác sĩ. Bây giờ phải lén lút bán thuốc chữa bệnh như đi ăn trộm, sợ công an đến hỏi thăm bắt gờ.

Ba bực bõ nhất quyết không chịu thua. Ba tìm cách mở quầy bán sách cho mẹ trông và cũng có sách cho con mình đọc. Tôi nhớ sách thời đó, toàn là sách của Liên xô gáy cứng giấy trắng in đẹp. Không hiểu tại sao, được vài năm nhà tôi bị kiểm kê không cho bán sách nữa.

Tôi thích đọc Bông Hồng Vàng của Pautôpxki, Cánh Buồm Trắng của Aimatôp, Chiến tranh và Hòa bình của L. Tônxtôi... còn sách của Việt Nam, Hà Nội in giấy vàng xỉn, đen thui, toàn là Chí Ut Tịch, anh hùng Nguyễn Văn Trỗi... tụi tôi đọc chán ngắt. Tôi cứ tiếc tủ sách Tuổi Hoa tôi thường đọc ngày trước nào là hoa xanh, hoa đỏ, hoa tím, tạp chí Thiếu Nhi của Nhật Tiến, Ngàn Thông của Duyên Anh, với những hình vẽ của họa sĩ Vi Vi mà cả thầy chúng tôi đều yêu thích...rồi truyện tranh Tin Tin, Phan Tân – Sỹ Phú, Lữ Hán – Phi Lục, Lucky Luke, Astérix - Obélix, truyện dịch, tủ sách Tự lực văn đoàn, tủ sách học làm người của Nguyễn Hiến Lê... những quyển sách lý thú một thời tôi say mê, không hiểu sao nhà nước lại tịch thu.

Tôi nhớ những đêm khuya ba ngồi canh chị em tôi học thi, mẹ đem cho chúng tôi từng ly sữa. Nhiều hôm học mệt lười biếng tôi ngủ. Bỗng thức giấc khi thấy ba bỏ mùng, hay đập tôi dậy vì ngủ gục.

Nếp nhà của ba mẹ, chị em tôi luôn cố gìn giữ. Cho dù mỗi người một cuộc đời thăng trầm với nhiều chí hướng.

Ngôi nhà ngày xưa nay không còn nữa, nó đã thuộc về một người chủ khác. Ba tôi cũng đã mất rồi. Nhưng những kỷ niệm của gia đình tôi trong mái nhà xưa mãi là điều thiêng liêng mà chị em tôi vẫn luôn gìn giữ. Tận trong sâu thẳm chúng tôi biết ngôi nhà cũ mãi mãi toả sáng, nó luôn trở về trong giấc mơ tôi.

Tôi nhớ những cánh mai vàng nở sớm, rung chậm rãi trong không gian hiu hắt của đêm, những cánh mai nhỏ xinh xắn vẫn còn vàng lịm trong trí nhớ tuổi thơ tôi.

Tôi nhớ căn nhà bên rẻo biển của mình, những đêm khuya gió thổi rào rạt, hương muối mặn nồng. Tôi nghe rõ tiếng sóng vỗ vào bờ cát, như tiếng ru êm của mẹ vỗ về giấc khuya. Tôi nhớ tiếng ghe thuyền đánh cá, tiếng í ới của các ngư dân ra khơi sớm và cả tiếng con thằn lằn tặc lười trên bức vách đầu đêm.

Nhớ ời là nhớ cầu thang ba làm ngoài trời để đón gió biển, tôi thường ngồi lạng hàng giờ để ngắm mặt trời lên hay ngắm mặt biển dát vàng những đêm trăng sáng.

Có ai trong cuộc đời không một lần ao ước trở về thời bé dại:

*Cho tôi lại ngày nào
Trăng lên bằng ngọn cau
Me tôi ngồi khâu áo
Bên cây đèn dầu hao
Cha tôi ngồi xem báo
Phố xá vắng hiu hiu...(2)*

Nhưng những ao ước trở về của chúng tôi vượt qua giấc mơ tuổi nhỏ, vượt qua nỗi ham muốn trở về với quá khứ tuổi hoa niên, chỉ giản dị là ước muốn trở về với một xã hội đạo đức, lương thiện, nồng ấm tình người.

Cuộc sống, tôi biết, là những vòng quay, rồi có lúc con người cũng trở về nơi chốn cũ. Có những sự trở về thật tình cờ trong tâm tưởng, bắt chợt từ một giai điệu bài hát, một hình ảnh thân quen hay một mùi vị gợi nhớ... giúp ý thức những mất mát của thời đã qua. Cũng có sự trở về như những chuyến hành hương để được tắm trong nỗi buồn vui được mất của kiếp người cùng màu da, ngôn ngữ.

Nhưng, cũng có sự trở về đầy khó khăn, trần trụi trong ước muốn thẳm lặng mà quay quắt, cùng nhau xây lại ngôi nhà mà cha ông đã gây dựng. Dù biết chắc con đường phía trước vẫn còn nhiều chông gai, con người vẫn muốn trở về.

Về, để không bội ước.
Về để ước mơ trên chính quê hương mình.

Sao anh không về chơi thôn Vĩ

70 năm trôi qua kể từ khi Hàn Mặc Tử – thi sĩ của “*Truyện thơ Loạn*” đi vào cõi vĩnh hằng, người đời vẫn không nguôi nhắc về ông. Ông là một hiện tượng độc đáo, một tài năng kỳ lạ bất thường trong phong trào Thơ Mới.

Hàn Mặc Tử tên thật Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22/9/1912 mất ngày 11/11/1940. Quê ở làng Lệ Mỹ (Đông Hới), Quảng Bình. Ngay từ nhỏ gia đình ông chuyển vào sống tại Quy Nhơn. Nhà nghèo, cha mất sớm, học trường Quy Nhơn đến năm thứ ba. Làm việc ở Sở Đạc điền Quy Nhơn một thời gian bị đau rồi mất việc. Vào Nam làm báo ở Sài Gòn ít lâu lại trở về Quy Nhơn. Sau đó bị bệnh hủi, đưa vào bệnh viện phong Quy Hoà ở Quy Nhơn rồi mất ở đó. Hàn Mặc Tử làm thơ từ năm 16 tuổi (lấy hiệu Phong Trần rồi Lệ Thanh). Đến năm 1936, khi phụ trách phụ trương văn chương báo Sài Gòn mới đổi hiệu là Hàn Mặc Tử. [1; 196]

Là một tài thơ lớn của phong trào Thơ Mới, Hàn Mặc Tử sáng tạo nhiều bài thơ tuyệt hay như “*Mùa xuân chín*”, “*Đây thôn vĩ dạ*”... Bên cạnh những vần thơ hết sức trong sáng, là một thể giới hình tượng kỳ lạ đầy ghê sợ, thể hiện một tâm hồn thơ đau đớn, điên loạn, những dòng thơ viết bằng máu và nước mắt. Hàn Mặc Tử chết sớm năm 28 tuổi. Thơ ông là bằng chứng của một chàng trai trẻ tài hoa có tâm hồn luôn yêu đời, khao khát cuộc sống, nhưng cuộc đời cay nghiệt đã bắt ông phải lìa bỏ sớm. Cho nên trong thơ Hàn Mặc Tử, ta có thể cảm và nghe được cả một thế giới bên trong vô hình đang lâm vào niềm tuyệt vọng, là tiếng nói vô vọng của một

thân phận bị dồn đẩy đến cùng cực, chơi vơi bên bờ miệng vực của thân chết mà ngoái nhìn, nuối tiếc cuộc đời.

Sinh thời, Hàn Mặc Tử đã từng được Phan Bội Châu khen ngợi: “ *Từ về nước đến nay được xem nhiều thơ văn quốc âm song chưa gặp được bài nào hay đến thế. Hồng Nam nhận Bắc ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười to một tiếng ấy là thoả hồn thơ đó*”. Có lẽ ông già *bến ngự* là người đầu tiên giới thiệu Hàn Mặc Tử với công chúng, đồng viên nhà thơ trẻ tự tin trên con đường sáng tạo.[16; 76]

Năm 1936, với tập “Gái quê”, thi nhân họ Hàn đã làm xáo dư luận trong phong trào Thơ Mới, đặc biệt khi *Trường thơ Loạn* và tập *Thơ Điên* xuất hiện, giới phê bình lắm kẻ khen chê. Ta hãy xem tác giả Thi nhân Việt Nam nhận xét: “ *Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mặc Tử nhiều lắm. Có người bảo Hàn Mặc Tử, thơ với thần gì! Toàn nói nhảm. Có người nghiêm khắc hơn nữa: Thơ gì mà rắc rối thế! Mình tưởng có ý nghĩa khuất khúc, cứ đọc đi đọc hoài, thì ra nó lừa mình...*” [1; 196]

Trong báo Ngày nay số 122 (chủ nhật ngày 7/8/ 1938) Xuân Diệu viết bài *Thơ của Người* có lẽ cũng nhằm ám chỉ các thi sĩ “ *Trường thơ Loạn*” ở Bình Định bằng một thái độ phủ nhận: “*Hãy so sánh thái độ can đảm kia, thái độ của những nhà chân thi sỹ, với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu: tôi điên đây! Tôi điên đây! Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống*”. [1; 197]

Nhưng cũng lắm người ca tụng. Nhận xét về Hàn Mặc Tử, tài năng lạ của một thời, Chế Lan Viên viết: “*Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau những cái tầm thường mực thước kia sẽ biến tan và còn lại của các thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử.*” [1; 197]

Tỉnh táo và sâu sắc, Trần Tái Phùng đã không ngần ngại phô bày vẻ đẹp tuyệt mỹ của thơ ca Hàn Mặc Tử : “*Nghệ thuật chàng tựa một con sông dài đi xuyên qua thế kỷ chúng ta và hai bờ sông dàn bày không biết bao nhiêu cảnh sắc khác nhau đẹp để đến say ngộp, đến tê liệt cả lòng người*”[2]. Trần Tái Phùng đã ví thơ Tử với những khung cảnh thần tiên của thời thượng cổ theo hội họa của Poussin, Millet và Murillo...[16; 77]

Bước vào thơ Hàn Mặc Tử, người đọc không khỏi có cảm giác phân tâm, bởi mạch thơ ông luôn là mạch kết cấu của một dòng thơ bất định, tuôn chảy theo niềm cảm xúc phản ánh một tâm trạng luôn bất ổn trong cuộc sống. Bài thơ “*Đây thôn vĩ dạ*” trong tập *Thơ Điên* là một thi phẩm nổi bật phần nào tiêu biểu cho dòng thơ đó.

Vĩ dạ là một thôn gần sát ngay cố đô Huế, làng ấy ngày xưa là nơi các vương hầu hoàng tộc và các gia đình quyền quý cư trú. Vĩ dạ là một làng khá tiêu biểu cho phong cách sống trầm mặc khép kín của xứ Huế. Nhà nào cũng có hàng rào dâm bụt, cắt xén gọn, tươm tất. Vào sân vườn là những chồi cây cảnh, xen kẽ hoa trái, tre trúc. Sau vườn là các khóm rau, có khi cả vạt bắp, và bậc cấp xuống mé sông Hương. Nhà vườn và tính chất an nhiên là một nét tiêu biểu của thôn Vĩ dạ.

Hồi ở Quy Nhơn những năm 32 – 33 Hàn Mặc Tử có một mối tình với cô Hoàng Thị Kim Cúc. Cha cô Cúc làm ở Sở Đạc Điền và Hàn Mặc Tử cũng làm việc ở đó, thời gian sau ông bỏ vào Sài Gòn làm báo, khi trở về Quy Nhơn thì gia đình cô Cúc đã chuyển về Huế, ở thôn Vĩ dạ. Ít lâu sau, biết Hàn Mặc Tử mắc bệnh nan y, đang đau đớn và cô đơn tại bệnh viện phong Quy Hoà, người em họ gợi ý cô Cúc gửi một bưu thiếp thăm hỏi sức khoẻ cho Mặc Tử. Hàn Mặc Tử làm bài thơ này đáp lại như một lời cảm ơn.[3]

Đây thôn Vĩ dạ

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chờ trăng về kịp tối nay?*

*Mơ khách đường xa, khách đường xa.
Áo em trắng quá nhìn không ra.
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà!*

Toàn bài thơ là những câu hỏi phiếm chỉ, mang tâm trạng hoài nghi, bất định của tác giả, làm cho không khí bài thơ mang âm hưởng buồn.

Ngay đầu đề bài thơ, thi nhân đã cho người đọc một cảm giác lạ. Tại sao không gọi bài thơ là “*Thôn Vĩ dạ*”, mà phải là “*Đáy thôn Vĩ dạ*”. Từ “*đáy*” có một cái gì đó giới thiệu rất trân trọng. Hàn Mặc Tử trân trọng một làng quê mà ở đó có người con gái ông hết lòng yêu mến. Ở đây, thi nhân muốn thể hiện tình cảm của mình với cô gái qua cách giới thiệu. Trân trọng làng quê của người mình yêu cũng là trân trọng người yêu.

Mở đầu bài thơ là một câu hỏi nhưng cũng có thể là lời hờn trách của cô gái “*Sao anh không về chơi thôn Vĩ*”. “*Sao anh...*” đại từ nhân xưng “*anh*” ngọt ngào đã biểu lộ được mối quan hệ thân mật giữa thi nhân và cô gái. Sao anh không về chơi quê em, hay là sao anh không về đây thăm em. Dường như có một *thôn Vĩ* mà chỉ cần một lời mời đầu mỗi thì nó đã đủ cho hai người ngấm hiểu nhau rồi. Cả một câu thơ bảy chữ thì đã có sáu chữ đầu là thanh bằng, tạo nên một âm hưởng dịu êm mang đậm phong cách nhẹ nhàng của các cô gái Huế.

Về đây thăm quê em để ngắm hàng cau vươn mình trong nắng mai, để thả hồn chan hoà trong thiên nhiên xanh ngát, để ngắm nhìn ai tha thướt, thấp thoáng dưới hàng cây. Cảnh vật chỉ đơn sơ vậy thôi, nhưng đã đủ làm xôn xao, sàu nặng hồn ai. Cũng là cảnh làng quê, nhưng có người thích ngắm trong nắng trưa, hay buổi chiều tà, ở đây Hàn Mặc Tử muốn ngắm làng quê dưới ánh nắng ban mai của một ngày mới. “*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*”, câu thơ tả cảnh của ông có một nhịp điệu khác thường, hai từ “*nắng*” trong cùng một câu thơ tạo nên cái tâm trạng xôn xao, háo hức của một thanh niên trẻ trung yêu đời. Và cuối cùng là một lời reo “*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*”, vườn ai mà đẹp quá như vậy, có phải là vườn nhà nàng chăng? Người ta có thể nói xanh biếc, xanh mơn mớn, xanh mướt để tả màu xanh. Ở đây, Hàn Mặc Tử rất tài tình khi không dùng hai từ “*xanh mướt*” đi kề nhau, bởi “*xanh mướt*” có một vẻ gì đó yếu ớt, ít sinh khí. Vì thế, Hàn Mặc Tử đã tách ra, hoán đổi trật tự từ và thay bằng lời reo “*mướt quá*” rõ ràng câu thơ cũng tả về màu xanh nhưng lại tràn đầy sức sống, dồi dào sinh khí hơn. Do vậy, từ “*xanh như ngọc*” gieo vào lòng người đọc một cảm nhận đầy ấn tượng. Vườn của ai mà đẹp quá, quý giá quá, xanh quá, trong suốt như ngọc. Đứng trước thiên nhiên đầy sức sống như thế, ai lại không thấy yêu đời, yêu cuộc sống. Và kia, thấp thoáng sau những khóm tre, khóm trúc là khuôn mặt của một người. “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*”. Thơ xưa thường ca ngợi cái đẹp “*thanh mai trúc mã*”, nét mảnh mai của cô gái bên cạnh cái cứng cõi của một chàng trai. Hàn Mặc Tử muốn tả trong một khoảnh khắc nào đó, hình ảnh của một “*ai đó*” qua khóm trúc đã gây cho Hàn một ấn tượng mạnh, nên đã in dấu trong hồn thi sĩ và khi đặt bút đề thơ ông đã tạo ra một hình tượng thơ bí ẩn.[4]

Ở đây, chúng ta không cần phải tách bạch, “*khuôn mặt chữ điền*” ấy là của ai. Bởi lẽ, đó cũng là một chi tiết thoáng qua, một đường nét đẹp nằm trong cái tổng thể.

Trên toàn cảnh của khổ thơ đầu là bút pháp tả thực của Hàn Mặc Tử về một miền quê xanh tươi tràn đầy sức sống, và đó cũng chính là lòng ham sống, lòng yêu đời của thi nhân. Vì nếu không ham sống, không yêu đời thì làm sao có thể tả được một khung cảnh bình dị mà đắm say lòng người đến thế.

Nhưng sang khổ thơ thứ hai, người đọc đột ngột rơi vào một tâm trạng buồn, chia cách khi nghe một nhạc điệu khác thường, lạnh lẽo, vô tình đến nghiệt ngã.

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

Thiên nhiên cũng có gió, có mây, có nước, có hoa, nhưng sao rời rạc, nhạt nhẽo. Gió mây chia đường, tách ngã, và sông thì lặng im không buồn chảy trong khi đó hoa bắp lại vô tình lay. Mới vừa đây, thi nhân đang rạo rức trước sự sống thì nay tâm trạng bỗng buồn bã, nát tan. Bởi vì Hàn Mặc Tử có yêu đời mãnh liệt như thế nào, cũng bằng không - khi bản thân ông biết mình đang tan rữa từng ngày. Từng ngày là từng ngày bước dần vào cõi chết. Đó chính là mâu thuẫn trong tâm hồn của Hàn. Yêu đời nhưng tuyệt vọng.

Cuộc đời đã ngoảnh mặt quay lưng, nắng hình như đã tắt, trời đã chuyển hoàng hôn. Thi nhân tan nát cõi lòng, tuyệt vọng có thể chấm dứt hy vọng nhưng không thể chấm dứt tình yêu. Đối với Hàn Mặc Tử giờ đây tình yêu là lối thoát cuối cùng mà ông đang cố bám víu để hy vọng sống.

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay ?*

Trong thơ ca dân gian Việt Nam, hình tượng thuyền và bến thường xuất hiện trong những bài ca về tình yêu để bộc lộ nỗi lòng và tâm trạng đôi lứa. Con thuyền là sự vật chuyển động không ngừng trên sông biển và thuyền mang ý nghĩa biểu trưng cho hình ảnh người con trai. Còn bến, bờ là điểm đến hay rời đi của thuyền thường biểu trưng cho hình ảnh người con gái. Sự kết hợp giữa thuyền và bến được khai thác bởi các yếu tố động – tĩnh, bởi hành trình và yên nghỉ... qua đó biểu hiện hoặc gọi lên những trạng thái tình cảm tương ứng.

*Thuyền ơi có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*

Tuy nhiên, cũng có lúc trong ca dao thuyền lại được ví như thân phận long đong của người con gái:

*Trông trăng như nón không quai
Như thuyền không lái, như ai không chèo*

hay thân gái lênh đênh mười hai bến nước:

*Thân em như chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết gửi phận mình nơi nao*

Cũng giống như thơ ca dân gian, Hàn Mặc Tử kế thừa truyền thống dân tộc lấy hình ảnh thuyền và bến làm biểu trưng cho tình yêu đôi lứa. Hồn thơ Hàn tuyệt đẹp khi liên tưởng thuyền trăng, bến trăng, sông trăng. Trong đêm trăng kỳ ảo tràn ngập ánh vàng, thuyền em có kịp chờ trăng về với anh trong đêm nay. Anh đang cô độc, đang cô đơn, đang tuyệt vọng, làm sao em đến được với anh trong lúc này. Câu hỏi “*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó. Có chờ trăng về kịp tối nay?*” là một câu hỏi khẩn thiết của một người đang quặn quai trong đau đớn. Lúc này đây, ngay “*tối nay*” đây, em có kịp về không? Tình yêu của em có đến kịp không? Anh cần em, tình yêu là niềm tin cuối cùng anh đang bám víu để sống. Còn yêu là còn sống.

Trăng là một trong những hình ảnh nổi bật trong thơ Hàn Mặc Tử, có lẽ ông là một trong ít thi nhân có những câu thơ nói về trăng lạ lùng, kinh dị và độc đáo nhất. Ông nhân hóa trăng như người con gái:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
(Bến lữ)

Trăng cũng có mùi vị:
Mới lờn lên trăng đã thẹn thò
Thơm như tình ái của ni cô
(Huyền ảo)

Ông xem trăng như tài sản của riêng mình, trăng là của mình, nên tự ý rao bán:
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò
(Trăng vàng trăng ngọc)

Hàn Mặc Tử đang tự hỏi lòng, vẫn biết câu hỏi sẽ rơi vào hư vô, hy vọng của mình là hy vọng hão huyền nhưng ông vẫn ước:
Mơ khách đường xa, khách đường xa.
Áo em trắng quá nhìn không ra.
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà!

Bây giờ, Hàn Mặc Tử đã rơi vào mộng thật rồi, Hàn đang tưởng tượng có người phương xa đến thăm chàng, mơ “khách đường xa, khách đường xa” được lặp lại hai lần trong một câu diễn tả tâm trạng thiết tha mong ngóng đến độ khẩn thiết. Nơi chàng ở, cô liêu quá, người đời hắt hủi chàng, xa lánh chàng, ghê sợ chàng, chàng đang sống cô lập ở một nơi xung quanh bạt ngàn đồi cát trắng, trên một bờ biển hoang vắng ít dấu chân người, bạn của chàng là tiếng sóng vỗ, là tiếng thông reo, tri kỷ của chàng là ánh trăng đêm. Đêm nay, mơ thấy em về nhưng em mờ ảo quá, anh không thấy gì cả. “Áo em trắng quá nhìn không ra” hay vì anh nhìn em từ một cõi xa xăm nào. Bởi vì, trong đời sống bình thường làm gì có màu trắng nào là màu trắng không thể nhìn thấy được. Bút pháp của Hàn Mặc Tử lúc này đã rơi vào tâm linh, siêu thực.
Ai biết tình ai có đậm đà!

Từ hy vọng Hàn Mặc Tử đã rơi vào niềm tuyệt vọng, câu cảm thán cuối cùng của Hàn cũng vừa là một câu hỏi, vừa khẳng định vừa nghi vấn. “Ai biết tình ai” là một cặp từ phiếm chỉ nhiều tầng nghĩa, vừa gần gũi vừa xa vời. Có phải Hàn Mặc Tử đang muốn biết tình cảm của cô gái đối với mình có còn không? Hay Hàn đang muốn người phương xa biết tình mình vẫn ngày đêm mong ngóng? Một câu hỏi không có hồi âm, nó thiết tha mà nghẹn ngào xót tủi như cái ngơ ngác của kẻ đứng trước ngã ba đường tiến thoái lưỡng nan, đi về phía nào cũng thấy cụt đường, không còn phương hướng nữa.

Chu Văn Sơn đã từng bình thật hay: *Khép lại bài thơ, người đọc có thể thấy rõ mạch liên tưởng “cóc nhảy” đứt đoạn, bất định trong ba khổ thơ. Khổ đầu: một ước ao thầm kín ngấm ngấm bên trong lại cất lên như một lời mời mọc từ bên ngoài, nỗi hoài niệm âm u lại mang gương mặt sáng sủa của khát khao rục rờ. Khổ hai: một ước mong khẩn thiết dâng lên thoát trở thành một hoài vọng chơi với nghẹn ngào. Khổ ba: một niềm mong ngóng vừa lộ dạng hướng ra thế giới bên ngoài đã vội biến thành mối hoài nghi hướng vào nơi đang tồn tại. Mối u hoài nối ba khổ thơ tách biệt ấy còn được thể hiện bằng một “sợi dây” liên kết khác nữa: Ba khổ thơ đều ngầm chứa ba câu hỏi với bốn chữ ai dãi đều trong lòng bài thơ (Vườn ai? Thuyền ai? Ai biết tình ai?) khiến chúng vang lên thành giọng điệu da diết khắc khoải. Vậy là, nếu lối liên tưởng “cóc nhảy” tạo ra một văn bản hình tượng đầu Ngô mình Sở, thì dòng lưu chuyển cảm xúc đau thương dưới dạng u hoài khắc khoải kia lại tạo ra một âm điệu nhất quán, liền mạch. Phi logic ở bề mặt, nguyên*

phiến, nguyên điệu ở bề sâu, đó chính là siêu logic, đây là nét thi pháp điển hình của “Đây thôn Vĩ dạ”.[13]

Chế Lan Viên, trong khi chỉ ra cách đọc thơ Hàn Mặc Tử cũng đã từng viết. Hàn Mặc Tử thuộc tuýp thi sỹ bị thơ làm . “ *Bị truy kích bởi cái chết, Tử hồi hả, dồn dập sáng tạo chữ đâu có làm vẫn! Anh trút đời mình, lòng mình từng trận, từng hơi chữ đâu có ngồi điều khắc, chạm trổ từng câu, từng chữ. Ta hiểu anh không phải từng câu, từng chữ, mà từng hơi.*”[5]

Trong bài “Đây thôn Vĩ dạ” Hàn Mặc Tử đã viết theo thể thơ Đường luật thất ngôn tứ tuyệt gồm 3 khổ 12 dòng, mỗi khổ 4 câu 7 chữ nhưng với phong cách sáng tác hoàn toàn mới, nhà thơ đi từ bút pháp tả thực, đến tượng trưng, rồi siêu thực.

Hai câu thơ:

“ *Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*”...

Mang màu sắc tâm linh, kinh dị. Thực ra, như Chu Văn Sơn nhận xét: “...về kinh dị trong thơ Hàn không quá xa lạ. Chúng ta đã từng tiếp nhận trong truyền thống ở những chuyện ma quái dân gian như “ *Lĩnh nam chích quái*”, “ *Việt điện U linh*”, “ *Truyện kỳ mạn lục*” cả đây đó trong “ *Truyện Kiều*” của Nguyễn Du... và đương thời Hàn Mặc Tử cũng có nhiều đồng minh trên con đường phiêu lưu vào thế giới của cái kinh dị như Chế Lan Viên, Thế Lữ, Vũ Bằng... song, có thể nói “ *Quyết đi tìm sự lạ*” chính là động cơ lớn chi phối hành trình sáng tạo của Hàn Mặc Tử”. [13; 43] Trong tiểu luận “Nghệ thuật là gì?” Hàn Mặc Tử đã viết: “ *Quãng mình đi giữa cái vũ trụ mênh mông, vượt ra theo những nguyện vọng cao xa, những cái ý nghĩa, ấy là do cái năng lực tinh thần mạnh mẽ nó thúc giục mình (...)* Bồn chồn, ta quyết đi tìm sự lạ” [6]

Có người cho rằng Hàn Mặc Tử chịu ảnh hưởng lớn chủ nghĩa siêu thực của Baudelaire.[20] Ông đã thụ lĩnh từ tác giả “ *Hoa ác*” một cảm quan ma quái để đi vào thế giới đau thương, rồi cứ bị thôi miên bởi vẻ đẹp kỳ lạ, kinh dị.[13] Tuy nhiên, theo tôi chúng ta cần lý giải theo chiều hướng khác, dưới góc nhìn của văn học so sánh. Đây chính là hiện tượng tương đồng khi có cùng hoàn cảnh sáng tác trong sáng tạo nghệ thuật. Thật vậy, Hàn Mặc Tử mang bệnh nan y, ông luôn ở trong tình trạng cô đơn, ám ảnh từ cái chết nên thế giới ông đầy ma quái, nhất là những đêm trắng tròn bệnh “ *hủi*” phát tác mãnh liệt gây đau đớn quằn quại, trong lúc nửa mê nửa tỉnh như vậy thơ ông tuôn ra mang hình ảnh siêu thực là điều đương nhiên, không thể nói thơ ông lúc ấy làm do ảnh hưởng Baudelaire. Có chăng, thơ Hàn Mặc Tử là sự kết hợp tâm hồn đặc biệt của ông và nền văn hóa Pháp trong bối cảnh phong trào Thơ Mới những năm 30 của thế kỷ 20.

Bài thơ “Đây thôn Vĩ dạ” từ khi mới ra đời đã được người đọc đón nhận một cách nồng nhiệt và trân trọng, thi phẩm được đánh giá là một trong ít bài thơ tả cảnh làng quê xinh đẹp, nên thơ hay nhất trong phong trào Thơ Mới lúc bấy giờ.

Đây cũng là bài thơ nổi tiếng, tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Hàn Mặc Tử đi từ tả thực – tượng trưng đến siêu thực.

Bài thơ “Đây thôn vĩ dạ” thực chất không phải là một bài thơ tả cảnh làng quê của Hàn Mặc Tử, thi nhân đã mượn cảnh để nói cái tình của mình. Nhân bức bưu ảnh gửi tặng của người xưa, ông hoài niệm về một mối tình đã qua. Bài thơ bắt đầu bằng một câu hỏi và cuối cùng kết thúc như một câu hỏi, thi nhân hy vọng vào tình yêu nhưng không dám tin vào tình yêu, bởi vì Hàn Mặc Tử biết đó là mối tình tuyệt vọng, mâu thuẫn ấy là một tâm trạng đau thương, bởi Hàn biết mình đang đi dần vào cõi chết. Bài thơ này làm trong giai đoạn cuối của cuộc đời ông. Bài thơ khép lại nhưng câu thơ “ *Ai biết tình ai có đậm đà!*” như vẫn còn rung mãi trong lòng người đọc như tiếng ngân của một điệu hò. Tứ thơ và lời thơ tuy buồn lay hiu hắt đã sắc đậm

màu lục của lá trúc cắt vào lòng khách thơ, đến nỗi, không ít khách phương xa về qua Huế, không ai lại không muốn đến thăm “*miền thôn Vĩ dạ ấy*” để được tận mắt chứng kiến một lần *thôn vĩ* của Hàn Mặc Tử, được tận mắt nhìn thấy những nhà vườn Huế ẩn khuất bóng dáng của một đôi mắt và được sống dưới hàng cau mướt xanh đậm tình người...

Văn chương, cũng như cuộc đời, mang thẳng trâm của giông bão chịu những định kiến từ quan điểm giai cấp hay phê phán hữu khuynh, từ sau 1945 đến năm 1986 dòng văn chương lãng mạn đã không được chấp nhận. Tài liệu hướng dẫn giảng dạy Văn học lớp 12 năm 1983 của Nhà xuất bản Giáo dục đã từng ghi: “*Về nội dung, đây là dòng văn học bạc nhược, suy đồi, tiêu cực, có tính chất phản động, tuy có ít nhiều yếu tố tích cực. Do đó, sau bài khái quát này, chương trình hiện hành không đưa tác phẩm cụ thể vào kế hoạch học giảng văn, tuy sách giáo khoa có giới thiệu bài thơ “Cây đàn muôn điệu của” của Thế Lữ để học sinh đọc thêm. Chúng ta cũng nên khuyên học sinh không nên đọc sách báo lãng mạn...*” [7], với quan niệm trên, thi ca Hàn Mặc Tử càng bị bài xích vì tư tưởng siêu thực, thoát ly ngoài cuộc sống, “*Đây thôn Vĩ dạ*” cũng nằm trong tình trạng ấy. Chính cách đánh giá lạc hậu này từ một nền thẩm mỹ đóng khung, đã làm cho bao thế hệ học sinh bị thiệt thòi trong việc tiếp cận những áng văn thơ tuyệt tác của đất nước.

Văn chương theo đất nước rẽ vào những nhánh sông *đổi mới*, tuy chưa ra biển lớn “*Đây thôn Vĩ dạ*” đã tìm lại vị trí xứng đáng của một thi phẩm tuyệt tác của một tài thơ lớn trên thi đàn Việt Nam. *Giòng nước buồn thiu hoa bắp lay* từng là thân phận của “*Đây thôn Vĩ dạ*”, ngày nay, đã được giảng dạy trong chương trình trung học phổ thông.

Một tiếng thơ lớn, là một tiếng thơ mà lịch sử không xóa được.

24/4/2011

Tài liệu tham khảo

[1] *Thi nhân Việt Nam* _ Hoài Thanh – Hoài Chân NXBVH 2000

[2] Chuyển dẫn theo Phan Cự Đệ – *Thơ văn Hàn Mặc Tử phê bình và tưởng niệm*. NXB.GD H,1993 tr 343

[3] Theo tài liệu của Trần Thanh Địch, nhà văn, bạn thân của Hàn Mặc Tử

[4] Hình tượng bí ẩn này đã có quá nhiều suy diễn và tranh cãi, đến nỗi có một lần Chế lan Viên phải thốt lên: “*Con gái mặt chữ điền thì đẹp gì mà Hàn Mặc Tử phải ca ngợi*”. Thôi thì, người cho rằng gương mặt ấy là của chính nhà thơ. Bình giảng bài thơ này, ông Lê Trí Viễn cho rằng: “*mặt chữ điền, theo dân gian Huế là khuôn mặt phúc hậu của các cô gái*”. Còn các nhà nghiên cứu thì cho rằng hình tượng mặt chữ điền trong Văn học Việt Nam thường dùng để chỉ gương mặt cương nghị của các chàng trai.

[5] Chế Lan Viên – *Lời giới thiệu tuyển tập Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học, 1987

[6] Hàn Mặc Tử – *Nghệ thuật là gì?* Báo Sài gòn 26/10/1935

[7] Tài liệu hướng dẫn giảng dạy Văn học lớp 12 phổ thông, tập I.tr11. NXBGD, 1983

[8] *Văn học và thời gian* – Trần Đình Sử, NXB.VH, 2000.

[9] *Đọc văn và học văn* – Trần Đình Sử, NXB.GD, 2002.

[10] *Một thời đại trong thi ca* – Hà Minh Đức, NXB.DHQG Hà Nội, 2002.

[11] *Tác phẩm văn chương trong trường phổ thông – những con đường khám phá*- Vũ Dương Quý – Lê Bảo, NXB.GD, 2002.

[12] *Đến với thơ hay* – Lê Trí Viễn

[13] *Thơ Điên của Hàn Mặc Tử thi học của cái “tột cùng”* – Chu Văn Sơn, TCVH số 11/2000.

[14] *Con mắt tâm linh văn hóa phương Đông trong thơ Hàn Mặc Tử* – Đoàn Thi Hương Giang, TCVH số 11/2000.

[15] *Chữ và nghĩa trong thơ* – Mã Giang Lân, TCVH số 4/2000.

[16] *Hàn Mặc Tử trong đời sống phê bình trước 1945* – Nguyễn Toàn Thắng, TCVH số 4/2001.

[17] *Ảnh hưởng của thơ tượng trưng Pháp đối với phong trào Thơ Mới Việt Nam 1932 – 1945* – Trần Huyền Sâm, TCVH số 12/2001.

[18] *Các lý thuyết thi pháp học cấu trúc* – Trịnh Bá Đĩnh, TCVH số 8/2002.

[19] *Lý luận văn học tập 3*. – Phương Lưu (chủ biên)- NXBGD, 1988.

[20] Charles Baudelaire (1821-1867) là nhà thơ lớn của văn học Pháp thế kỷ XIX thuộc trường phái tượng trưng chủ nghĩa. Baudelaire sinh tại Paris, mồ côi cha lúc 6 tuổi, mẹ tái giá và đã gửi ông vào một ký túc xá. Ông theo gia đình sang Ấn Độ vào năm 1841, sau đó trở về Paris, sống cuộc đời kham khổ, thiếu thốn và bắt đầu sáng tác. Thi sĩ đã gặp vài kiều nữ như Jeanne Duval, Marie Daubrun, Apollonie Sabatier, và chính những người phụ nữ đẹp này đã đem nhiều cảm xúc, cuồng nhiệt và thi hứng cho những dòng thơ chấp chờn mộng ảo của ông, năm 1867 ông bị bệnh ốm nặng, qua đời sau một thời gian bị bại liệt tàn phế. Thi phẩm *Les fleurs du mal* (*Hoa khổ đau* hay còn dịch *Hoa ác*, xuất bản 1857) là một thi phẩm nổi tiếng của ông.

Phụ đính I :



Biết đâu nguồn cội

Tàu đêm đến ga Sài Gòn vào lúc rạng sáng, thành phố vẫn chưa thức. Không gian thật yên tĩnh. Nhưng lòng tôi không yên tĩnh. Có một điều gì đó đang trào dâng trong tôi. Có phải tôi đang đi tìm bản thể của chính tôi. Tôi gọi điện cho Hương báo tin mình đã đến. Taxi dừng trước khách sạn. Cánh cửa cuốn được kéo lên. Một thiếu phụ thanh mảnh, tóc ngắn, dáng trí thức, đang đứng dưới tiền sảnh chờ đợi. Tôi nghĩ, có lẽ là Hương. Hương chào tôi với câu hỏi giản dị: “Có phải Mai không?” Tôi nhìn Hương mỉm cười. Một cảm giác thân quen xâm chiếm lấy tôi như chúng tôi đã từng gặp ở đâu rồi. Hương đỡ va li và kéo tôi vào thang máy. - Mai đến sớm quá, chắc là Hương mất ngủ? - Không sao đâu, Hương thức lâu rồi, nằm đọc truyện không ngủ được. Múi giờ thay đổi nên mình chưa quen. “Vào đi Mai”. Hương mở cửa, kéo vali đến cạnh tủ. “Mai treo đồ trong tủ mình, rồi nghĩ một tí đi, chắc mệt phải không?”.

Căn phòng xinh, trang nhã với hai chiếc giường đôi khá lớn so với tôi và Hương. Bên cạnh khung cửa sổ bằng kính, choán hết một mặt phòng là một bộ bàn ghế bằng mây đan. Ngoài trời mưa đang rơi. Tôi vào phòng tắm ngâm mình trong nước ấm, xua tan những suy nghĩ cứ mãi miết chao lượn trong trí óc mình. Tại sao mình lại đến đây? Hương và tôi hoàn toàn xa lạ. Nhưng tại sao cả hai đều mong muốn gặp nhau. Điều gì đã thôi thúc chúng tôi như vậy? Chúng tôi biết nhau cách đây không lâu, khi cả hai cùng có bài đăng trên một tạp chí. Đọc xong tạp chí, rất băn khoăn về nhiều vấn đề, tôi phản hồi trong một lá thư, mong muốn cùng đối thoại. Rồi cả hai hẹn gặp khi Hương về Việt Nam lo chỗ ở cho mẹ. Mẹ Hương cuối đời muốn sống ở

quê nhà. Coi thi xong tại Nha Trang, tôi ra Hà Nội dự một lớp tập huấn, chỉ có một ngày nghỉ ngơi. Tôi gọi điện cho Hương, ngày mai mình sẽ đến.

Giống như những khách sạn khác, phòng tắm cũng để sẵn những thứ cần dùng. Tôi giữ ý, không muốn thay đổi trật tự của Hương. Tôi dùng khăn tắm, dầu gội và sữa tắm đem theo của mình. Tôi không muốn chạm vào đồ của người khác. Đêm qua Hương mất ngủ, múi giờ thay đổi làm Hương cứ dật dờ. Hai hôm nay cứ nằm mơ đầu đầu. Lần này trở về, Hương phải xuống Vũng Tàu tìm người chăm sóc mẹ. Sài Gòn mùa này buổi sáng lạnh, trời xám, giống như Cali những ngày đầu tiên ra khỏi trại tị nạn và định cư vào cuối thu năm 75. Trời cũng như thế này. Nhưng Sài Gòn không có sương mù và gió từ sa mạc thổi ra như lửa táp. Tôi nói quê miền Trung của Mai cũng có gió Lào thổi như lửa táp. Đêm qua Hương lại nằm mơ thấy đang dọn dẹp nhà cho mẹ ở Cali, bao nhiêu thứ góp nhặt trong 30 năm, một đoạn đời, một cuộc đời di dân. Những dấu vết xóa đi không còn gì. Như mẹ chưa từng đến, làm những công việc nặng nhọc, nhìn con cái lớn lên ở xứ này. Đến một lúc nào mình cũng không còn có mặt, không còn dấu vết. Cuộc đời của những người di dân như diễn ra để làm nổi bật quá trình biến mất của một con người. Hương nghĩ, rồi sẽ tới phiên mình. Đã tới phiên mình. Tôi và Hương ngồi cách nhau một cái bàn, hướng mặt ra khung kính nhìn mưa vẫn vũ ngoài trời. Mưa thật to. Miền Bắc đang bão lớn. Miền Trung đang lũ lụt. Đất nước này nhỏ bé như một bàn tay, chỉ cần một sự biến động của thời tiết là cả ba miền đều chịu ảnh hưởng. Hướng gì chiến tranh?

Sài Gòn mưa ào ạt, xối xả. Sài Gòn cái gì cũng nhanh, gọn đến chóng mặt, mưa cũng vậy. Chợt nắng, chợt mưa. Đến rồi đi bất ngờ, không dấu vết. Hương nói lần nào về cũng ở khách sạn này, quen với ông chủ rồi, nên khi đặt phòng người ta để dành phòng này. Căn phòng nhìn qua khoảng sân thượng nhỏ nhà trước mặt có vài chậu cây cảnh không người chăm sóc, mọc vu vơ, hoang dại. Khoảng sân buồn, cô độc như cuộc đời một con người thẳm lặng không ai quan tâm. - Cuộc sống bên đó ra sao Hương? Tôi hỏi. Hai đứa im lặng ngồi đọc sách, hỏi chuyện băng quơ. Và kể cho nhau nghe về cuộc đời mình. Tôi biết, Hương cũng như tôi đang lật từng trang sách nhưng không đọc được gì. Thỉnh thoảng, tôi nhìn Hương qua mái tóc của mình và Hương cũng đang nhìn tôi như vậy. Hương là người Việt Nam nhưng không còn là người Việt Nam nữa. Xa quê hương 30 năm, hơn nửa đời người. Ra đi khi còn thơ dại giờ đã là một thiếu phụ trầm tĩnh, chín chắn. Hương hiện đang giảng dạy tại một trường Đại học ở Cali, cuộc sống tương đối thành đạt đối với người xa xứ. Hương nói, tâm hồn mình ảnh hưởng nhiều nơi xứ sở mình cư ngụ. Quan niệm, tình cảm, phong cách sống không còn là người Việt nữa, chỉ còn lịch sử của chúng ta là chung. Tôi hiểu điều Hương muốn nói. Đã bao người trở về, và hầu như ai cũng luôn trăn trở về căn cước của mình. Có lần, một người bạn phương xa tâm sự: "Trở về". Suốt bao nhiêu năm chỉ mong ước duy nhất điều này. Trở về đất Mẹ. Trở về với tất cả sung sướng xúc động trong lòng. Nhưng rồi, giống tất cả người Việt sống ngoài tổ quốc, mình bất ngờ khi chứng kiến mình không được đối xử như người Việt, không được xem là người Việt, mà là Việt Kiều! Giá gấp đôi, mọi thứ đối đãi phân biệt... Đây là nỗi đau lớn nhất. Hai chữ "Việt Kiều" chưa bao giờ hiện diện ở hải ngoại từ sau tháng 4/1975, đột ngột hiện ra ở trên chính quê nhà". Về quê hương nhưng không được coi là người của quê hương, ở xứ người thì cũng không phải là dân của họ. Vậy mình là ai? Hương nói, Hương mệt mỏi lắm rồi khi phải suy nghĩ mình là ai. Mình biết rằng trên xứ Mỹ chắc chắn mình không phải là dân Mỹ, nhưng mình nghĩ mình như là dân Mỹ. Tôi hiểu điều Hương muốn vượt thoát, đó cũng là tâm trạng chung của những người di dân. Tôi nhớ đến hình tượng độc đáo "chiếc bào thai đổi" của nhà văn Linda Lê đã từng ám chỉ nỗi khổ của những người ly hương. Đó không những là nỗi khổ của sự chuyển di về thể xác mà còn là sự đổi thay về tâm lý, những tra vấn tinh thần. Hương nói: Thư Mai viết cho mình đầy bản khoả, mình hiểu những điều Mai khao khát, vậy ước mơ của Mai là gì? Ước mơ của tôi là gì? Tôi cười buồn bã, đã có thời tôi khao khát vượt thoát và cống hiến. Nhưng giờ đây, tôi chỉ mơ ước làm một người bình thường, sống hết mình cho cuộc đời để đi trọn một kiếp người. Nghĩ là vậy, nhưng thâm tâm sao tôi vẫn luôn thấy lòng

đau đớn và dường như trong tôi lúc nào cũng như đang trông đợi điều gì. - ...Còn những giấc mơ thì sao? Mai thường thấy gì? Những giấc mơ của tôi, tôi luôn muốn giải mã những giấc mơ, nhưng bao giờ cũng vậy tôi không sao giải thích nổi. Tôi thường thấy mình lên đèn trên mặt nước, sóng biển thật to vỗ chụp lấy tôi. Có hôm lại mơ thấy mình ngồi trên một căn nhà bằng tre, bành bồng trên mặt nước. Tôi đang bồng một trẻ sơ sinh bụ bẫm, sáng ngời. Đứa bé trần truồng, run lạnh không một mảnh vải che thân. Nhưng lần nào cũng vậy, tôi chưa bao giờ nhìn thấy mặt. Chỉ là cảm giác. Lại có hôm mơ thấy đi tìm ba. Ngày xưa, ba dạy tôi làm người phải có chí khí. Thời đại nào cũng vậy, người ta đều trọng người có tri thức và nhân cách. Cùng lòng nhân ái và vị tha. Tôi đã nghe lời. Tôi luôn nghe lời. Nhưng cuộc đời có vậy đâu ba? Thời đại mà tôi đang sống có phải là thời đại của loài người? Thời đại gì mà tất cả mọi người đều phải sống bằng lý lịch. Tri thức và nhân cách là mặt hàng ế phẩm. Thời đại gì mà con người đều không có quyền nói, quyền suy nghĩ. Không có cả quyền được quyết định yêu thương. Tất cả đều đã được định sẵn. Tôi đi tìm ba, trong tiềm thức tôi biết tôi đang đi tìm thời đại của ba. Tôi lang thang, lang thang qua những con đường, hẹp, nhỏ. Mờ mờ, sương khói. Giống như một cuộn phim quay chậm, tôi thấy mình đang bay băng lảng trên những bậc cấp dẫn xuống lòng đất, không khí u ám như dưới âm ti. Một cảm giác lạnh lẽo, rờn rợn và cô độc bao trùm lấy hồn tôi. Tôi bước vào một hầm mộ, ánh sáng yếu ớt của ánh trăng mờ, làm tôi không nhận ra ba. Ba đang nằm trên một phiến đá. Không một mảnh vải che thân. Người ba khô đét. Mà sao ai lại xích ba vào phiến đá. Thấy tôi, ba như muốn chồm dậy, nhưng phiến đá đã kiềm giữ ba. Trong tiềm thức mà tôi lại bật khóc. Hãy trả lời cho con, con đang sống ở thời đại nào vậy ba? Tôi đang bơi và chới vói, nước cuộn xiết, cuộn xiết. Tôi đang bị cuốn vào dòng xoáy. Tôi ngộp thở, tôi không thở được nữa. Người ta nói ma và người hơn nhau ở hơi thở. Tôi không còn hơi thở, tôi đã là ma sao? tôi chuẩn bị biến thành hồn ma. Có phải, tôi đã là hồn ma? Đúng. Tôi có sống đâu, tôi chỉ mới tồn tại sinh vật. Hương rất hiểu, mọi việc không bao giờ như mình nghĩ. Chỉ mới hôm nào những sôi nổi muốn thay đổi đời sống chung quanh, bây giờ chỉ leo lét, chộp tắt. Không hy vọng, không trong mong. Đạo này Hương cũng nằm mơ lung tung. Thấy những thành phố lạ, bạn bè tụ họp, những người bạn đã tan tác. Và thấy đường phố Việt Nam, một thành phố nhỏ, ngập lụt nước. Hương đạp xe đèo chị ngồi sau, chạy đi tìm những con đường cũ. Lúc lại thấy dất một bé gái trên ghi-đông, và chở theo một con chó nhỏ lông đen trắng. Nước càng lúc càng dâng cao, và không có cách gì tìm ra con đường cũ. Tôi nói, tụi mình sao hay nằm mơ, không biết sau này có còn mơ gì nữa không? ... Buổi tối, tôi và Hương không muốn đi chơi, trời mưa tầm tã. Hai đứa nằm trong phòng. Hương thu mình ngồi bên khung cửa, tôi nằm trên giường úp mặt vào gối, nghe tiếng mưa đang rì rào ngoài trời đêm. Tôi biết Hương đang nhìn tôi trong ánh sáng mờ của bóng đèn ngủ. Cả hai đều cảm nhận nỗi buồn, cả hai đều đang nghe rõ tiếng động tích tắc của thời gian. Chúng tôi im lặng. Tôi và Hương đều đang chìm trong suy tưởng của riêng mình. Có phải, Hương đang tìm kiếm bóng hình Hương trên thân xác tôi. Và tôi đang tìm kiếm tâm hồn tôi qua ánh mắt Hương? Nếu như cách đây 30 năm, gia đình tôi không lở nhíp, thì hôm nay tôi cũng như Hương. Vững vàng và mạnh mẽ. Nhưng, liệu tôi sẽ sống ra sao, khi phải luôn day dứt với tâm trạng làm người Việt nơi đất khách quê người. Tôi và Hương đã từng có chung một tuổi thơ, có chung một nền giáo dục. Nhưng, giờ đây, đã khác, khác xưa lắm rồi. Khoảng cách 30 năm, một khoảng cách quá dài của cuộc đời một con người. Có phải đó là điều mà cả hai vừa cảm thấy thân thương vừa cảm thấy xa lạ. Hương nghĩ, Mai rất lành, cái lành của phụ nữ Việt Nam, cô ấy như một vệt sáng. Nếu như ngày xưa mình không đi, có lẽ cuộc đời mình cũng sẽ như Mai. Nhưng, nếu như mình ở lại, mình có sống nổi không trong bầu không khí ngột thở và thiếu tự do này. Liệu mình có đủ nhẫn nhục và chịu đựng như Mai trong một xã hội toàn trị đầy nghịch lý. Số phận con người thật kỳ lạ, nó có thể được định đoạt chỉ trong một tắc gang. Quá khứ – hiện tại – tương lai của một con người, của một dân tộc, tất cả đều có thể thay đổi, hoán chuyển trong một giờ khắc định mệnh. Đã 10h30, trễ giờ ra ga rồi Hương, tôi nói. Và chuẩn bị vali. Hương im lặng nhìn tôi. Tự dưng cả hai không nói được lời nào cho đến khi xuống dưới tiền sảnh. Chiếc taxi chờ đến. -Tội Mai quá đi, sáng ở trên tàu rồi tối cũng ở trên tàu, chịu nổi không. -Không sao đâu, mình lên tàu chỉ ngủ thôi mà. Cả hai đều

muốn nói một điều gì nhưng lại nhìn nhau rồi im lặng. Tôi biết Hương muốn chạm vào người tôi, bàn tay Hương xoa nhẹ trên lưng tôi. Tôi quay mặt đi bước vào taxi, cố kiềm nén lòng mình. Tôi biết những khoảnh khắc này sẽ không bao giờ lặp lại. - Hương vào đi, mưa ướt hết đó. Đến nơi mình sẽ nhắn tin. Bất chợt, tôi muốn chạm vào làn da Hương như một lời từ biệt, nhưng xe đã chạy. Tôi im lặng khóc lặng lẽ trên đường đến sân ga. Tôi cũng không hiểu vì sao mình lại khóc. Lần đầu tiên trong đời, tôi đi chuyến tàu đêm xuyên Việt - một mình – băng qua đất nước tôi với một tâm hồn nặng trĩu. Thân xác tôi đang băng băng cùng nhịp con tàu. Nhưng tôi biết còn một cái bóng khác của mình đang lưu lạc ở nơi xa. Tôi thầm tự hỏi, khi nào cái bóng ấy sẽ nhập cùng tôi trên một chuyến tàu? Đến khi nào những cái bóng của đất nước tôi mới có thể nhập vào với dân tộc tôi?

Việt Nam, 8/2006

Ước mơ

Một lần anh hỏi Ước mơ của tôi là gì? Tôi chợt nhớ đến mùa hè xa...

Năm 1980, chị em tôi tíu tít khi ông Chín từ Sài Gòn về Quy Nhơn. Chúng tôi thích thú, cái gì ông cũng biết, đêm nào chúng tôi cũng cùng ông ra bờ biển hóng gió và chơi nhảy sóng. Nhìn trời đêm lấp lánh, ông dạy cho chúng tôi cách nhận ra những chòm sao. Nào là chòm sao Lạp Hộ dễ nhận thấy nhất trên bầu trời. Trong thần thoại Hy Lạp, Lạp Hộ là người khổng lồ cầm quả chùy thần. Còn đây là chòm sao Nhân Mã tốt bụng sáng rực rỡ phương Nam. Tôi nhìn theo tay ông chỉ mà không thể phân biệt được chòm sao nào với chòm sao nào. Ông còn tập chúng tôi truyền tin bằng tín hiệu Morse và Semaphore, tín hiệu thường liên lạc giữa các tàu trên đại dương. Ước mơ của cháu là gì? Ông hỏi. Thời gian đó, tôi đang nghiền ngẫm tủ sách Học làm người của Nguyễn Hiến Lê và say mê những tác phẩm kể về cuộc đời của các vĩ nhân. Tôi đọc hết những gì tôi bắt gặp trong tủ sách. Công thần Nguyễn Trãi nước Việt, tể tướng Ngũ Tử Tư nước Tàu, thủ tướng Ấn Độ Gandhi, tổng thống nước Mỹ Roosevelt, nữ bác học Marie Curie... Tôi thường mơ về họ. Nên khi ông hỏi, tôi nói không suy nghĩ: Cháu sẽ bay vào vũ trụ khám phá các vì sao. Ông bật cười sang sảng, tiếng cười ông ngân vang, òa vỡ trên từng lớp sóng. Sóng uốn đến tận giải ngân hà.

Một buổi tối, chúng tôi thấy ba mẹ căng thẳng, mẹ tấm tức khóc - ông Chín mất rồi, sau chuyến vượt biển. Cậu mợ Bảy và bé Phi bị bắt sau mấy lần vượt biên không thành. Chị em tôi bàng hoàng. Mấy đêm liền tôi không ngủ, tôi lên sân thượng nhìn trời đêm lấp lánh, tôi nhớ đến những chòm sao của ông ngày trước. Đây là sao Oméga trong chòm sao Nhân Mã, cụm sao già sáng nhất trên trời. Ước mơ của cháu là gì? Cháu sẽ là nữ phi hành gia đầu tiên bay vào vũ trụ. Đó là ước mơ can đảm nhất mà ông từng nghe. Ước mơ của tôi vỡ tan sau tiếng cười của ông ngày ấy.

Giờ đây, tôi chỉ mơ ước làm một con người bình dị trên trái đất này, sống hết mình với cuộc đời để đi trọn một kiếp người. Điều mơ ước nhỏ nhoi ấy, liệu tôi có thực hiện được không? Anh và tôi, những ngã rẽ của cuộc đời.

Có lần tôi nghe tiếng anh gọi, tôi chạy tìm nhưng không thấy đường đi, một bức tường nước thẳng đứng chắn lối qua sông. Người ta nói, tôi phải lên tầng tháp bên sông cầu nguyện, ở đó sẽ có câu trả lời. Tôi chạy lên thang gác lên những tầng tháp, nhìn vào đâu cũng bắt gặp những căn phòng trống, không bóng dáng, không gương mặt, không một nét người. Tôi chạy và chạy, tôi dừng chân khi chạm một căn phòng lạ. Giữa phòng là một hồ nước, trôi bèo bồng hai chiếc giường tre, xung quanh hoa sứ trắng bập bênh, hai đôi nam nữ đang nằm ngủ yên trên hai chiếc chõng tre ấy, gương mặt bình thản, thiên thần. Tôi thành tâm cầu nguyện và chạy xuống thang gác, đã gần hết giờ qua sông, bức tường nước đã biến mất, người lái đò đang đợi tôi.

Tôi cặp bến và thấy mình đứng trên bến xe, ba và một người chị của tôi đang mong ngóng, tiếng ba nói, trễ giờ rồi con, mau lên đi.

Tam Đảo, 7g30 sáng.

Tôi choàng tỉnh, trễ rồi Tâm ơi, tôi hét lên khi nhìn đồng hồ. 8g phải có mặt tại hội trường. Cả hai cuống quýt mặc quần áo, và chạy lên tầng 3 vào phòng ăn sáng. Cả đoàn bật cười khi thấy chúng tôi vào. Đêm đầu tiên, cả đoàn hốt hoảng khi nghe tiếng Tâm thét trong hành lang, điện khách sạn bị cúp, ngọn nến leo lét trên vách tường, Tâm run rẩy khi thấy một bóng đen bên ngoài khung cửa. Khách sạn dựa lưng vào vách núi, trong khuôn viên của một giáo đường. Tôi liên tưởng đến truyện đường rừng, những thước phim kinh dị, đêm đen lạnh với gió hú trong những vòm cây. Giấc ngủ chập chờn, tôi thấy bóng các giáo sĩ lướt qua dãy hành lang dài hun hút.



Dự án về môi trường làm việc và thảo luận trong các buổi sáng, giấc chiều chúng tôi được

tự do. Những buổi chiều, nắng trên từng con dốc nhỏ. Tôi lang thang trên những con đường vắng, quanh co. Không khí mát lạnh và ngập đầy hương rừng. Tôi dừng lại một quán ven đường, người ta bán sáo mật ong ngâm rượu, chuối rừng ngâm rượu, vài túi thổ cẩm. Ở đây có một giáo đường Pháp xây dựng từ đầu thế kỷ và hàng trăm ngôi biệt thự bằng đá nhưng đã bị Việt Minh phá hủy trong trận Vĩnh Yên. Một ông già người bản địa nói. Trời ơi, tiếc ơi là tiếc, tôi than. Ước gì còn những ngôi biệt thự này thì đẹp biết bao. Dấu tích còn sót lại mà thỉnh thoảng tôi nhìn thấy là những bức tường đổ nát đầy rêu phong, cỏ mọc ngút ngàn. Chung quanh tôi bạt ngàn lá rừng và hoa dại mọc dày trên các vách. Những khách sạn mới được xây chen chúc dựa lưng vào núi, đủ phong cách không ai chịu nhường ai. Khách sạn *Thế giới xanh* diêm dúa bên cạnh *Nhà nghỉ Bộ Kế hoạch-Tài chính* thô sơ, khách sạn *Star* tân thời bên cạnh *Nhà nghỉ Văn phòng Chính phủ* lạc hậu, khách sạn *Hoa Hồng* xuống cấp, khách sạn *Hương Rừng* quyến rũ, cảnh vật bị phá hủy vì những kiểu kiến trúc thiếu thẩm mỹ, phô trương. Từ cửa sổ phòng mình, nhìn toàn cảnh Tam Đảo, tôi thích thú khi phát hiện một ngôi biệt thự màu trắng đã cũ nằm ẩn mình thật xa trên núi cao, có lẽ từ thời Tây. Tôi phấn khích rủ Tâm hôm nào được nghỉ sớm, mình lên trên ấy. Tâm la, Mai leo tuốt trên đó, chắc khuya mình mới về, nhìn vậy nhưng xa lắm. Sương mù dày đặc không thấy đường đâu, nhưng hấp dẫn quá...Tôi nói. Cơm chiều xong đã 7g tối, tôi và Tâm - cô bạn cùng phòng dân miền Tây - đi dạo trên con dốc vắng. Đêm sáng lạnh vì ánh trăng non, chúng tôi ngồi uống cà phê bên dòng suối dưới con dốc ven đường. Quán cà phê Internet đường truyền chập chờn, làm khách nước ngoài chán ngán bỏ về. Cà phê miền Bắc quá tệ, không thể tìm đâu ra được hương vị thơm nồng, đậm đặc, dẻo ngọt như cà phê Pleiku, tôi vừa uống ở quán *Tân Tây Nguyên* hai tuần trước. Pleiku mưa tuôn xối xả, ngồi trên chòi cao, gió tạt ướt cả áo, cả nhóm vừa uống vừa run vì lạnh. Nhưng thỏa mãn vì cà phê quá ngon không uống công cả bọn cuộc bộ mấy cây số, cũng đường đèo dốc như Tam Đảo.

Đêm khuya, không khí và khung cảnh nơi này thật huyền ảo. Gần đến rằm Vu Lan tháng 7, trăng giát vàng lóng lánh mặt suối. Tôi ước gì anh có mặt ở đây, anh sẽ yêu tiếng suối đang róc rách chảy, âm thanh vỡ òa của nước tuôn giữa các khe đá trong đêm vắng nghe như tiếng hát. *Côn Sơn có suối, tiếng nước chảy rì rầm, ta coi làm đàn cầm...*Côn Sơn của Nguyễn Trãi cách đây hơn 500 năm và Tam Đảo thế kỷ 21 có khác gì nhau đâu, thiên nhiên muôn đời vẫn vậy. Còn tôi và anh có vậy không?

Ngày anh trở về chịu tang cha, tôi không hề hay biết. “Mẹ ơi, có chú nào đó đến tìm mẹ ở nhà ngoại”. Tôi lặng người khi nhìn thấy anh ngồi bên cạnh mẹ tôi trong im lặng. Một cảm giác choáng ngợp bao phủ lấy hồn tôi, tôi gần như ngã quy chỉ lí nhí “xin lỗi” rồi chạy vào nhà sau, úp mặt vào làn nước cổ trần tĩnh tâm hồn mình nhưng nước mắt cứ trào rơi. Anh về rồi đó sao, đã bao nhiêu đêm tôi mơ về điều ấy... Ngày anh vượt biển, tôi 18 tuổi, tình cảm học trò chưa từng một lần dám nói tiếng yêu thương, chưa từng chạm khe tay nhau, có chăng là những ánh mắt. Vì anh tôi khước từ tất cả, những năm học đại học là những năm đợi chờ, những lá thư của anh là niềm hạnh phúc trong tôi. Rồi một ngày, anh viết: “Đừng bao giờ nghĩ đến chuyện vượt biển đó là điều nguy hiểm, hãy quên anh đi”. Ngày ấy, tôi tuổi hai mươi. Lúc đó, tôi vẫn còn là một cô bé đầy kiêu hãnh. Lòng tự trọng bị tổn thương. Tôi cứ nghĩ rằng anh đã có bạn mới nên không muốn gặp mình... Sau tang cha, anh ở lại một tháng. Tôi không dám một mình đến thăm. Lần nữa mãi cho đến ngày cuối cùng, tôi điện thoại, hẹn ngày mai sẽ đến... Tôi đứng lặng bên cánh cổng đã khép, giờ này cả nhà anh đang ở phi trường. Tôi đã đến trễ hay cố tình đến trễ? Tôi đẩy cửa bước vào khu vườn, đứng chôn chân trên bậc thềm phòng anh. Cửa đã khóa. Tôi dựa lưng vào khóm trúc, có còn ai nữa không, còn ai nữa không? Cũng trong căn phòng này, ngày xưa tôi thường đến mượn sách, chúng tôi thường nói chuyện trên trời dưới nước, không đâu vào đâu. Sau ngày anh ra đi, những lúc buồn, tôi thường đến thăm cha anh, và xin ông cho tôi ngồi im lặng trong căn phòng này. Một chậu hiên nhỏ, phía trước có mấy khóm trúc và lan.

Tôi biết anh đau khổ khi trở về chịu tang cha và người mình yêu không đến gặp. Và tôi cũng biết vì sao mình không thể gặp riêng anh. Ngày cũ đã thật xa.

Sáng nay, cả đoàn dậy thật sớm để đi leo núi, lên trên đỉnh Tháp truyền hình và đi Thác Bạc. 7g sáng nắng vàng trải thảm lên những con đường nhỏ, trời thật mát. Minh chụp cho chúng tôi mấy tấm hình thật đẹp bên những con dốc. Không khí thật trong lành. Tâm bỗng la lên: “Nhìn kìa Mai ơi, hoa gì mà lạ quá vậy?”. Một vạt đồi sáng rực dưới nắng mai, bởi những màu trắng, đỏ chen chúc. “Bác ơi, hoa gì vậy bác?”. Tôi hỏi một người đàn bà địa phương đang nhặt ngọn susu cho vào mẹt thúng ven đường - món rau thôn quê của Tam Đảo - bà dừng tay, trả lời: “Đó là hoa đổi sắc. Khi mới nở hoa màu trắng tinh sau một thời gian hoa chuyển sang màu hồng, và khi tàn nó trở thành màu đỏ tươi như máu”. Cuộc đời của loài hoa này, sao giống cuộc đời con người quá vậy, tôi nghĩ. Khi vừa ra đời con người thật trinh trắng, trải qua bao đổi thay, tâm hồn họ cũng bao biến đổi, đến lúc sắp lìa xa cõi đời, con người vẫn còn cố gắng để lại trên đời giọt máu của thân phận mình, chứng tích của một lần có mặt trên thế gian. Số kiếp con người như một loài hoa, dù mong manh nhưng con người vẫn quả quyết không khuất phục tạo hóa.

Tôi nhát gan, cái gì cũng sợ. Tôi sợ rắn, sợ vắt và sợ đủ thứ những con côn trùng có thể bám vào cơ thể mình, nên vào rừng tôi che chắn cẩn thận. Mới một phần ba đoạn đường tôi bắt đầu vứt bỏ khăn choàng, áo khoác, mồ hôi tôi túa đầm đìa. Trên núi cây rừng giăng kín và sương phủ mờ, tôi vẫn thấy cơ thể nóng bức, mặc dù bên ngoài hơi sương thấm ướt. Những chú bướm trắng đu mình từng lớp trên những nhánh lá. Tại sao nhiều con nằm chồng lên nhau trên một búp lá như vậy, nó không bay lượn như dưới đồng bằng. Ủ ấm chẳng? Hay là mùa giao phối. Tôi thắc mắc. Tôi gặp một nhóm nhà sinh vật học người Tân Tây Lan đang dùng vợt bắt côn trùng. Và suýt bật cười khi thấy ba ông cán bộ bụng to thờ đốc, bên cạnh là một người địa phương quang gánh ba lô và thức ăn cho họ, có lẽ dân “Gà Công nghiệp”. Đi một hồi, nhìn quanh không còn ai, tôi và Tâm ngồi nghỉ trên đường ống dây điện cáp quang. Phía trên chắc Ban tổ chức đã lên đến đỉnh, có lẽ mình là người cuối cùng. Ô không, Tâm mừng quá reo lên dưới mình còn có người nữa Mai ơi. Tôi nhìn xuống nhóm đại học Cần Thơ đang cố bò lên. Nhiều người liếng thoảng: Tụi em lạc đường, phải rẽ qua đền Mẫu thờ Bà Chúa Ngàn. Rằm tháng 7 mà chị, dân dưới núi leo lên đi lễ đông ơì là đông. Tụi em được phát “oản” đây nè. Đây là lần đầu tiên tôi thấy bánh “oản” miền Bắc. Lọc ở chùa phát cho các tín lễ. Ừ hôm nay là 14, lễ

Vu Lan, ngày Ngưu Lang – Chức Nữ gặp nhau. Không biết trên Tam Đảo này có cầu Ô Thước cho hai kẻ yêu nhau tìm gặp.

... Mai cổ điển quá đi, cô bạn học ngày xưa của tôi cười ngất, tôi cảm thấy bối rối. Bây giờ làm gì có cầu Ô Thước cho hai kẻ yêu nhau tìm gặp. Ngày xưa Ngưu Lang-Chức Nữ yêu nhau say đắm, mỗi mòn chờ đợi đến rằm tháng 7 mới được gặp nhau. Ngày nay hai kẻ yêu nhau ở hai đầu trái đất, chỉ cần một giây bấm máy điện thoại là có thể nói chuyện bất tận. Cuộc sống là một vòng xoay chuyển động không ngừng, H mới từ Cali về, hai đứa ngồi cả buổi nói chuyện tào lao. Tình yêu bây giờ không còn lãng mạn như ngày xưa nữa, H không thấy văn chương Việt Nam đầy dẫy những cảnh sex rẻ tiền đó sao. Vấn đề sex. Trên mạng người ta vứt bộ phận sinh dục nam, nữ vào mặt độc giả chan chát, đọc vào mình thật sự không tin nổi. Tiếng Việt tinh tế, trong sáng của mình đi đâu rồi? Hồ Xuân Hương ngày xưa vẫn viết về sex nhưng mình thấy thanh không tục. Quan niệm của H thì sao? H nghĩ trong văn chương càng có nhiều giọng văn càng phong phú. Mình đồng ý điều ấy, nhưng có cần phải đầy nhục cảm thô thiển như vậy không. Cái quan trọng là nhà văn phải viết về vấn đề ấy cho tới và có nghệ thuật để người đọc không cảm thấy tầm thường và dung tục. Rừng Naui của Murakami Haruki cũng sex dữ dội, nhưng đọc mình thấy hay và tức cười nữa, vì Haruki dẫn dắt diễn biến câu chuyện hợp lý người đọc không thấy bị ngỡ ngàng ngừng trước những cảnh sex rất tự nhiên.

Còn quan niệm tình dục ở bên ngoài thì sao? có còn người con gái hiện đại nào suốt đời chỉ quan hệ một người đàn ông? Và sự chung thủy. H nghĩ ở bên ngoài tụi mình quan niệm tình dục tự do và thoáng hơn. Chuyện tình cảm gắn với tình dục bao giờ cũng rắc rối, chỉ cần đừng làm cho người khác đau khổ là không vấn đề gì. Ngoài những quan hệ gây đau khổ cho người khác, thì H nghĩ đó là tự do của họ, và nhiều khi như thế càng tốt đẹp hơn cho cuộc đời. Tôi ngạc nhiên, thích là quan hệ sao, dù đã có gia đình? Cũng còn tùy. Có người dễ dàng ngủ hết người này đến người khác, có người cũng không dễ dàng như vậy đâu. Họ rất coi trọng gia đình. Dân da trắng cũng vậy, cũng tùy người. H cũng đã từng nghĩ mình có khả năng tách quan hệ tình cảm ra khỏi quan hệ thể xác nhưng sau mình biết là mình không có khả năng đó. Thấy người khác hấp dẫn mà người đó không phải là chồng hay vợ của mình là chuyện thường tình, rất con người. Nếu mình không có như thế thì một là mình quá đê nèn, hai là mình không thành thật với chính mình.

Tôi im lặng. Tôi hiểu những điều H nói, và dù sao tôi cũng là một phụ nữ Việt, mà người phụ nữ Việt thường luôn đê nèn cảm xúc.

Tình yêu, tôi biết không phải bao giờ cũng trường tồn mãi mãi, đó chỉ là lý thuyết, nó biến chuyển, thay đổi cung bậc theo thời gian, theo nhận thức của con người trong từng năm tháng. Tùy thuộc rất nhiều vào cách ứng xử của người bạn đời. Tình yêu như mầm cây, người làm vườn phải biết cách chăm sóc, nếu không mầm cây sẽ chết.

Còn tình dục thì sao? Với tôi, tình dục là vấn đề hết sức thiêng liêng. Nó không thể nào là vì bản năng chỉ để thỏa mãn thể xác, và nó cũng không thể xảy ra dễ dàng cho bất cứ một ai. Giữ mình là ý thức tự trọng phải có của một người con gái. Tình dục là nghi lễ của tình yêu và nó chỉ được xảy ra khi hai tâm hồn cùng hòa một nhịp. Tôi chắc là H cũng chưa thể hiểu mình. Dĩ nhiên, tình yêu và tình dục là một không thể tách rời. Khi yêu nhau người ta khao khát nhau, nhưng cuộc đời không bao giờ như mình suy nghĩ.

...Một ngàn năm trăm ba mươi bảy bậc, tôi và Tâm nhắm tính, vậy là đã đến đích. Thật sáng khoái.

Trời mù sương không thể nhìn thấy gì ở phía dưới, chỉ là mây và mây. Mây bồng bênh khắp chốn. Tôi như người trong mơ. Thời gian nơi đây như ngưng đọng. Có phải tôi đang trở về thời thiên cổ và chợt hiểu vì sao nửa thế kỷ trước Đoàn Phú Tứ đã mượn màu thời gian và hương thời gian để tâm tình với người xưa: ...Ngàn xưa không lạnh nữa Tàn Phi, ta lặng dâng nàng, trời mây phẳng phất nhuốm thời gian...

Chuyến tập huấn của tôi ngày mai kết thúc. Nhưng tôi sẽ nhớ mãi cảm giác bình bồng khi đứng trên những tầng mây. Có một ai đó đã nói, khi bạn bước ra ngoài vũ trụ, nhìn lại quả đất bạn sẽ thấy trái đất mình nhỏ bé vô cùng. Nhân loại như một ngôi nhà chung mà biên giới giữa các quốc gia không còn ý nghĩa nữa. Tôi và anh, những người cùng thế hệ tứ tán khắp phương trời, thất lạc nhau trong cuộc bể dâu, điều gì đã xảy ra... Đồng hồ của chúng ta cũng đã quá trưa, chẳng còn bao lâu nữa tất cả rồi cũng sẽ chìm trôi.

Màu thời gian không xanh, màu thời gian tím ngắt, hương thời gian không nồng, hương thời gian thanh thanh... Tôi ngược mắt lên ngắm nhìn những lượn mây trắng xóa uốn ngang đầu mình. Lốp sóng thời gian kết bằng mây chẳng khác những lượn triều.

Trò chuyện cùng nhà văn Thế Phong

Lần đầu tiên tôi biết nhà văn Thế Phong cách đây hơn 6 năm khi đọc truyện ngắn “*Thủy và T6*” đăng trên tạp chí Hợp Lưu số 82, năm 2005. Với giọng văn miên man, tình tiết lôi cuốn, truyện ngắn vẽ lại xã hội Sài Gòn những năm trước 1975, tôi đọc một mạch không dứt, cuối truyện tác giả bỏ lửng khi đang hồi gay cấn, với lời ghi chú (...*tạm ngưng nơi đây...*). Tò mò đoạn kết, tôi liên hệ tạp chí Hợp Lưu phần tiếp theo và được trả lời, chỉ thấy có văn bản này từ chồng sách cũ, tạp chí không liên hệ được tác giả, nên không biết Thế Phong đang sống ở đâu... và rồi theo thời gian tôi quên ông.

Tình cờ, tác giả Trần Hoài Anh gửi tặng tôi cuốn “*Lý luận phê bình văn học ở đô thị Miền Nam 1954-1975*” xuất bản năm 2009, cuốn sách viết lại từ luận án tiến sĩ của anh. Tôi thật vui vì biết rằng Văn học Miền Nam “đã không chết” trong các trường học. Hiện nay, đề tài văn học Miền Nam đang là “thời thượng” mà giới nghiên cứu sinh, cao học trong nước ra sức tìm kiếm, thay thế những đề tài quá cũ và sáo mòn. Anh kể tôi nghe quá trình đi tìm tài liệu Văn học Miền Nam để viết luận án, anh được nhà văn Thế Phong cung cấp nhiều tài liệu trước năm 1975. Tôi ngạc nhiên, nhà văn Thế Phong trong “*Thủy và T6*” còn sống sao? Thế là tôi có địa chỉ của Thế Phong và liên lạc với ông... Sau đó, tôi nhận được truyện ngắn của ông gửi qua đường bưu điện, nhưng cuối cùng tôi mới biết thì ra đoạn cuối (...*tạm ngưng nơi đây...*) như vậy là hết... tác giả bỏ lửng không viết tiếp làm người đọc ngộ nhận cứ dài cổ đợi chờ.

Tim lại một nhà văn Miền Nam cũ, có nhiều hiểu biết về giới văn chương Việt Nam trước 1975, với một người “hậu sinh” như tôi là niềm hạnh phúc. Nhà văn Thế Phong rất hào phóng và ưu ái gửi tặng tôi 12 cuốn sách cũ trong tủ sách gia đình ông.

Thế Phong tên thật Đỗ Mạnh Tường, sinh ngày 10-7-1932 tại Yên Bái. Năm 1952 ông in Truyện ngắn đầu tiên “*Đời học sinh*” với bút hiệu Tương Huyền đăng trên nhật báo Tia sáng ở Hà Nội. Truyện dài đầu tiên “*Tình sơn nữ*”, in ở Sài Gòn năm 1954, ngay khi vừa đặt chân vào Nam. Trước đó, ông là cộng tác viên với các Nhật báo ở Hà Nội như: Tia sáng, Giang Sơn, Thân Dân, Dân Chủ, Mạch Sống. Sau 1954 ông cộng tác với các tờ báo ở Sài Gòn: Đời Mới, Nguồn sống mới, Văn nghệ tập san, Văn hóa Á châu, Tân Dân, Tạp chí Sống, Sinh Lực, Tuần báo Đời, Trình bày, Tiền tuyến, Sóng thần, Lý tưởng.v.v... Đăng truyện ngắn *Les Immondices dans la banlieue* trên báo *Le Monde Diplomatique* (Paris 12-1970). Đăng thơ trên tạp chí *Tenggara, Kula Lumpur-Malaysia* (từ 1968-1972).

Thế Phong là nhà văn viết đủ thể loại. Đến nay, ông đã sáng tác trên 50 tác phẩm: thơ, truyện, phê bình, khảo luận, dịch thuật. Bàn về thơ Thế Phong, nhà thơ Bùi Giáng từng viết: “*Thế Phong hùng hậu, ngang tàng, bướng bỉnh, khó tính. Bài thơ đi ào ào, lúc chan hòa tâm sự, lúc cộc lốc phiêu nhiên. Thơ cảm động vô cùng mà cũng lắm phen khiến người ta cười bật thành*

tiếng. Thơ của ông Thế Phong là chỗ kết tụ của một tâm hồn tế nhị khôn hàn và nỗi gàn bướng khó tả. Ông làm giàu cho thi ca hiện đại không phải là ít". (NXB Ca Dao, Sài Gòn 1969).

Thơ Thế Phong mang chất bất cần đời, đôi lúc sỗ sàng, tàn nhẫn, vẫn ông ngược lại phóng khoáng, mượt mà, những nhận định về con người trong các tiểu luận đầy chất chiêm nghiệm, có lúc rất độc mang tính võ đoán nhưng thẳng thắn. Ông là một trong những nhà văn Miền Nam kỳ cựu hiện còn sống tại Sài Gòn. Để hiểu rõ sinh hoạt văn chương Miền Nam và tình hình giới văn nghệ trước và sau năm 1975, tôi mời ông trò chuyện.

Ban Mai: *Thưa nhà văn Thế Phong, được biết ông là một trong những nhà văn Miền Nam hiện còn sống ở Sài Gòn và có những khảo cứu công phu về Văn học Việt Nam như những cuốn: Lược sử Văn Nghệ Việt Nam, Tổng luận sáu mươi năm Văn Nghệ Việt Nam 1900-1956, Hiện tình Văn nghệ Miền Nam 1957 – 1962; vậy ông có thể cho biết sinh hoạt văn chương miền Nam trước năm 1975 ra sao? Từ các khuynh hướng nghệ thuật chính, đời sống văn nghệ đến kiểm duyệt ?*

Thế Phong: - ...Cô Ban Mai ơi , (cứ cho tôi xưng hô thân mật cùng đọc giả, lần đầu gọi điện thoại, hỏi truyện ngắn " Thủy và T6", đăng trên " Hợp Lưu" (Hoa Kỳ) hiện còn sống ở Sài Gòn, thật sao?!) ...mới nghe xong, sao nó ngậm ngùi vậy?! Quà tôi đã già thật ,78 tuổi rồi - chứ không còn tự biện bạch " *ta chưa già nhưng đã lớn tuổi*" (nói theo tác giả " Chết Non") đặt câu hỏi vậy- buộc tôi phải giải thích những cuốn sách trên- thực ra chỉ là bốn tập trong bộ " *Lược sử văn nghệ Việt Nam* ": a) *Nhà văn tiền chiến: 1930-1945*, b) *Nhà văn kháng chiến chủ lực : 1950-1945 + Nhà văn miền Nam : 1945-1950*, c) *Nhà văn hậu chiến : 1950 -1956*

(Quốc gia V.N & miền Nam + Việt Nam Cộng Hòa), d) *Tổng luận 60 năm văn nghệ Việt Nam: 1900-1956*". Riêng tập " *Hiện tình văn nghệ miền Nam: 1957-1962* " (Đại nam văn hiến, Saigon 1962) được coi như PHỤ LỤC - khi Newvietart.com (Pháp) đăng tải lại - được ghép vào, để soi sáng nền văn học miền Nam 5 năm tiếp theo thời Đệ I Cộng Hòa /Việt Nam Cộng Hòa (Miền Nam).

Và " *Tổng luận 60 năm văn nghệ Việt Nam..*" -được chuyển anh ngữ" *A Brief Glimpse at the Vietnamese literary scene , 1900-1956*" (Dai Nam Văn Hien Books, Saigon 1974)- hiện được nhiều mạng toàn cầu đưa lên mạng, dạng "ebook" : như Amazon.com, Theis, Booknear, Open Library beta, get CITED, vv...:

-Amazon.com : Vietnamese Literature: Books - A Brief Glimpse at the Vietnamese (*Oral*) Literature: Mythology, Tales, Folklore by Loc... Vietnamese Literature: A Brief (*Survey*) - by Nguyen Dinh Hoa(*Paperback- 1994*)
[www.amazon.com / s?ie UTF8 books & field - keywords Vietnamese % 20 Literture & page- 1-160k- Cached Similar pages.](http://www.amazon.com/s?ie=UTF8&books&field-keywords=Vietnamese%20Literature&page-1-160k-CachedSimilarpages)

-Cần nói rõ thêm, giáo sư NDH (soạn giả "Vietnamese -English Dictionary," Charles E. Tuttle CO. : Publishers, Tokyo, Japan 1969- bản tôi có ,ghi: Eleventh printing, 1969/ Copyright in Japan, 1966 by Charles Tuttle Company, Inc.) Giáo sư này đã cập sách " A Brief Glimpse at.... " đi thuyết giảng tại các đại học Huê Kỳ, trong năm 1994 , rồi tự in ấn, phát hành bất hợp pháp. Rồi, Thư viện Úc đã mua được 1 tập:

- Nguồn" : *A brief Glimpse at the Vietnamese literary scene, 1900-1956/ The...*
Available in the National Library of Australia Collection. Author ThePhong, 1932. Format, 42p.; 27cm.

-Tôi gửi thư nhờ dịch giả Đàm Xuân Cận (hiện ở Cabramatta, Australia), đặt mua một tập , thì được trả lời: "... *Dear Dam Xuan Can / Thank you for your letter to the Director of the National of Australia dated 7 April 2009, enquiring about obtaining a photocopy of the book " A*

Brief Glimpse at the Vietnamese Literary Scene" from the National Library. According to Australia Copyright Law, we are not permitted to provide you with a photocopy of the book because the book is still in copyright..." (Letter dated 15 April, 2009- from Anna Xu/ National Library of Australia / Canberra ACT 2600 / Email: axu@nla.gov.au)

- Tuy vậy, họ cũng gửi một bản tới thư viện ở Cabramatta cho dịch giả- và anh Đàm Xuân Cận mượn về đọc, rồi tự copy một bản gửi cho tác giả .

- Câu hỏi tiếp theo" ...có thể cho biết sinh hoạt văn chương miền Nam trước 1975 ra sao? Từ các khuynh hướng nghệ thuật chính, đời sống văn nghệ đến kiểm duyệt ?

- Rất tình cờ câu hỏi được đặt ra- " hay thì thật là hay.." , nhưng , tôi đã viết hết trong " Hiện tình văn nghệ miền Nam: 1957-1962" rồi. Ai" khúng " theo dõi, xin mời vào : <Google/ Search/ nhà văn thế phong >,< Google/ Search/ thế phong>,< Google/ Search/ Thephong writer>. Riêng tôi, hẳn không thể làm thêm "bắt voi bò giò" một lần nữa. Chỉ nhớ một chi tiết " vấn đề kiểm duyệt" thời Việt nam Cộng hòa- tôi đã là một" *lớn đầu bạc nhất tội đồ*" của Sở Phối Hợp Nghệ Thuật (tức Sở kiểm duyệt) của Bộ Thông Tin VNCH.

Ban Mai: Vậy cuộc sống của các nhà văn Miền Nam như thế nào trước tình hình chiến sự ngày 30 tháng 4 năm 1975, những ngày sau cùng, và rồi sau tuyên bố đầu hàng của Dương văn Minh, họ có lo lắng và suy nghĩ gì?

Thế Phong: Tôi chỉ nói riêng về gia đình chúng tôi . Từ Khu Gia binh Không quân ở Tân Sơn Nhất ra ở nhờ chị họ, tại 13 Trần Khắc Chân, Tân Định một tuần; sau chuyển sang căn nhà ở 118/12 Trần Khắc Chân Tân Định- Nhà có gác lửng bỏ không , anh Đàm Xuân Cận cho ở nhờ. Bắt đầu, kiếm miếng sống độ nhật - sắm một tủ kiếng nhỏ, mua bánh bông lan về bán lẻ- đầu tiên ngồi trước ngõ 27 Trần Khắc Chân, bán ế, chuyển ra trước chợ Tân Định. Một thời gian sau, tôi đi làm" lơ" xe thực thụ, tuyến xe buýt Thủ Đức-Saigon- còn vợ con bán nón, ngồi trước cửa Trường Bà Sơ Thiên Phước (chị nuôi- ca sĩ cổ nhạc Lệ Liễu, trưởng ban cổ nhạc Đài Saigon mua buôn mũ, nón- bỏ mối , bán trước, trả tiền sau theo lối trả " gổ đầu". Rồi tôi trở thành công nhân viên chức Công ty Xe Khách Thành, từng" kinh qua" phụ xe, nhân viên an toàn giao thông, bảo vệ điều độ- năm 1992 tôi xin" hưu non" , lãnh tiền một lần.

- Mời đọc trích đoạn " *Hồi ký ngoài văn chương*" / *Thế Phong* (Nxb Văn Nghệ- California, USA xb năm 1995) phản ảnh " cuộc sống nhà văn miền Nam" khi ấy.

Ban Mai: Ông có thể cho biết, sau tháng 4 năm 1975 khi chấm dứt chiến tranh, với chính sách sai lầm "đốt sạch tàn dư chế độ Mỹ-Ngụy" các nhà văn Miền Nam đã có những năm tháng như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra đối với ông, bạn bè ông?

Thế Phong: Đầu tiên, Nhà sách Khai Trí lớn bạc nhất của Saigon, bị đốt sách, sau nhà bị Quân Quản tịch thu. Chủ nhà sách Khai Trí, theo tôi biết, có tới 3 , 4 căn nhà lớn - 2 ở đường Lê Lợi, kho sách ở gần rạp Cathay, một ở trên đường Pasteur vv.. Ông nằm chung danh sách" đi học tập cải tạo" , khi được thả về, ông được con bảo lãnh sang Mỹ, lại quay trở về Saigon, đem theo một số sách , báo (khoảng 2000 cuốn)- lại bị tịch thu. Ông in một loại sách vô thường vô phạt, thơ tình xưa và nay, vv.. rồi chết tại quê nhà. Tôi cảm phục nhất- ông sống đời sống một người bình thường- không vì tiền của, nhà cửa bị mất mà phát" điên"!

Cô Ban Mai này, cô còn nhớ chuyện Tàn Thủy Hoàng đốt sách không - rất quy mô, bạc đãi trí thức có sách vở - rồi cũng chẳng đi tới đâu- đâu cũng vào đấy cả thôi. " Như cô đặt vấn đề" *đốt sạch tàn dư chế độ Mỹ-Ngụy*" - nhờ vậy , giúp cho" sách vàng" ," nhạc vàng" sau này được bán ở các tiệm sách cũ, giá ngọt" lười lam". Tôi biết một anh bán sách cũ làm giàu - anh Đức- chủ tiệm" Kỳ Thư"- chỉ bán một bộ tạp chí " Bách Khoa" khoảng trên 168 (?)số (chủ nhiệm Lê Ngô Châu) , cho một nhà sưu tầm Nhật bản, trả đô la, anh kiếm" bộn". Anh có rất nhiều sách cũ, ai hỏi, lập tức đến ngay chỗ đó, đưa ra. trí nhớ anh này thật siêu phàm! Một lần, tôi đi ngang qua Võ Văn Tần (khúc đường tàu xe lửa), có ai "ói "gọi- nhìn lại là anh Đức,

nhờ anh , tôi mua được 20 cuốn sách ronéo do Đại nam Văn Hiến xuất bản, sách ký tặng còn nguyên. Anh lấy giá" hữu nghị "(gần 100 usd) - mua xong, tôi đến 160 Nguyễn Đình Chiểu Q.3, leo lên gác 1, xin gặp " chủ nhiệm Bách Khoa"- không phải trách, mà nhờ anh Châu, tôi mới có một số sách làm tư liệu, sau này tái bản.

- Tới vụ cải tạo tư sản 1978, có nhà giàu quá, đã đúc vàng thành sợi " lòi tói" để khóa ngoài cổng , cũng bị khám phá ra. Có người giấu diếm " vàng, đá quý" trong những cục gạch ở tường- chủ vượt biên, hoặc đi" kinh tế mới", nhà bán hoặc sang tên cho" cán bộ"- cán bộ phá nhà xây lại-thợ xây bỗng trở thành chủ giàu sụ. Chính hậu quả' cải tạo tư sản" nảy sinh cảnh vượt biên lớn chưa từng có trong lịch sử " *một nuôi má, hai cá ăn!*"

- Một số bạn văn chương được đi" cải tạo dài hạn" (một , hoặc hơn một), tội vượt biên, tội" biệt kích cầm bút"- điều tôi biết-, Nguyễn Thụy Long (1938-2009) - người viết được nhiều đoản thiên, tiểu thuyết về đề tài này: "*Con chó lu bu*" (truyện thật đặc sắc, theo tôi - đã đăng báo, ở hải ngoại chưa in ra), và nhiều tác phẩm đã xuất bản ở hải ngoại: "*Gác bút*", "*Giữa đêm trường*" vv....

Ban Mai: *Được biết ông là một nhà văn xuất thân trong quân chủng Không Quân VNCH, với nhiều bút ký, với tác phẩm nổi tiếng "Nửa đường đi xuống", vậy ông có nhận xét thế nào về tác phẩm của các nhà văn quân đội Miền Bắc như Bảo Ninh, Chu Lai...?*

Thế Phong: ...Tôi rất dị ứng" với "mác" "nhà văn quân đội."Với tôi, chỉ có nhà văn" , anh có thể làm" lính nghệ", " lính quân dịch" (bây giờ: nghĩa vụ). Anh sống trong quân ngũ, được cảm động, anh viết nhân vật sống quân ngũ. Với Bảo Ninh là " Nỗi buồn chiến tranh", tôi đã đọc, và viết cảm nhận trong" Hà Nội 40 năm xa" (sđd.), tác giả viết rất thực về " cuộc chiến xào sáo" . Phải nói đó là cuốn tiểu thuyết" đáng được coi là tiểu thuyết hay". Đã từng được dịch sang ngoại ngữ, phổ biến nhất, là sách anh ngữ, qua tài " *tai thông, mũi thính ngoại nhân*" ! Sau, tôi đọc" *Chuyện kể năm 2000*"(nhờ anh Đắc Sơn về Hà Nội năm 2005, mua trọn bộ hai tập . xem vội" , " mua chui" ở đường Thanh Niên (Hồ Tây) " 300 ngàn đồng" (nhà thơ Đoàn Lam Luyến giàu to!)- tôi thích hơn, đánh giá cao hơn, so " *Nỗi buồn chiến tranh*" đọc từ mấy năm trước. Tác giả kể lại, viết bản thảo xong, cứ gửi "bừa" tới Nxb Thanh Niên ở Hà Nội, và sau được in ra thật . (thời kỳ giám đốc Bùi Văn Ngợi và nhà thơ Đoàn Lam Luyến" bao thầu" in ấn, phát hành). Một bộ tiểu thuyết" thật hay"! sau này, ở hải ngoại một, hai nxb đã in ra, không biết tác giả có nhận được "*đồng xu, bạc cắc*" bản quyền nào không- so với Tô Hoài- nhà văn" cội" , gốc Hà Nội", ăm bộn" tác quyền sách in ra từ hải ngoại! Tôi không hề đọc tác phẩm Chu Lai- xin miễn trả lời.

Ban Mai: *Ngày nay, nước nhà đã đổi mới, cuộc sống của ông ra sao, ông có được xuất bản sách trở lại không? Những năm gần đây ông có tiếp tục viết?*

Thế Phong: - Cuốn sách đầu tiên được in ra, phải nhờ" bóng, vĩa" , nhà thơ Trần Nhật Thu- hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (TW) sống , làm báo ở tp HCM. Năm 1994, tôi và anh Thu (còn được mệnh danh" giám đốc cấp giấy phép của giám đốc". Lúc nào trong cặp , anh cũng sẵn " vãi " giấy phép" khổng". Anh bảo tôi" anh viết xong, tôi điền tên tác phẩm vào, đưa nhà in in ngay" Thế là" *T.T.Kh ., Nàng là ai?*" ra đời (ký Thế Nhật- vì anh Thu viết 2 mẫu ngắn trong sách). In tại nhà in Công ty Văn hóa Quận 11, nơi này phát hành luôn. Chỉ một tuần sách in xong, 10000 ngàn cuốn, đề ở "trang Lưu chiếu" 2000 " thôi. Sách bán chạy quá, cô N.guyệt , phụ trách các quầy, sạp báo, hai cậu em vợ anh Thu làm cho Nhà phát hành Fahasa, sáng sáng" kìn kìn" chở hết bó này sang bó khác đến Nhà sách Nguyễn Huệ, Nhà sách Saigon, nhà sách Tân Định vv...(..)

Kết quả, 70 bài báo, từ TW (*viết tắt: trung ương*) đến địa phương" , cả hải ngoại phản pháo" tác phẩm" đánh lừa bạn đọc" (Tuổi trẻ) vv. và vv.. nhiều bài viết nhất, là báo Thanh Niên- hình như 2 phóng viên văn hóa tranh luận cãi nhau về cách viết bài" ủng hộ", " đã kích" NÀNG T.T.KH , suýt choảng nhau, chỉ tội" vỡ "ám trà thì vỡ , chén thì bể"!(..)

Đến nay, tôi đã có trên dưới 10 tác phẩm tái bản (nguyên tắc thỏa thuận với người biên tập"

các anh có quyền gạch xóa, nhưng không có quyền thêm chữ, dầu là đôi ba." Những cuốn mới viết xuất bản tại Việt Nam: "Hà Nội 40 năm xa" (bút ký, nxb Thanh niên 1999, 2006), "Cuộc đời làm văn, viết báo: Tam Lang-Tôi kéo xe" (nxb Văn hóa, Hà Nội, 1996- nxb Đồng Nai, 2004), "Chiêu niệm 4 nhà văn Saigon: Vũ Hoàng Chương/ Đình Hùng/ Tam Lang-Vũ Đình Chí/ Mai Lâm-Nguyễn Đắc Lộc" (nxb Đồng Nai 1999), và 2 cuốn xb ở hải ngoại: "Hồi ký ngoài văn chương" (Đồng Văn xb& Nhà sách văn nghệ, Cali, USA phát hành, năm 1995), "Thư viết ở Sài Gòn" (Văn Uyển xb, San Jose, Cali, USA 2000).

Bây giờ đã 78- "thời gian nghỉ ngơi", sau 58 năm "thời gian viết lách"- nay chỉ viết bài ngắn, cho đăng lai rai duy nhất trên web: Newvietart.com của anh Từ Vũ chủ biên ở Pháp mà thôi.

Ban Mai: Theo ông, Hội nhà văn Việt Nam và văn nghệ sĩ miền Bắc có gì giống và khác so với Hội nhà văn Miền Nam và văn nghệ sĩ Miền Nam trước đây. Nhân cách con người, kiến thức chuyên môn, tầm ảnh hưởng của họ đối với xã hội?

Thế Phong: - Câu hỏi này "interesting ":và cũng" hắc búa" không kém. Theo tôi, Hội hè của "nhược tiểu dân tộc" đang vươn lên, dầu, có đang trở thành CON RỒNG chẳng nữa - vẫn bị lệ thuộc vào đồng tiền văn hóa "bảo hộ". Ngay một nhà văn Pháp có lần kêu đồng tiền "le fétéchisme de l'argent" hoặc Lê Văn Trương viết cả một pho tiểu thuyết "Đồng tiền xiết máu". Đồng tiền gồm hai mặt, biết sử dụng: 'tên đầy tớ tốt'; ngược lại, 'nó là' tên chủ xấu CỬA kẻ mang "ngân ảnh". Bao nhiêu tạp chí ở miền Nam, từ "Hội Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á châu"(có tờ tạp chí "Văn hóa Á châu"- chỉ sống được, khi "ngân ảnh" từ Asia Foundation(Mỹ) rót vào- tờ "Hiện Đại" của Nguyễn Sa. được viên Chánh sở (người từng dịch sách) Sở Nghiên cứu Xã hội) gọi nôm na "Mật vụ thời TT. Ngô Đình Diệm) cấp" ngân ảnh Tổng thống Diệm", thì sống" được trên 10 số. Chánh sở Mật Vụ Trần Kim Tuyền bị lật đổ theo Đệ I Cộng hòa, Nguyễn Sa thẳng lưng nói thật" Mật vụ không cung cấp tiền nữa, báo đành" ngum" thôi!.. Rồi" Sáng tạo" của Mai Thảo, lúc đầu được William Tucker cấp" ngân ảnh", (gài quản lý Đặng Lê Kim làm nội ứng báo cáo), hết" cấp" ngân ảnh, thì báo "sập tiệm". Và nhiều tờ nữa... Trở ngược về thời tiền chiến, hỏi" chủ nhiệm Phạm Quỳnh" với" Nam Phong"- chủ nhiệm đã ghi tên chánh sở mật thám Marty trên báo, hoặc các bậc tiền bối, như Nguyễn Văn Vĩnh, Trương Vĩnh Ký, vv vẫn cần "ngân ảnh bà đầm xòe" phân phát để làm văn hóa đấy thôi!

Hội đoàn văn hóa, văn nghệ miền Bắc- tôi không biết, cả " nhân cách, con người kiến thức, chuyên môn, tầm ảnh hưởng của họ đối với xã hội .." - tôi lại càng không biết gì hơn - vậy thì - không thể trả lời "bừa" điều tôi mù tịt.

Tôi là một quân nhân Không quân trong Quân đội VNCH, nhưng tôi nhất định không ghi danh gia nhập Hội Nhà văn Quân Đội (VNCH). Và tôi tâm đắc với "chân dung nhà văn Thế Phong "được" nữ thiếu tá quân nhân Quân Lực VNCH, còn là một nhà thơ -" bóc" trần trụi, qua ngòi bút Cao My Nhân (...)

Ban Mai: Ông có theo dõi văn chương của cộng đồng người Việt ở hải ngoại? ông nghĩ gì về họ?

Nhà văn Thế Phong: - ... mới đây thôi trả lời phóng viên *Calitoday.com*, tôi đùa: "văn chương Việt nam nổi dài ư? - vậy thì điều này, tôi nói thật lòng," không có ngày 30/4/1975, sẽ không có một số người trở thành nhà văn hải ngoại được". (...) - một số nhà văn trẻ (nam có, nữ có) sáng tác bằng anh ngữ, tôi không có ý kiến, vì chưa đọc.

Ban Mai: Với tinh thần giao lưu, hội nhập với thế giới mà Nhà nước đang chủ trương, ông có tin ngày càng có nhiều nhà văn người Việt ở hải ngoại về nước xuất bản sách hay không?

Nhà văn Thế Phong: - Có rồi, thí dụ Trần Thiện Hiệp chẳng hạn. Hồ Trường An có nhận xét này: "... Qua ba thi tập "Cây Lá Phận Người," " Mặt Trời Lưu Vong," " Đình Mây Qua, " chúng ta

thấy một điều: Trần Thiện Hiệp dù đã từng trải những thảm nạn tai ương trên quê hương, đã từng trải qua bao mệnh nước nổi trôi (...) anh còn giữ được một(....) trái tim nhạy cảm để dựng lên một cõi thơ đẹp muôn về..." ("Tác phẩm đẹp của bạn"/ Hồ Trường An - viết về Vi Khuê, Trần Thiện Hiệp, Cao My Nhân,, v, Cỏ Thơm xb, USA 2000)

Và ngay cả Võ Phiến" ...(...)... mới đây trả lời báo chí" lá (phải) rụng về cội" cơ mà! Vậy là Nghị quyết 34 đã đi vào" hiện thực" từ lâu rồi, cô Ban Mai ạ!

Ban Mai: *Cảm ơn nhà văn Thế Phong đã có cuộc trao đổi thẳng thắn như vậy. Mặc dù, vẫn biết "văn trường là chiến trường", thời nào cũng có những "ân oán giang hồ" của giới cầm bút. Bài viết này đã giúp thế hệ chúng tôi hiểu hơn về một thời đã qua. Tuy nhiên, thế hệ tôi muốn vượt thoát những tị hiềm cá nhân, những quan điểm chính trị, để hướng đến một nền văn chương Việt Nam lành mạnh hơn. Trong dòng lịch sử VHVN hiện đại, tôi tin rằng sẽ đến lúc trong giáo trình giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phần Văn học Miền Nam Việt Nam trước 1975 và Văn học Việt Nam Hải ngoại từ 1975 đến nay sẽ được nghiên cứu nghiêm túc trong các bài viết về Tiến trình phát triển lịch sử Văn học Việt Nam trong thế kỷ XX. Cảm ơn ông về cuộc nói chuyện cởi mở này, chúc ông sức khỏe.*

(Ghi chú: Bài viết này thiên về văn chương nên những thông tin mang tính chất cá nhân mà nhà văn Thế Phong trao đổi, Ban Mai xin phép không đưa vào và đã được sự đồng ý của Thế Phong. Đây là văn bản duy nhất.)

Hồ thẹn với tiền nhân

Năm Quý Mão 43, Hai Bà Trưng khởi binh chống lại quân Hán, lập ra một quốc gia với kinh đô tại Mê Linh và tự phong là nữ vương. Sau khi cuộc khởi nghĩa này bị quân Hán dưới sự chỉ huy của Mã Viện đánh bại, tục truyền rằng vì không chịu bị khuất phục, Hai Bà đã nhảy xuống Hát Giang tự tử.

Đó là sự thật.

Năm 248, Bà Triệu lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự xâm lược của quân Đông Ngô, do Lục Dận, thứ sử Giao Châu chỉ huy. Nhiều nghĩa binh đã tử trận vào năm đó. Theo sử sách, bà chống đỡ với quân Đông Ngô được 5-6 tháng thì thua chạy đến xã Bồ Điền và tự tử. Khi ấy Triệu Thị Trinh mới 23 tuổi.

"Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang san, cởi ách nô lệ chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta!" Câu nói bất hủ của người con gái anh hùng của dân tộc Việt đã tỏ chí khí mà ngàn sau người đời mãi còn kính phục.

Đó là sự thật.

Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng, kết thúc 1.000 năm Bắc thuộc của Việt Nam.

Đó là sự thật.

Năm 1075-1077, Lý Thường Kiệt đánh bại quân nhà Tống, viết nên bài "thơ Thần" bất hủ nói rõ chủ quyền bất khả xâm phạm của đất nước:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Đó là sự thật.

Thế kỷ thứ 13, Trần Hưng Đạo ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông. Tháng 12 năm Giáp Thân 1284, hiệu Thiệu Bảo năm thứ 6, đời Trần Nhân-Tông, đại binh Thoát Hoan tiến đánh Chi Lăng, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn thất thế đưa quân chạy về Vạn Kiếp. Vua Nhân-Tông thấy thế giặc mạnh, cho mời Hưng Đạo Vương về Hải Dương mà phán rằng "Thế giặc to như vậy, mà chống với chúng thì dân chúng bị tàn sát, nhà cửa bị phá hại, hay là trăm sẽ chịu hàng để cứu muôn dân?" Vương tâu: "Bệ hạ nói câu ấy là lời nhân đức, nhưng Tôn-Miếu Xã-Tác thì sao? Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin trước hết hãy chém đầu thần đã, rồi sau hãy hàng!"

Đó là sự thật.

Thế kỷ 15, Lê Lợi chiến thắng quân Minh. Triều đình nhà Minh, vốn rất muốn xâm lăng Đại Việt, đã nhân cơ hội Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần để đưa quân tràn vào đất Việt năm 1407. Hồ Quý Ly liên tục thất bại và đến tháng 6 năm 1407, thì bị bắt cùng các con trai là Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương. Vương triều Đại Ngu sụp đổ. Nhà Minh thực hiện chính sách xoá bỏ nền văn minh sông Hồng bằng các cách như đốt, phá và chở về Yên Kinh tất cả các loại sách, văn bia có nói về dân Việt, của dân Việt tạo lập, thiến hoạn đàn ông người Việt, khiến cư dân Việt rất uất ức và căm giận.

Mùa xuân năm Mậu Tuất 1418, Lê Lợi đã cùng những hào kiệt, đồng chí hướng phát cờ khởi nghĩa. Tự xưng là Bình Định Vương và kêu gọi dân Việt đồng lòng đứng lên đánh quân xâm lược nhà Minh cứu nước. Lê Lợi chiến thắng quân Minh, trở thành vị vua đầu tiên của nhà hậu Lê. Bản thiên cổ hùng văn "Bình Ngô Đại cáo" của đại thần Nguyễn Trãi đã thể hiện rõ ý chí độc lập, tự cường của dân tộc Việt.

Đó là sự thật.

Thế kỷ 18, Vua Quang Trung đại phá quân Thanh.

Cuối năm 1788, vua Thanh Càn Long sai Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, huy động từ lương Quảng, Vân Nam, Quý Châu hộ tống Lê Chiêu Thống về Việt Nam với danh nghĩa phù Lê, vào chiếm đóng Thăng Long.

Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22 tháng 12 năm 1788), Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Để lấy danh nghĩa chính thống, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung, chỉ trong vòng 6 ngày, quân Tây Sơn đập tan hơn 20 vạn quân Thanh, Tôn Sĩ Nghị cuốn cờ mà chạy.

Đó là sự thật.

Thế kỷ 20, năm 1979, Trung Hoa xâm chiếm biên giới phía Bắc, quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh bật âm mưu bành trướng bá quyền của Bắc Kinh.

Đó là sự thật.

Những năm cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21

Ngày 30-12-1999, Hiệp định ký kết giữa hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc đã làm nóng lòng hầu hết những người Việt Nam còn nghĩ đến quê hương đất tổ khi Ải Nam Quan không còn trên lãnh thổ Việt Nam. ^[1]

Những ngày đầu tháng 12-2007, Quốc vụ Viện Trung Quốc phê chuẩn việc lập thành phố Tam Sa, nhằm trực tiếp quản lý các quần đảo trên Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Đứng trước việc Trung Quốc chiếm Hoàng Sa và Trường Sa, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Lê Dũng “nói lên tình hữu nghị”, ngày 9-12 dân chúng Việt Nam biểu tình phản đối việc xâm chiếm Trường Sa, Hoàng Sa, đại diện chính quyền thanh minh “đó là tự phát, nhà nước chưa cho phép”.

Sự thật là: Trong thế kỷ 20, 21 chúng ta đã nhiều lần lùi bước, Trung Quốc nhiều lần lấn lướt coi khinh, phần đất của dân tộc mà cha ông ta đã đổ bao xương máu gìn giữ nay có nguy cơ không còn nữa.

Đó là sự thật.

Đã đến lúc chúng ta không thể sống quỳ

800 năm trước, Trần Quốc Tuấn đã từng viết nên bài “Hịch tướng sĩ” khuyên răn các binh lính học tập, rèn luyện võ nghệ, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến Nguyên Mông lần thứ 2, nội dung áng hùng thư đó, ngày nay đọc lại sao vẫn còn nhiều điều cho ta suy nghĩ: “... *ta cùng các người sinh ở thời nhiều nhương, gặp phải buổi gian nan, trông thấy những nguy sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tổ phụ... Ta đây, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa được xả thịt lột da của quân giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng... Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hầu giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển nguy sứ, mà không biết căm...*” ^[2]

Ngày nay, nước ta có phải vậy không?

Bài viết này, không phải hô hào dân ta ngay lúc này đây phải xông pha chiến đấu vì Hoàng Sa - Trường Sa, điều đó là ngu xuẩn, vì sự tương quan lực lượng giữa hai nước hiện nay. Giành lại Trường Sa - Hoàng Sa là một việc lâu dài, cần có thời gian xây dựng binh lực hùng cường. Đất nước là chung của mọi người, không của riêng ai.

Bài viết này, chỉ mong góp thêm tiếng nói ủng hộ hành động yêu nước của tuổi trẻ Việt Nam. Hãy để cho tuổi trẻ Việt Nam nói lên tiếng nói tự trọng của một dân tộc, cho dù yếu sức cũng không đốn hèn.

Đừng để chúng tôi phải hổ thẹn với tiền nhân.

Hà Nội 36 phố phường



Hình: Văn Len

Tranh “Cô gái mùa thu Hà Nội”

*Hà nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng có để một tơ vương.
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác,
Góp lại đường đi: vạn dặm đường.(1)*

Hà Nội với gió heo may, với tà áo dài của Mai trên đường Cổ Ngư một chiều thu trong “*Nửa chừng xuân*” đã hút hồn tôi từ thuở nhỏ. Hà Nội trong ký ức tôi đẹp như một bài thơ qua các trang tiểu thuyết diễm tình của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam...

Tôi đến Hà Nội lần đầu tiên, khi đất nước đã hòa bình hơn 30 năm.

Trời còn rất sớm, tôi háo hức trông chờ ánh nắng đầu tiên của đất Bắc để đắm chìm trong dòng ký ức tưởng tượng của mình.

Đất Bắc của những vị vua anh hùng, nơi xây dựng bờ cõi đầu tiên của nước Việt. Tôi yêu đất nước mình, nên tôi yêu đất Bắc.

Người đàn bà Bắc đầu tiên tôi gặp là một bà già đã về hưu đang đi tập thể dục buổi sáng, nghe giọng miền Nam bà sốt sắng dẫn đường đến tận địa chỉ tôi tìm kiếm. Ký túc xá Đại học Bách Khoa Hà Nội dành cho sinh viên nước ngoài nhận nhập vào cuối tuần, các nhóm sinh viên tụ tập đi dã ngoại. Một sinh viên Hàn quốc chỉ lối cho tôi, cô bạn gái người gốc Phi tóc xoăn tít đang níu tay anh, có vẻ nóng lòng vì xe sắp chạy.

Lớp tập huấn thi nâng ngạch chuyên viên chính ngành giáo dục của cả nước được sắp xếp ở nơi này. Các phòng ký túc xá dành cho sinh viên nước ngoài đầy đủ tiện nghi, tuy nhiên phòng trọ xây từ thời bao cấp, nên trang thiết bị đã cũ nhiều. Chúng tôi có một tuần chuẩn bị bài trước khi thi. Mọi người đều cảm thấy nôn nóng.

Nôn nóng như buổi chiều qua hồ Hoàn Kiếm, tôi chạy dưới cơn mưa bất chợt tìm nơi trú ẩn, kem Tràng Tiền lạnh băng tan trong tôi. Cầu Thê Húc người gác đàn đuổi du khách vì đến giờ đóng cửa, một nhóm thanh niên đang đập bài xoành xoạch bên gốc cây cổ thụ cạnh chân cầu.

“Trèo qua đây đi em, anh làm vài phở, địa chỉ ở đâu anh giao tận nơi”. Người chụp ảnh lôi kéo tôi trèo qua rào để đứng trên cầu chụp hình kỷ niệm. Trời chập choạng tối, và tôi bắt đầu sợ.

Tôi chạy thoát thân ra ngoài đón taxi về ký túc xá. Hai cô bạn cùng phòng nghe tôi kể cười ngả nghiêng, dẫn tôi đi ăn đêm. Trên vỉa hè thấp thoáng những bóng đèn “hột vịt”, các sinh viên ngồi lúp xúp húp cháo và ăn hột vịt lộn với rau ngải cứu. Sống trong khu này, tôi trở lại thời sinh viên. Thời sinh viên, những năm 80 với bao kinh ngạc! Khi hỏi một người bạn miền Bắc, ở ngoài này chắc bạn đã đọc nhiều sách của Tự lực văn đoàn, thuộc nhiều thơ tiền chiến trong phong trào “Thơ Mới”? Tôi choáng khi nghe bạn nói chưa bao giờ biết đến tiểu thuyết “*Đoạn tuyệt*”, “*Nửa chừng xuân*”, “*Trống Mái*”, “*Hồn bướm mơ tiên*”, “*Gánh hàng hoa*”, “*Nhà mẹ Lê*”...

chưa từng đọc những bài thơ tình của Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Nguyễn Bính, Đinh Hùng... Ngạc nhiên khi trong chương trình đại học, sách hướng dẫn giảng dạy Văn học lớp mười một phần văn học lãng mạn chỉ giới thiệu bài thơ “*Đây thôn Vĩ Dạ*” của Hàn Mặc Tử, với lời ghi chú dòng văn thơ tiểu tư sản chỉ tham khảo bài này không giảng dạy trong trường học. Và dĩ nhiên thơ văn Miền Nam trước năm 1975 hoàn toàn vắng bóng. Một lũ thế hệ chúng tôi được rèn luyện lý tưởng sống và chết như Pavel Corsaghin trong *Thép đã tôi thế đấy*: “*Cái quý nhất của con người ta là sự sống. Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và hèn đớn của mình, để khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người...*”. Và lũ chúng tôi đã tin như vậy.

Ở trường, thầy giáo bảo văn chương miền Nam, nhạc vàng suýt suýt là sản phẩm đồi trụy, dân trí thức là thành phần tiểu tư sản... nông dân, công nhân là tinh túy của đất nước. Tập thể là trên hết, triệt tiêu cá nhân con người. Tôi được dạy những bài thơ hùng tráng kiểu như “*ngắm thẳng quân thù mà bắn*”; những cuốn tiểu thuyết ca ngợi tinh thần anh dũng kiên cường, giống như *Chi Ut tịch*, một đất nước mà *ra ngô là gặp anh hùng*... về nhà tôi quên hết, tôi trù mền đọc thơ tình Xuân Diệu, Nguyễn Sa, hát nhạc vàng Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn, thả hồn theo *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng. Mơ bay trên thảo nguyên cùng Quách Tĩnh trong *Thần điêu đại hiệp* của Kim Dung. Như thế, tôi trở thành sản phẩm của hai chế độ. Của từ chương, giáo điều mà tôi phải học và nền giáo dục tôi đã hấp thụ trong gia đình ám áp tuy giữa một miền Nam chiến tranh. Hai hệ thống giáo dục đánh nhau chan chát. Thế nhưng, văn chương, tiểu thuyết in ấn trong miền Nam trước 75 đã ngấm vào trong máu thịt tôi rồi. Những ngày ầu thơ, chiều nào tôi cũng chạy qua nhà sách chú Thiện để chờ xe Thư đem báo và truyện tranh thiếu nhi nóng hổi từng kỳ. Tôi mê sách từ thuở nhỏ, đọc tất cả những gì tôi bắt gặp trên kệ sách. Từ truyện tuổi hoa, hoa xanh, hoa đỏ, hoa đen, hoa tím, đến truyện tranh thiếu nhi Lữ Hân-Phi Lục, Tin Tin, Xi trum, Phan Tân-Sĩ Phú-Vượng đóm, Lucky Luke...truyện dịch *Tám lòng vàng*, *Tám hồn cao thượng*, *Vô gia đình*, *Hai mươi ngàn dặm dưới đáy biển*... rồi tò mò đọc truyện người lớn của Nhã Ca, Túy Hồng, Chu Tử, truyện gián điệp gay cấn với điệp viên Z-28 hào hoa, tủ sách Tự lực văn đoàn của Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam. Tôi nhớ cái lạnh cắt da của xứ Bắc mà mẹ con *Nhà mẹ Lê* nghèo khổ phải nằm trên ổ rơm lấy chiếu cuộn quanh người, tôi nhớ người vợ hy sinh đã tự thả tay mình chìm dưới dòng nước lũ để người chồng có sức bơi vào bờ trong *Anh phải sống*. Tôi nhớ cô hàng xén răng đen lóng lánh ánh hàng rong e ấp dưới nắng thu. Và tôi mê ba mươi sáu phố phường Hà Nội từ khi đọc Thạch Lam.



Bùi Xuân Phái

Tranh “Phố cổ Hà Nội”

Ba mươi sáu phố phường Hà Nội một buổi chiều hè tôi lang thang từng con phố nhỏ, những căn nhà hẹp sâu hun hút, mái ngói rêu phong tôi không tìm đâu ra được hình ảnh của những ngôi nhà cổ. Tất cả đã đổi thay theo thời gian, thời kinh tế thị trường “tắc đất tắc vàng”, các mặt tiền đều coi nới, nhấp nhô, khoác lên mình bộ mặt hào nhoáng, đèn neon xanh đỏ. Tôi vào phố Hàng Đào tìm căn nhà cũ của gia đình Trần Vũ, căn nhà hai tầng số 47 của cụ Trần Viết Phú, ông ngoại Vũ, giờ đây là cửa hàng thời trang, mong tìm hình ảnh mà Vũ mô tả trong ký, nhưng tất cả thật đổi khác. Cụ Trần Viết Phú bị Việt Minh hành quyết và con cháu lưu lạc vào Nam rồi ra biển. Bạn tôi đánh mất đất Bắc, còn tôi ngỡ ngác trên đất Bắc. Tôi ngược nhìn xem mẹ Vũ ngày xưa có đứng trong ô cửa tầng hai, nép mình bên rèm để ngắm các chàng trai Trường Bưởi(2) dạo phố mỗi chiều xuân. Cuối cùng, bà làm dâu trong một gia đình thương gia người Hoa nhưng nhất quyết giữ nếp sống người Việt trong gia đình mình. Giáo dục con theo phong tục người Việt, nói tiếng Việt, ăn món Việt. Không cho các con mình học tiếng Tàu, không cho con mình gọi bố bằng Pá như những gia đình Tàu khác. Tôi hiểu vì sao ngày xưa đất nước tôi bị Tàu đô hộ ngàn năm nhưng vẫn không bị khuất phục, không bị đồng hóa, chính nhờ những người đàn bà Việt Nam thắm lặng này. Họ là những người giữ lửa cho hồn dân tộc. Còn các thiếu nữ Việt nam thời nay?

Tôi lang thang trên phố mong tìm thấy hình ảnh thiếu nữ Hà Nội duyên dáng xưa, mà các chàng trai vệ quốc quân trên Đường Biên giới đêm đêm vẫn luôn mơ về “Hà Nội dáng Kiều thom” trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng. Thật trái ngược, trên các phố tôi chỉ thấy những thiếu nữ tóc “xù lông nhím”, áo hai dây, khoe ngực và phơi rún nhún nhảy trên đường. Tôi đến Trường Chu Văn An trên đường Thụy Khuê, vào phía sau sân trường tìm bãi cỏ nhìn qua Hồ Tây để nhớ đến nụ hôn đầu tiên Kiên bờ ngõ đặt lên môi Phương trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh. Bãi cỏ xanh mượt ngập đầu lưu giữ tình yêu đầu tiên của Kiên không còn nữa. Nếu giờ đây, Phương cũng đã đi nước ngoài và lấy chồng ngoại quốc, nụ hôn của Kiên trao cho Phương, chính tôi nhận và giữ hộ. Tiểu thuyết có sức mạnh kỳ diệu giúp tôi tiêu thời gian cho sự vĩnh cửu. Bỏ vài ngày đọc một quyển tiểu thuyết, nếu là văn chương thật, nhân vật và cảnh vật sẽ sống mãi trong lòng mình. Nhưng ngày nay tuổi trẻ cũng đã hết mê sách như thời Nhất Linh.

Hà Nội thanh lịch, yêu kiều mà tôi yêu, là Hà Nội của một thời đại khác, của những người đã khuất, giờ đã xa, xa lắm rồi. Những hàng quà của Thạch Lam trong ba mươi sáu phố phường vẫn còn, nhưng đã biến dạng thành phở quất, cháo chửi đến không còn nhận ra là các văn nhân tao nhã đã từng ăn ở đây.

Đất Bắc có còn xao xuyến hồn tôi như trong ký ức, bằng tài hoa của một Thạch Lam hay một Nguyễn Bính.

*Hà Nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng đã dứt một tơ vương,
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác,
Có một người đi giữa đám tang.*

Trịnh Công Sơn, người tình của cuộc sống



Trong một lần trả lời phỏng vấn về những bản tình ca, có người so sánh nội dung ca từ Trịnh Công Sơn với thơ ca Rabindranath Tagore, nhà thơ của “Tâm tình hiến dâng”, “Người làm vườn”, “Mùa hái quả”... Trịnh Công Sơn trả lời, chỉ xin được làm “người tình của cuộc sống”. Thật vậy, những ca từ của Trịnh Công Sơn là những khát khao của một người khát sống. Bởi vì khát sống, nên ông luôn ám ảnh về cái chết.

Trịnh Công Sơn từng nói: “Nỗi ám ảnh lớn nhất, đeo đẳng tôi từ thuở còn nhỏ cho đến sau này vẫn luôn luôn bị ám ảnh là cái chết. Sự sống và cái chết trở thành một vấn đề lớn trong đời sống tinh thần của tôi. Có lẽ suy cho cùng từ đâu mà ra cái suy nghĩ đó là do tôi quá yêu cuộc sống, sợ mất nó. Mất mát một cái gì đó mà mình từng có trong cuộc đời, đã từng đi qua và đã từng tìm thấy như tình yêu, như cái gì đẹp nhất của cuộc sống sợ ngày nào sẽ mất đi. Sự mất mát và cái chết là nỗi ám ảnh lớn nhất đời tôi.”^[1]

Trong ca từ Trịnh Công Sơn chúng ta dễ dàng bắt gặp những “ám ảnh” ấy:

*Bao nhiêu năm làm kiếp con người
Chợt một chiều tóc trắng như vôi
Lá úa trên cao rụng đầy
Cho trăm năm vào chết một ngày*
 (“Cát bụi”)

*Đường nào diu tôi đi đến cơn say
Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời*
 (“Bên đời hiu quạnh”)

*Sống có bao năm vui vui buồn buồn người người ngợm ngợm
Sống chết mong manh như thân cỏ hèn mọc đầy núi non*
 (“Giọt lệ thiên thu”)

Sự nhạy cảm thường trực về tính hữu hạn của cuộc đời đã thúc đẩy tâm hồn ông luôn tiếp cận với cõi vô thường.

*Chìm dưới cơn mưa một người chết êm qua
Chìm dưới đất kia một người sống thiên thu...
Hạt cát ngu ngơ nằm chìm dưới chân đi
Bờ bên thiên thu nằm chìm dưới hư vô*
 (“Chìm dưới cơn mưa”)

*Sống từng ngày
Chết từng ngày
Còn sống một ngày là hẹn chết mai đây*
 (“Buồn từng phút giây”)

Người nằm co như loài thú trong rừng sương mù
 Người nằm yên không kêu than chết trên căn phần...
 Còn bao lâu cho thân thôi lưu đày chốn đây
 Còn bao lâu cho thiên thu xuống trên thân này
 ("Phúc âm buồn")



Nhưng có lẽ ca khúc "Một cõi đi về" với những ca từ mang nặng chất Thiền là ca khúc có cái nhìn lạ về số kiếp con người, ông xem cuộc đời như một cõi rong chơi, nếu nhìn từ phương diện triết học. Sinh thời, Trịnh Công Sơn cũng từng công nhận "Một cõi đi về" là một bài hát rất lạ, thực sự không dễ hiểu vì có những câu trong bài hát này bản thân ông cũng thấy khó giải thích. Nhưng tuy vậy, dù chưa hiểu hết lời nhưng chúng ta khi nghe, khi hát lên thì có điều gì đó chạm đến trái tim mình. [2]

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi

*Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ
 Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
 Rọi suốt trăm năm một cõi đi về*

Mỗi con người đều có một cõi đi về riêng của mình, đó là ý chính của bài hát. Từ hư vô người ta đến với cuộc sống và từ cuộc đời rong chơi người ta lại trở về với hư vô. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng nói rằng *khi nghe bài hát này ông không cảm thấy sợ chết nữa.* [3] Ấy là một cảm nhận chung của chúng ta, vì ai cũng có cõi đi cõi về giống nhau nên việc đến và đi tới cuộc đời rồi trở lại hư vô không còn quá đê nặng con người, không xa lạ với họ. Hiểu được như thế, con người chột thanh thản hơn trước cái chết.

Qua ca từ "Một cõi đi về" của Trịnh Công Sơn, chúng ta bắt gặp tính chất vô thường của thơ Thiền đời Lý - Trần trong bài "Chợt tỉnh" của Tuệ Trung:

*Đoán biết rằng "không" và "có" không cách nhau lắm
 Sống và chết vốn từ một đợt sóng
 Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay
 Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ
 Ba sinh thắm thoát thực như ngọn đuốc trong gió
 Chín cõi tuần hoàn giống như con kiến bò trên miệng cối xay bột
 Có người hỏi thế nào là cứu cánh
 Ma-ha-bát-nhã tát-bà-ha*

Trong các bài thơ Thiền đời Lý - Trần, các nhà thơ cũng phản ánh thân phận con người ngắn ngủi và chóng vánh. Đời người chỉ "như một ánh chớp, mới có đã thành không" ("Thị đệ tử" - Vạn Hạnh). Tính chất vô thường này được biểu hiện sinh động qua hình ảnh "ba sinh thắm thoát như ngọn đuốc trước gió" ("Đốn tỉnh" - Tuệ Trung). Tất cả, cuộc sống, công danh phú quý, hạnh phúc tuổi xuân, đều chỉ là một giấc mộng ngắn ngủi, một áng mây nổi tụ tán không định trước, một mũi tên bay mất hút không trở lại. Các nhà thơ Thiền luôn kêu gọi mọi người nhận thức rõ điều này "mặt trời lên rồi sẽ lặn, đời người nổi rồi sẽ chìm" ("Thư thời vô thường kệ" - "Khóa hư lục", Trần Thái Tông); "tháng ngày không ở lâu; cái già, cái bệnh rất dễ xâm nhập" ("Hoàng hôn khuyến chứng kệ" - "Khóa hư lục", Trần Thái Tông), kêu gọi con người nhìn thẳng vào thực tế. Tính chất ngắn ngủi vô thường của thời gian trần thế cần được ý thức không

phải để bị quan yếm thế mà để vượt lên khỏi nỗi sầu cố hữu này, đạt đến tâm thái “Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận / đình tiền tạc dạ nhất chi mai” (“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết / Đêm qua sân trước nở một nhành mai”) (“Cáo Tật Thị Chúng”, Mãn Giác thiền sư).^[4]

Ngay trong cái giây phút “ngộ đạo” thì thời gian hữu hạn đã trở thành thời gian vô thủy vô chung, mùa xuân có đi có đến đã trở thành mùa xuân hằng thường, vĩnh cửu, hay nói khác, thời gian đo đếm được đã trở thành một thứ siêu thời gian. Trong các ca khúc của Trịnh Công Sơn, luôn có sự vận động biện chứng giữa cái vô thường và cái hằng thường, giữa khoảnh khắc và trường cửu. Thấm nhuần tính chất Thiền - Phật, Trịnh Công Sơn cũng đã “ngộ” ra cõi đời này chỉ là cõi tạm và ông kêu gọi mọi người hãy sống vui vẻ nơi quán Trọ này:

*Con chim ở đậu cành tre
Con cá ở trọ trong khe nước nguồn
Cành tre... (í... a)
Dòng sông... (í... a)
Tôi nay ở trọ trần gian
Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời
(Í...a ...í... à... í... à... a...)
("Ở trọ")*

Bi kịch phận người không chỉ mâu thuẫn giữa cái hữu hạn và vô hạn mà còn là bi kịch của sự phi lý. Trong "Trường ca Tiếng hát Dã tràng", Trịnh Công Sơn đã nói rõ điều ấy. Theo tài liệu Nguyễn Đắc Xuân, Trịnh Công Sơn viết trường ca này lấy ý tưởng từ tác phẩm *Le Mythe de Sisyphe (Huyền thoại Sisyphe)* của Albert Camus – tác gia hiện sinh người Pháp đoạt giải Nobel 1957. Tác phẩm *Huyền thoại Sisyphe* nói về sự phi lý của cuộc đời. Tất cả những gì con người nỗ lực xây dựng nên rồi cũng chẳng đi đến đâu, giống như anh chàng Sisyphe bị khổ sai hằng ngày phải đẩy một tảng đá lên núi cao và thả tay cho tảng đá lăn xuống vực rồi sau đó lại cố sức đẩy lên rồi lại thả tay. Tất cả sự nỗ lực ấy không có nghĩa gì hết, giống như truyền thuyết *Dã tràng xe cát biển Đông* của người phương Đông vậy. "Trường ca Tiếng hát Dã Tràng" nhuộm màu triết lý về thân phận làm người. Kiếp người là vô nghĩa, con người là khổ đau, chỉ có tình yêu mới làm vơi bớt khổ đau. Trường ca là tiếng kêu thống thiết của “dã tràng khóc cho thân mình” trước cảnh “trùng dương đưa sóng vào bờ, đùa lên biển cát hoang vu, xoá từng mảnh công dã tràng...” nói lên niềm đau vô vàn của thân phận. Những gì con người làm ra rồi cũng là công dã tràng. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà ông tuyệt vọng, buông xuôi.^[5] Trịnh Công Sơn chỉ ra rằng chỉ có tình yêu mới làm vơi bớt khổ đau và đó là chốn trú ẩn cuối cùng:

*Tên tháng ngày viết trên môi cười
Đốt đêm dài nghe ngóng tình yêu,
Nghe dã tràng xuống hai vai gầy,
Đốt cơn buồn đi đến tình yêu,
Gọi vào tình yêu, gọi vào tình yêu
Ta ra ngàn lời bắc loa gọi vào tình yêu*

Nhạc sĩ Văn Bình cho rằng: “Trường ca này là kho lưu trữ những ưu tư mà ta thường bắt gặp lại trong nhiều ca khúc của Trịnh Công Sơn sau này như ‘Lời buồn thánh’, ‘Đóa hoa vô thường’”.^[6]

Một lát cắt quan trọng nữa để tìm hiểu về phận người mong manh, chóng tàn là tìm hiểu nỗi ám ảnh thời gian tàn phai trong thế giới Trịnh Công Sơn.

Trong tác phẩm “Trịnh Công Sơn / Ngôn ngữ và những ám ảnh nghệ thuật”, Bùi Vĩnh Phúc đã phân tích khá kỹ nổi ám ảnh thời gian tàn phai này. Nhận xét rằng người ta dễ dàng bắt gặp những hình ảnh tàn phai trong thế giới của Trịnh Công Sơn, như *nắng vàng phai, lá vàng phai, ôm lòng phai tàn, thu phai, mộng nhạt phai*, v.v..., ông viết: “Đối với ông, thời gian thường đi quá nhanh, để tất cả những gì là tươi đẹp trong cuộc sống này cứ thế mà phai úa, tàn héo dần. (...) Trong bài “Nhìn những mùa thu đi”, Trịnh Công Sơn viết: *Nhìn những mùa thu đi, em nghe sâu lên trong nắng / Và lá rụng ngoài song, nghe tên mình vào quên lãng / Nghe tháng ngày chết trong thu vàng (...)* *Đã mấy lần thu sang / Công viên chiều qua rất ngắn / Chuyện chúng mình ngày xưa, anh ghi bằng nhiều thu vắng, đến thu này thì mộng nhạt phai*. Quên lãng, chết, rất ngắn, nhạt phai. Đó là những nhận thức của Trịnh Công Sơn về bước đi hững hờ mà gây nhiều xót xa, đau đớn của thời gian, đối với kiếp người.”^[7]

Không phải chỉ trong ca từ Trịnh Công Sơn mới tiếc xuân thì, mới ám ảnh nỗi tàn phai. Thơ xưa đã đầy những lời cảnh báo về nỗi ngắn ngủi của tuổi trẻ: *Chơi xuân kẻo hết xuân thì / Cái già sông sộc nó thì theo sau*. Và đặc biệt đến Thơ Mới, tiếng thơ của quyền sống cá nhân – nó trở thành một tiếng nói đầy ý thức về cái ngắn ngủi đến tàn nhẫn của cuộc đời.

*Xuân đang đến nghĩa là xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già
Mà xuân hết nghĩa là tôi cũng mất*
(Xuân Diệu)

Chế Lan Viên chối từ dứt khoát khi mùa Xuân đến, ông muốn ở li với mùa Thu, có nghĩa là ông muốn ở li với quá khứ, níu giữ thời gian đã mất. Ông ước muốn:

*Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?
Vội của hoa tươi, muôn cánh rã
Về đây, đem chẵn nẻo xuân sang!*
("Xuân" - Chế Lan Viên)

Tương tự như vậy, Xuân Diệu lại mong ước táo bạo hơn: *Tôi muốn tắt nắng đi / Cho màu đừng nhạt mất / Tôi muốn buộc gió lại? / Cho hương đừng bay đi...* ("Vội vàng"). Khó mà bảo rằng ước muốn ấy không “ngông cuồng”, “ngộ nghĩnh”, không chứng tỏ “một sức mạnh phi thường” bởi con người ta ai mà tắt được mặt trời, mà buộc nổi gió, ai mà quay ngược lại bánh xe tạo hoá của thời gian.^[8]

Và Trịnh Công Sơn cũng có một mơ ước rất đẹp, rất “dị thường” như Xuân Diệu và Chế Lan Viên. Nhưng mơ ước của ông lại chỉ là “chặn gió mưa sang”.

*Ngày mai em đi, biển nhớ em quay về nguồn
Gọi trùng dương gió ngập hồn, bàn tay chặn gió mưa sang...*
("Biển nhớ")

Tuy nhiên, ở đây ta thấy các nhà Thơ Mới luôn níu kéo thời gian, luôn muốn quay về quá khứ nên “chặn nẻo xuân sang”. Còn Trịnh Công Sơn cũng buồn, cũng tiếc nuối thời gian. Nhưng ông hiểu đó là quy luật muôn đời của tạo hoá nên chấp nhận chứ không níu kéo, mà cùng hoà vào thiên nhiên để “chặn gió mưa sang”.

Những ca khúc viết về thân phận con người của Trịnh Công Sơn trước sự sống cái chết và nỗi tàn phai cũng chỉ là đi tìm cái hữu hạn của kiếp sống. Sự hiện diện của mỗi số phận bắt buộc

phải đi qua một khoảng thời gian nào đó, do định mệnh an bài và cái không gian vô định phải nhận diện. Theo nhà Phật đó là nhân quả, là luân hồi, là sự sinh trưởng không ngại nghĩ và biến hoá vô cùng để phát triển, tạo nên cái “nghiệp” cho số phận. Nên cái thân phận khốn khó mà mỗi kiếp người phải mang nặng, không nằm trong phạm trù riêng, nó trải rộng ra cả thế gian này với những sai biệt xuyên qua cung số. Cát bụi lại trở về cát bụi.

*Hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi
Để một mai vươn hình hài lớn dậy
... Ôi cát bụi phận này
Vết mực nào xoá bỏ không hay
("Cát bụi")*

*

Thân phận con người mong manh trước sự sống và cái chết, trước nỗi buồn và sự cô đơn, không phải là tâm trạng của riêng ai. Có lẽ là định mệnh tiền kiếp của con người. Văn chương lãng mạn từ xưa đến nay đều buồn, đặc biệt trong thơ trữ tình, nỗi buồn của thi nhân càng được bộc lộ một cách thấm thía hơn.

Riêng với Trịnh Công Sơn - người nhạc sĩ thấm nhuần nền văn hoá lãng mạn Pháp từ thuở nhỏ thì cái tôi, cái bản ngã của ông càng được bộc lộ, khẳng định rõ nét. Nó như một ám ảnh của đời mình. Trịnh Công Sơn là một khối cô đơn. “Làm sao thấu từng nỗi đời riêng...” (“Như một lời chia tay”). “Người về soi bóng mình, giữa tường trắng lặng câm...” (“Ru ta ngậm ngùi”). Hãy nghe ông nói về thế giới của ông. “Tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta” (“Ngẫu nhiên”). Một trong những thú tiêu khiển của ông là mỗi ngày “ngồi trong phòng uống rượu và nhìn nắng từ sáng đến chiều tối”. Ông tận hưởng cái thú “ngồi yên lặng nhìn trời đất và suy tưởng về những điều mình chưa tự giải đáp được cho chính bản thân mình...” Ông cũng cho biết “khoảng thời gian thích nhất là được ngồi yên tĩnh một mình trước khi có một người bạn đầu tiên xuất hiện để phá tan sự yên tĩnh đó”. Vì thế, những nỗi niềm thầm kín của ông trước sau vẫn là “một điều giấu kín trong tim con người là điều giấu kín thôi” (“Một lần thoáng có”).^[9]

Bùi Vĩnh Phúc nhận định rằng “tâm hồn là kẻ săn đuổi cô đơn”, nói theo Carson McCullers. Ông viết: “Chính trong sự cô đơn, con người nghe ngóng được cuộc đời, cảm nhận được những hiện tượng thiên nhiên một cách rõ ràng hơn. Trịnh Công Sơn cũng vậy. Trong tịch lặng của niềm cô đơn, thính giác của ông trở nên mẫn cảm hơn bao giờ. Sự nghe ngóng cuộc đời, cảm nhận thiên nhiên của ông, ở một góc cạnh nào đó, cũng là một nỗi ám ảnh muốn ôm lấy đời sống này: *Đêm nghe gió tự tình / Đêm nghe đất trở mình vì mưa / Đêm nghe gió thổi dài / Đêm nghe tiếng khóc cười của bào thai... (Nghe tiếng muôn trùng)*. Nghe ngóng thiên nhiên, ông có dịp sống trở lại những cảm giác, những hạnh phúc và đau đớn cũ. Đời sống ông trở nên đậm nét và sâu lắng:

*Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối
Đôi khi nhớ trong mắt em một bóng tối nhỏ nhoi...
Đôi khi bước qua phố xưa lòng tôi nhớ
Đôi khi thấy trăm vết thương rồi như đá ngày ngó
("Rồi như đá ngày ngó")^[10]*

Cảm giác cô đơn có lẽ là định mệnh của con người, cho dù ở bất cứ nơi đâu. Trên chính quê hương mình hay ở xa quê hương. Vào thời bình hay thời chiến. Giữa đám đông hay trong khoảng vắng... Chỉ còn có thể về với mình, về với tôi:

*Trời cao đất rộng
Một mình tôi đi
Một mình tôi đi
Đời như vô tận
Một mình tôi về
Một mình tôi về... với tôi!
("Lặng lẽ nơi này")*

Tương tự như vậy, đối với các nhà Thơ Mới, cô đơn là nỗi buồn truyền kiếp. Họ ý thức quá đầy đủ về chính mình nên càng cảm nhận rõ rệt cảm giác cô đơn.

Có những nỗi buồn vô cớ xâm chiếm tâm hồn một cách nhẹ nhàng, êm ái:

*Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn
... Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều
Lòng không sao cả, hiu hiu, khẽ buồn...
("Chiều" - Xuân Diệu)*

Nhưng thấm thía hơn là nỗi buồn mang theo cảm giác cô đơn:

*Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề
("Nguyệt cầm" – Xuân Diệu)*

Huy Cận cũng từng ví tâm hồn cô đơn, sầu não giữa cõi đời của mình như hòn đảo:

*Hồn đơn chiếc như đảo rời dậm biển
Suốt một đời như núi đứng riêng tây
("Mai sau")*

Trần Tử Ngang của Trung Hoa hơn ngàn năm trước, cũng đã từng có một nỗi buồn tương tự như thế:

*Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất kiến lai giả
Niệm thiên địa chi du du
Độc thương nhiên nhi lệ hạ.*

Tạm dịch:

*Ai người trước đã qua?
Ai người sau chưa đến?
Nghĩ trời đất vô cùng
Một mình tuôn giọt lệ. ^[11]*

Tuy nhiên, cái buồn và cô đơn của các nhà Thơ Mới khác với cái buồn của Trịnh Công Sơn. Các nhà Thơ Mới chỉ biết tỏ thái độ bất hoà với đời sống xã hội bằng cách lẩn trốn vào cái tôi cô đơn, buồn bã: "Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ. Ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư. Ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên. Ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng

động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi cũng tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ, ta ngần ngơ buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận".^[12]

Theo tôi, với Trịnh Công Sơn, ông chấp nhận cô đơn. Trong cô đơn ông nghe ngóng cuộc đời, cảm nhận những vi diệu tinh tế của thiên nhiên. Quan điểm tích cực về cái tôi cô đơn của Trịnh Công Sơn đã quyết định chỗ đứng và điểm nhìn của ông trước cuộc đời. Trịnh Công Sơn cô đơn nhưng không trốn vào nỗi đau của riêng mình mà trải lòng ra với đời, đón nhận, và chấp nhận:

*Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người
tạ ơn đời, tạ ơn ai đã cho tôi
còn những ngày quên kiếp sống lẻ loi
Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người
tạ ơn đời, tạ ơn ai đã cho tôi
tình sáng ngời như sao xuống từ trời*
("Tạ ơn" - Trịnh Công Sơn).

Tạ ơn đời, tạ ơn tình yêu là một trong những đặc điểm nổi bật trong ca từ Trịnh Công Sơn. Tình yêu ở Trịnh Công Sơn là tình yêu không hạnh phúc. Hầu hết trong những tình ca của ông là những bức tranh mang tên: *tình phụ, tình sầu, tình xa, tình xót xa vừa, tình nhớ, tình vui...* Hạnh phúc có chăng, chỉ đọng bằng những mảnh vụn và những mảnh vụn... *cũng sẽ chìm trôi.*
[1]

Trong đời người, ai chẳng từng yêu và được yêu... và tránh sao khỏi những cuộc tình tan vỡ. Thế giới tình yêu của Trịnh Công Sơn là một đóng góp thành công trong việc phát hiện và biểu hiện những ngôn ngữ tình yêu sâu kín, thể hiện mọi cung bậc tình cảm, nhớ thương, tương tư, mong chờ, giận hờn, trách móc, xót xa, biệt ly, thất tình, tình phụ... Điều đó làm nên tính chân thật, đa dạng trong các ca từ của ông. Lạc vào thế giới tình ca của ông, mỗi người đều bắt gặp thân phận tình yêu của mình.

Trong bài "Biển nhớ", viết về mối tình với cô Tôn Nữ Bích Khê, người Nha Trang, một bạn học cùng lớp thời Sư Phạm Quy Nhơn, Trịnh Công Sơn nói lên nỗi chờ mong, da diết:

*Ngày mai em đi
Biển nhớ tên em gọi về
Gọi hồn liễu rũ lê thê
Gọi bờ cát trắng đêm khuya
Ngày mai em đi
Đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ
Sỏi đá trông em từng giờ
Nghe buồn nhịp chân bơ vơ...*

Chỉ trong một bài *Biển nhớ*, mà chúng ta bắt gặp đến 2 từ *chờ*, 3 từ *nhớ*, 6 từ *buồn*, 6 từ *gọi*. Có lẽ chưa có một bản tình ca nào mà nỗi nhớ cồn cào, mãnh liệt đến thế.

Nguyễn Bính cũng từng thương nhớ người yêu khắc khoải qua bài "Tương tư" nổi tiếng:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người
Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Xuân Diệu cũng không kém phần mãnh liệt trong bài “Tương tư, chiều”:

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi!*

Yêu là bắt đầu chuốc lấy tương tư, nhớ mong, khắc khoải đợi chờ. Trong tình ca của Trịnh Công Sơn, chúng ta hay bắt gặp những mối tình dang dở, tan vỡ:

*Ngày tháng nào đã ra đi
Khi ta còn ngồi lại
Cuộc tình nào đã ra khơi
Ta còn mãi nơi đây
("Tình xa")*

*Xin vỗ tay cho đều
Khi đêm đổ xuống đời ta
Xin vỗ tay cho đều
Khi tình trôi đã trôi xa
("Tình xót xa vừa")*

*Tình ngỡ đã quên đi
Như lòng cố lạnh lùng
Người ngỡ đã xa xăm
Bỗng về quá thênh thang
("Tình nhớ")*

Trong thơ Nguyễn Bính cũng hay nói đến mối tình đơn phương, một phía, yêu nhưng lại bị hững hờ:

*Tâm hồn tôi là một bình rượu nhỏ
Rót lần lần giọt mãi xuống nàng Oanh
Không xua tay nàng vẫn cứ vô tình
Hắt ly rượu hồn tôi qua cửa sổ
("Tựa đề một thiên tình sử")*

Với Hàn Mặc Tử lại là tiếng kêu thống khổ của tình yêu tan vỡ:

*Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa đã, mền chưa bura
Người đi: một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ?
("Những giọt lệ")*

Tình yêu trong ca từ Trịnh Công Sơn buồn, đau một cách lặng lẽ. Ông kể lể, thì thầm như tự an ủi chính mình. Không quàn quại, tuyệt vọng như Hàn Mặc Tử, không mặc cảm như Nguyễn Bính, không vội vã cuồng quýt như Xuân Diệu. “Vi tình yêu của Trịnh Công Sơn là chiếc bóng lung linh, thấp thoáng, chấp chờn: “*tình không xa nhưng không thật gần...*” (“Như một lời chia tay”), thoát ẩn thoát hiện: “*rộn ràng nhưng biến nhanh...*” (“Tình sầu”). Những mối tình “*không hẹn mà đến, không chờ mà đi*” (“Bốn mùa thay lá”), nghĩa là chẳng có hẹn hò, thề thốt, ràng buộc gì nhau. Tất cả chỉ là tình cờ: “*Ta gặp tình cờ như là cơn gió*” (“Hoa vàng mấy độ”), “*coi*

như phút ấy tình cờ (“Nguyệt ca”). [2]

Trong “Thủ bút Trịnh Công Sơn” có viết: “Khi bạn hát một bản tình ca là bạn đang muốn hát về cuộc tình của mình. Hãy hát đi đừng e ngại. Dù hạnh phúc hay dở dang thì cuộc tình ấy cũng là một phần máu thịt của bạn rồi”. [3] Điều ông nói quả thật đúng; hơn thế nữa, khi lắng nghe một bản tình ca cũng là khi “lắng nghe im lặng cuộc tình” (“Tôi đang lắng nghe”).

Theo Lê Hữu, thực ra, Trịnh Công Sơn thích nói về tình phụ hơn là tình yêu, vì ông nghĩ hầu như ai đến với ông cũng chỉ chực chờ phụ rẫy ông vậy. “Cái may ở đời là được yêu và đôi khi cái may ở đời là bị phụ tình”, ông nói thế. Và những tình phụ, phụ tình vẫn trải đầy trong những ca từ của ông. [4]

*Ru em phụ rẫy trong ta...
Yêu em, yêu thêm tình phụ...
 (“Ru em”)*

*Em phụ tôi một thời bé dại...
Trả nợ một đời em đã phụ tôi...
 (“Xin trả nợ người”)*

Trịnh Công Sơn cũng viết về duyên và nợ, những món nợ tình chẳng bao giờ thanh toán nổi:

*Trả nợ một đời không hết tình đâu...
 (“Xin trả nợ người”)*

Trong những tình khúc Trịnh Công Sơn, tình yêu vừa là mật ngọt, vừa là mật đắng:

*Tình yêu mật ngọt, mật ngọt trên môi.
Tình yêu mật đắng, mật đắng trong đời...
 (“Lặng lẽ nơi này”)*

Tại sao lại như vậy? Trịnh Công Sơn không có lời giải thích, chỉ nghe ông nói: “Con người không thể sống mà không yêu. Có người yêu thì hạnh phúc, có người yêu thì đau khổ. Nhưng dù đau khổ hay hạnh phúc, con người vẫn muốn yêu. Tình yêu vì thế mà tồn tại”. [5]

Những chuyện tình ông viết thường là những chuyện tình lặng lẽ, không sóng gió, không sôi nổi, nhưng không phải là không đắm say, nồng nàn:

*Tôi xin làm cây xa, đứng nhìn em rục rĩ
Tôi xin làm nụ cười, chờ em giữa đôi môi
Tôi xin làm mộng nhỏ, em vừa giấc ngủ say...
 (“Vì tôi cần thấy em yêu đời”)*

Trịnh Công Sơn mơ ước làm giấc mộng để ru em vào giấc ngủ say. Còn Huy Cận lại mơ ước hầu quạt cho em ngủ:

*Nắng chia nửa bãi: chiều rồi...
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu
Sợ buồn con nhện giăng mau
Em ơi! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.
 (“Ngậm ngùi” – Huy Cận)*

Ru người yêu ngủ ai mà chẳng trêu mếu, nhưng đến mức nhẹ nhàng, trân trọng như Huy Cận thì có lẽ không nhiều. “Mở lòng cùng quạt, và thả trăm con chim mộng quần quýt quanh giường em nằm là một hình ảnh đẹp nên thơ và lãng mạn ít thấy trong thơ ca Việt Nam”.^[6]

Nhưng phải đến Trịnh Công Sơn, hình ảnh trong thơ tình Việt Nam mới diễm ảo và bước sang một bước ngoặt mới – bắt đầu từ tình khúc “Diễm xưa” – mối tình đầu của Trịnh Công Sơn với âm nhạc Việt Nam. Trịnh Công Sơn nói: “Tôi chỉ có những mối tình lãng đãng, khói sương, hoàn toàn không có gì cụ thể. “Diễm xưa” cũng là một loại tình yêu như vậy.”^[7]

*Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ
Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao
Nghe lá thu mưa reo mồn gót nhỏ
Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu...*
(“Diễm xưa”)



Bích Diễm của “Diễm xưa”

Kể từ “Diễm xưa”, “kể từ Trịnh Công Sơn trở đi, các tình khúc đã đổi khác rất nhiều, và nền tân nhạc phải cảm tạ ông về sự khai phá đó”. Nữ ca sĩ Quỳnh Giao đã có lời nhận định như vậy.^[8]

Trước “Diễm xưa” làm gì có những “ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau”, “làm sao em biết bia đá không đau?” Tình yêu phải hơi thở, truyền cảm xúc đến cả những vật thể vô tri, vô giác. Bằng những ca từ như vậy, Trịnh Công Sơn đã vẽ ra những khuôn mặt tình yêu hoàn toàn khác lạ, không hình dung nổi khuôn mặt ấy ra sao, có hay không, thực hay ảo?

Đọc ca khúc “Diễm xưa” của Trịnh Công Sơn, tôi chợt liên tưởng đến một nhạc phẩm cũng rất nổi tiếng của Phạm Duy “Ngày xưa Hoàng Thị” phổ thơ của Phạm Thiên Thư. Bài thơ “Ngày xưa Hoàng Thị” của Phạm Thiên Thư kể về mối tình của nhà thơ với cô Hoàng Thị Ngọc, một bạn học cùng lớp, ở gần nhà ông. Bài thơ cũng có hình ảnh thiếu nữ vai gầy, tóc dài bay, áo trắng tinh khiết ôm cặp đến trường, đi dưới hàng mưa. Nhưng ở đây là Sài Gòn không phải Huế, nên nàng không đi dưới hàng cây long não lá li ti, mà đi dưới cội hoa vàng.

*Em tan trường về / Đường mưa nhỏ nhỏ / Chim non giấu mỏ / Dưới cội hoa vàng / Bước em
thên thang / Áo tà nguyệt bạch / Ôm nghiêng cặp sách / Vai nhỏ tóc dài / Anh đi theo hoài /
Gót giày thắm lạng / Đường chiều úa nắng / Mưa nhẹ băng khuâng... / Phở ơi? Muôn thuở / Giữ
vết chân tình / Tim xưa quần quanh / Ai mang bụi đỏ / Dáng ai nhỏ nhỏ / Trong cõi xa vời / Tình*

ơi?... Tình ơi?...

(“Ngày xưa Hoàng Thị” – thơ Phạm Thiên Thư – Phạm Duy phổ nhạc) ^[9]

Có lẽ tình yêu ở Trịnh Công Sơn và Phạm Thiên Thư thời ấy là một thứ tình yêu hương hoa, lãng đãng, xa cách. Hằng ngày các chàng trai chỉ có thể dõi mắt ngóng em đi học về dưới hàng mưa, hay dạn dĩ hơn lặng lẽ đi sau em để ngắm nhìn là lòng đã thấy hạnh phúc. Trịnh Công Sơn trả lời phỏng vấn: “Ngày xưa, dường như cả thế hệ tôi là như vậy, yêu một mái tóc, một dáng hình, mỗi ngày chỉ cần nhìn thấy mặt nhau, thấy em qua khung cửa sổ là cả ngày thấy vui”. ^[10]

Nói như Bửu Ý: “Tình yêu thời ấy, chỉ rộn ràng bề mặt, như viên đá trong cốc, như hòn đá ném xuống ao. Lạnh canh một lát, gợn sóng một hồi, rồi đầu lại vào đó, lầy lặng lẽ làm vốn liếng, uống tình lắng xuống, trả em vào đời và “tôi thu bóng tôi”. Loại tình yêu này không còn tồn tại, chỉ còn lẩn lút trên những trang giấy đã ngả vàng. Ngày nay tình yêu đã thay đổi chủ trương rồi thì phải: chớp nhoáng, trao đổi, chiếm đoạt..., cho nên tình yêu theo lối Trịnh Công Sơn đem lại một hương vị xa xôi làm mềm cả trái tim sắt đá nhất, và ai nấy ngưỡng vọng như một bái vật đặt trên đài cao để cho tưởng tượng vươn tới”. ^[11]

Thời đại ngày nay, những cuộc tình đầy nhục cảm, thoáng qua có lẽ đang “lên ngôi”, vì vậy tình yêu trong sáng, chung thủy, nghĩa vợ chồng trở nên quý hiếm. Trong văn chương xưa đã hiếm, nay càng hiếm hơn. Làm sao tìm được những vần thơ như:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi

(Bài thơ Vua Tụ Đức khóc nàng Bằng Phi) ^[12]

Thế nhưng, trong muôn vàn tình yêu *lãng đãng, khói sương* của Trịnh Công Sơn, thật thú vị khi chúng ta bất ngờ bắt gặp một tình yêu thiêng liêng ở “Hạ trắng”:

Đời xin có nhau

Dài cho mãi sau

Nắng không gọi sầu

Áo xưa dù nhàu

Cũng xin bạc đầu

Gọi mãi tên nhau

Tụ Đức muốn đập cổ kính ra tìm lấy bóng nàng Bằng Phi, xếp manh áo cũ để lưu giữ chút hương thừa của người vợ xưa, còn Trịnh Công Sơn lại mong ước có một tình yêu bền lâu cho đến bạc đầu, để ca ngợi nghĩa vợ chồng keo sơn, gắn bó. ^[13]

*

Đối tượng chính trong tình yêu - người nữ, xuất hiện khá nhiều trong ca từ Trịnh Công Sơn. Em thường là những thiếu nữ buồn, yếu ớt, xanh xao, có vóc dáng mảnh mai, mong manh, vai gầy guộc, tóc xoã bay ngang trời... mờ mờ, ảo ảo như một bức tranh phi thực (*irréel*).

Em có vẽ tiểu thư khuê các:

Tìm em tôi tìm

Mình hạc xương mai...

*Nụ cười mong manh
Một hồn yếu đuối...
("Đóa hoa vô thường")*

*Gọi nắng, trên vai em gầy đường xa áo bay...
Cho tay em dài gầy thêm nắng mai...
("Hạ trắng")*

*Nắng có hồng bằng đôi môi em, mưa có buồn bằng đôi mắt em...
Vai em gầy guộc nhỏ, như cánh vạc về chốn xa xôi
("Như cánh vạc bay")*

Với ông, cái đẹp của người con gái là cái đẹp mong manh, thanh thoát: *với gót sen hồng, miệng ngọt hạt từ tâm, ngón xuân nồng, đôi môi lửa cháy, mi cong cỏ mượt, tay xanh ngà ngọc, da thơm quả ngọt, môi hồng đào...*

Có lẽ các nhạc sĩ nổi tiếng như Phạm Duy, Văn Cao đôi khi có chung một "goût" về kiểu người đẹp như Trịnh Công Sơn.

Hãy nghe Văn Cao viết về người tình tưởng tượng của ông: *gót hài khai hoa; mắt huyền lưu xuân, dáng hồng thơm hương...* ("Cung đàn xưa") Và Phạm Duy tả người tình thực của mình *với gót hoa, em thướt tha, mây tóc ngà, đường thơm bóng gầy...* ("Đường em đi")

"Trước hết, với Trịnh Công Sơn, Em là người mà "một ngày tình cờ biết em, là ngày lạ lùng nhất trần gian". Em là "hoa lá giữa thiên nhiên hiền hoà". Em là người mà ông muốn "yêu em thật thà". Ông "xin nắm ngón tay em thiên thần" và "ru em ngồi yên nhé" để ông "tìm cuộc tình cho". Chính vì thế mà "Tôi đã yêu em bao ngày nắng, tôi đã yêu em bao ngày mưa". Nhưng bất hạnh thay, trong tình yêu "đã có nghìn trùng trên môi người tình, đã giấu nụ tàn bên trong nụ hồng, có chớm lạnh lòng trên môi nồng nàn".^[14]

Như có lần Đặng Tiến đã để ý, người phụ nữ Việt Nam trong ca khúc Việt Nam, thơ ca Việt Nam thường là những phụ nữ ẩn nhẫn, thụ động: biến thành tượng đá, ngòi đàn áo, ôm đàn, hay đi hái hoa, hái mơ, gánh thóc, dặt lụa:

Từ những phụ nữ trong ca khúc tiền chiến:

- *Người biến thành tượng đá ôm con...* ("Hòn vọng phu I" - Lê Thương)
- *Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn diu muôn tiếng tơ...* ("Dư âm" - Nguyễn Văn Tý)
- *Cô hái hoa tươi, hãy dừng bước chân...* ("Mơ hoa" - Hoàng Giác)

Đến những phụ nữ trong Thơ Mới:

- *Em là con gái trong khung cử
Dệt lụa quanh năm với mẹ già...*
("Mưa xuân" - Nguyễn Bính)

- *Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?...*
("Mùa xuân chín" - Hàn Mặc Tử)

- *Này lắng nghe em khúc nhạc thom
Say người như rượu tối tân hôn...*
("Huyền diệu" - Xuân Diệu)

Trong khi đó, người phụ nữ trong ca từ của Trịnh Công Sơn không thấy gảy đàn, đan áo, gánh thóc hay dệt lụa gì cả. Mà chỉ... khi nghiêng vai, khi nghiêng sầu (“Mưa hồng”), khi tung tăng dưới hàng me (“Tuổi đời mệnh mông”), lúc đứng lên gọi mưa vào hạ (“Gọi tên bốn mùa”), khi lại cười khúc khích trên lưng (“Quỳnh hương”)...

Và nhà phê bình Đặng Tiến còn nhận xét: “Người phụ nữ trong Trịnh Công Sơn đẹp dung dị và tự do bình thường. Tự do với cuộc đời, với tình yêu. Trong xã hội Việt Nam, cho đến hôm nay, chưa chắc gì người phụ nữ đã được giải phóng và được tôn trọng đúng mức.”^[15] Trong ca khúc Trịnh Công Sơn, họ được giải phóng và tôn trọng. Tôn trọng người phụ nữ, trân trọng và nâng niu họ rất hồn nhiên và chân thành: ông sẵn sàng làm *viên đá cuội* để lăn theo *gót hài* của nàng. Và vì nâng niu và trân trọng phụ nữ như vậy, nên Trịnh Công Sơn là một trong những nhạc sĩ viết lời ru nhiều nhất về tình ca trong đó không ít dành cho phụ nữ: *Ru tình, Roi lệ ru người, Ru đời đã mất, Ru đời đi nhé, Ru em, Ru em từng ngón xuân nồng, Ru ta ngậm ngùi...* Những lời ru ông viết, ảnh hưởng rất nhiều nơi người mẹ của ông. Chính những bài ru của mẹ mà ông được nghe, tiếp tục theo ông mãi trên những đoạn đường dài nhất. Trong bài “Tình yêu tìm thấy”, chúng ta nghe được bài hát ru ấy:

*Tiếng ru mẹ hát những năm xưa
Mãi là lời ca dao bốn mùa
Tìm thấy nỗi nhớ từ mỗi chiếc lá
Góc phố nào cũng thấy quê nhà...*

Bùi Bảo Trúc cho rằng, những bài hát ru của người mẹ là những vỗ về, là những dỗ dành, là những an ủi, là những vuốt ve đầu tiên của đứa bé. Vòng tay thơm, giọng hát ấm áp của mẹ sẽ đem lại cảm giác an toàn cho con người trước khi bị đẩy ra thế giới hung bạo bên ngoài. Trịnh Công Sơn đã tìm thấy trong những bài hát ru ấy chốn trú ẩn bình yên.^[16] Đó là lý do ông viết rất nhiều ru khúc trong quá trình sáng tác của ông.

Ông *Ru tình*: *Ru em đầu cơn gió, em hong tóc bên hồ / Khi sen hồng mới nở, nụ đời ôi thơm quá / Ru em ngòi yên đấy, ru tình à...oi.* Ông *Ru đời đã mất*: *Ta biết em đêm đêm chờ đợi tiếng hát / Ta biết em đêm đêm ru đời đã mất.* Ông *Ru em từng ngón xuân nồng*: *Ru mãi ngàn năm / Vừa má em hồng / Bàn tay đưa anh đến quê hương vàng son...* Ông ru người yêu ngủ trong những sớm mùa đông, những sớm mùa xuân, ông ru mãi, ru hoài. Ru những tháng âm u, ru những chia xa, những phụ rẫy, ngọt bùi. Những ru khúc của ông đã đem lại những an ủi, vỗ về cho nhiều thế hệ. Nhưng trên hết là ông tự ru chính mình. Những lời ru an ủi, vỗ về kiếp sống của mình, cuộc tình của mình.

Có lần nhà báo Diễm Chi phỏng vấn: “Ông có rất nhiều những bài hát ru... Trong thực tế, có phải ông đã từng ru rất nhiều phụ nữ ngủ?”. Trịnh Công Sơn trả lời: “Ru như thế không phải là ru em mà thực chất là tôi tự ru tôi, tự ru để thanh lọc tâm hồn không vương một chút oán hờn nào, cho dù bị phụ rẫy.”^[17]

*

Vượt qua tự tình dân tộc, vượt qua tình yêu riêng tư để đến với tình người là đỉnh cao nhất của âm nhạc Trịnh Công Sơn.

Anh Ngọc từng nhận định: “Định mệnh đã bắt anh phải yêu thương. Định mệnh lại trao vào tay anh cây đàn và chiếc bút. Và thế là chúng ta có Trịnh Công Sơn, chúng ta có nhạc Trịnh. Con người ấy sinh ra để mà yêu và từ yêu thương lại sinh ra tất cả.... Trước những xấu xa, tăm tối

của đồng loại, con người này không tự đứng ngoài hay đứng cao hơn tất cả – có phải vì trong bản chất của nghệ thuật chân chính vốn đã mang thiên lương của con người, thứ thiên lương cao quý của phẩm chất Chúa Trời. Xin hãy nghe:

*Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người
Tôi đã thấy, tôi đã thấy những hố hầm đã chôn vùi thân xác anh em.
Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh
Chị vỗ tay hoan hô hòa bình
Người vỗ tay cho thêm thù hận
Người vỗ tay xa dần ăn năn
("Hát trên những xác người")*

Anh đã đi qua chiến tranh với cái thiên lương như thế. Tôi không biết như vậy là đúng hay sai, chỉ thấy hề nghe là muốn khóc. Và dù có ai đó nói là đúng hay sai thì tôi cũng chưa thấy một người nào ghét bỏ hay chí ít là lờm nguýt gì anh. Ai có thể ghét bỏ một trái tim đang rỏ máu – nó đang rỏ máu vì chính các người đấy, hỡi con người".^[18] Nhà thơ Anh Ngọc, một đại tá trong quân đội miền Bắc, chỉ biết Trịnh Công Sơn sau năm 1975 mà đã cảm nhận được tình yêu người ấy. Thật đáng trân trọng. Quả chỉ có nhạc Trịnh Công Sơn mới giúp con người đến gần với nhau, vượt qua những hệ lụy đời thường, vượt qua những tư tưởng trái ngược trên hai chiến tuyến, nhập vào một dòng chảy nhân ái như vậy.

Tình người của Trịnh Công Sơn thể hiện bằng bạc trong những tình khúc viết về quê hương, đất nước với hình ảnh người mẹ, người em. Cái gốc yêu thương của ông là yêu từng con người cụ thể: bé nhỏ, mong manh, nhọc nhằn... trên cơ sở đó mới yêu thương mọi người.

Từ ca khúc đầu tiên "Ướt mi" viết về giọt nước mắt của một nữ sinh phải đi hát phòng trà để đem tiền về nuôi mẹ bị bệnh lao nặng. Giọt nước mắt thuần khiết ấy đã làm bật lên trong ông niềm cảm thông, đau xót. Là nguồn cảm hứng để ông viết những sáng tác đầu đời. Lòng yêu người ở ông đã bắt đầu xuất hiện từ những ca khúc đầu tiên ấy. Và tình người ấy, nó sẽ trải dài, trải dài theo ông suốt cuộc đời.

*Ngoài hiên mưa rơi rơi
Buồn dâng lên đôi môi
Buồn đau hoen ướt mi ai rồi
("Ướt mi")*

Cũng như Trịnh Công Sơn, Phạm Duy cũng có một ca khúc viết về giọt nước mắt rơi, nhưng là giọt nước mắt rơi cho cuộc tình đôi lứa:

*Nước mắt rơi cho tình ra đời
Nước mắt theo duyên về xa vời
("Nước mắt rơi" - Phạm Duy)*

Cùng là giọt nước mắt, nhưng có lẽ chúng ta sẽ dễ cảm thấu giọt nước mắt thương mẹ của cô gái hơn là giọt nước mắt khóc thương cho cuộc tình.

Phạm Duy cũng là một nhạc sĩ nổi tiếng với những ca từ đẹp viết về quê hương, đất nước. Ca khúc *Bà mẹ quê* là ca khúc tiêu biểu cho dòng nhạc quê hương ấy. *Bà mẹ quê* ca ngợi lòng hy sinh, chí kiên nhẫn của người mẹ Việt Nam trong lao động:

...Trời mưa, trời mưa ướt áo mẹ già

*Mưa nhiều, mưa nhiều càng tươi bông lúa
Trời soi, trời soi bốc khói sân nhà
Nắng nhiều, nắng nhiều thì phơi lúa ra
Bà bà mẹ quê! Đêm sớm không nề hà chi
Bà bà mẹ quê! Ngày tháng không ao ước gì
Nhỏ giọt mồ hôi, vì đời trẻ vui...
("Bà mẹ quê" - Phạm Duy)*

Và người Mẹ của Trịnh Công Sơn cũng kiên cường, hy sinh như người Mẹ của Phạm Duy nhưng là kiên cường, hy sinh che chở con trong chiến tranh:

*Mẹ lội qua con suối
Dưới mưa bom không ngại
Mẹ nhẹ nhàng đưa lối
Tiễn con qua núi đồi
Mẹ chìm trong đêm tối
Gió mưa tóc che lối con đi
("Huyền thoại mẹ")^[19]*

Với tôi, "Huyền thoại mẹ" là một trong những ca khúc có giai điệu đẹp và sâu lắng, nói lên lòng mẹ cao cả của người mẹ Việt Nam.

Yêu thương các bà mẹ, Trịnh Công Sơn còn yêu thương các cô gái thanh niên xung phong, lao động trên nông trường rồi hy sinh ở biên giới Tây Nam:

*Trên nông trường không xa lắm
Có đôi chân đi không ngại ngần
Em bây giờ quen mưa nắng
Gánh trên vai vắn vương bụi hồng...
("Em ở nông trường em ra biên giới")^[20]*

Có lúc ông lại vui đùa cùng các em thơ:

*Em sẽ là mùa xuân của mẹ
Em sẽ là màu nắng của cha
Em đến trường học bao điều lạ
Môi mỉm cười là những nụ hoa
("Em là hoa hồng nhỏ")*

Tính nhân bản của Trịnh Công Sơn chính là ở đây, ông ca ngợi, yêu thương từng con người bình thường, nhỏ bé. Và từ đó yêu thương mọi người, yêu thương nhân loại. Ông yêu người, yêu đời vì biết kiếp người là bể khổ, cuộc đời thì ngắn ngủi. Ông kêu gọi con người hãy ngồi lại gần nhau: "Lại gần, gần lại với nhau. Ngồi gần nhau hơn. Ngồi kề bên nhau". Để làm gì? Để "Mơ một ngày Hồng Hà góp Hội Trưng Dương", để "Mong tìm lại một giấc ngủ bình yên". ("Lại gần với nhau").

Ông mời gọi mọi người *Hãy yêu nhau đi*:

*Hãy yêu nhau đi khi rừng thay lá
Hãy yêu nhau đi dòng nước đã trôi xa...
Hãy trao cho nhau muôn ngày yêu dấu*

*Hãy trao cho nhau hạnh phúc lẫn thương đau...
Hãy kêu tên nhau trên ghềnh dưới bãi
Dù mai nơi này người có xa người...*

Đây là lời thàn chú mở cửa địa đàng. Đây mới thật là tình yêu cứu rỗi. Yêu trong một tình yêu rộng lớn, chung cùng.^[21] Trịnh Công Sơn, với quan niệm sống:

*Sống trong đời sống cần có một tấm lòng
("Để gió cuốn đi")*

Chính đó là cái tâm, cái tâm thì không tìm kiếm cái gì cho mình. "Cái tâm" chỉ giống như tấm chiếu, để trải ra cho thiên hạ ngồi lên. Trong đạo làm người, đức hy sinh là đức tính cao quý vô cùng, hiển dưng mà không cần đền đáp, đó là sự cao thượng nhất của đức hy sinh.^[22]

Hoàng Phủ Ngọc Tường cho rằng: Lòng nhân ái nhu mì và sự bao dung không mặc cả là cốt cách nghệ sĩ hằng có ở Trịnh Công Sơn. Ông cũng viết: *Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người, có nghĩa ông biết chấp nhận sự đau khổ của đời sống.*

*Tôi nay ở trọ trần gian
Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời
("Ở trọ")*

Và dù cuộc đời chỉ là cõi tạm, ông vẫn phải sống, phải yêu thương, phải hy vọng ước ao: *Cuộc đời có bao lâu mà hững hờ.* Quả thật cuộc đời chẳng được bao lâu, trái tim ông đã không bao giờ hờ hững với cuộc đời, ông đã vắt kiệt tình yêu trong trái tim cho cuộc sống, cho những thân phận khổ đau. Chính vì hiểu rõ đất nước cần một trái tim nên ông đã dâng hiến trọn trái tim mình cho đất nước, ông viết:

*Và như thế tôi sống vui từng ngày
Và như thế tôi đến trong cuộc đời
Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi...
("Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui")*

Như thế thì chúng ta còn muốn điều gì hơn nữa. Người nghệ sĩ đã rút hết tâm trí mình để nhắn gửi những lời "nhỏ máu" đó. Một trái tim tràn ngập tình yêu người. Và có lẽ không ai hiểu rõ ông bằng Khánh Ly - người bạn tri kỷ đời ông: "Từ ông tôi thành danh và quan trọng hơn cả là tôi được thành nhân. Tôi đã sống cùng tên tuổi của ông gần 40 năm, với những lời ông dặn bảo: Phải luôn luôn sống giữa đời với một tấm lòng và sống với người bằng sự tử tế."^[23]

Nói như đại thi hào Nguyễn Du: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài", và cụ Đào Duy Anh khái quát tư tưởng của Trịnh Công Sơn đã hạ một câu chí tình "Cái anh Trịnh Công Sơn này lạ thật, anh ta muốn ôm hết những mâu thuẫn và khát vọng của đất nước vào mình".^[24]

Thật vậy, với thân thể hao gầy và trái tim ốm yếu, Trịnh Công Sơn đã phải đương đầu với bao giằng xé của lịch sử. Mặc người đời phán xét, với tôi, những ca khúc thấm đẫm tình người, ca ngợi cuộc sống của Trịnh Công Sơn vẫn luôn có giá trị trong dòng văn hoá Việt Nam.

*Mỗi ngày tôi chọn ngồi thật yên
Nhìn rõ quê hương ngồi nghĩ lại mình
Tôi chợt biết rằng vì sao tôi sống*

Vi đất nước cần một trái tim
("Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui")

Việt Nam
12/2005

(**Ghi chú:** Bài viết này đã in trên tạp chí *Văn Học* số 232, tháng 7&8/2006, California, Hoa Kỳ, tác giả trích đăng một phần, có sửa chữa và bổ sung tháng 2/2008.)

© 2008 talawas

[1] Bửu Ý (2004), *Một nhạc sĩ thiên tài*, NXB Trẻ.

[2] Lê Hữu, "Áo giác Trịnh Công Sơn", nguồn <http://www.tcs-home.org>

[3] Trịnh Công Sơn (1995), *Tuyển tập những bài ca không năm tháng*, NXB Âm nhạc.

[4] Lê Hữu, bđd.

[5] Trịnh Công Sơn. "Đành vậy với tình yêu", đăng trên báo *Đại Đoàn Kết*. Nguồn: <http://www.suutap.com>

[6] Lê Bá Hán (chủ biên), Lê Quang Hưng, Chu Văn Sơn (2003), *Tinh hoa Thơ Mới thẩm bình và suy ngẫm*, NXB Giáo dục.

[7] Phỏng vấn Trịnh Công Sơn: "Trịnh Công Sơn một cõi riêng thuần khiết cùng cuộc đời". Nguồn *Sài Gòn Giải phóng* đăng trên mạng <http://suutap.com>

[8] Tạp chí *Văn Học* (2001), *Chuyên đề đặc biệt về Trịnh Công Sơn*, tháng 10&11/2001, California, Hoa Kỳ (tr. 205).

[9] Trọng Thịnh (2005), "Phạm Thiên Thư và 'Ngày xưa Hoàng thị'", theo báo điện tử *Tiền phong* 27/11/2005.

[10] Phỏng vấn Trịnh Công Sơn, bđd.

[11] Bửu Ý (2004), *Một nhạc sĩ thiên tài*, NXB Trẻ (tr 66).

[12] Theo Đặng Tiến: "... đây không phải là thơ Tự Đức mà là thơ Nguyễn Gia Thiều. Từ điển văn học, nhà xuất bản Thế Giới, 2004, cũng ghi nhầm, tôi đã có bài góp ý, đăng ở nhiều báo, trong và ngoài nước, không nghe ai cải chính. Nay xin nhắc lại. Bài thơ nôm "Khóc Thị Bằng" không phải của Tự Đức. Ngô Tất Tố đã chứng minh điều này từ năm 1941, trong cuốn Thi văn bình chú, Lê Mạc Tây Sơn, in lại lần thứ ba, Sài Gòn, 1957, trang 91. Những tuyển tập, toàn tập Ngô Tất Tố xuất bản gần đây không nhắc gì đến cuốn Thi văn bình chú này. Ngoài ra, (dường như) Trần Danh Ấn (1754-1794) có dịch bài thơ nôm của Nguyễn Gia Thiều ra chữ Hán. Hai câu trên :

Phá toái lăng hoa tâm cựa ảnh

Tùng phong khâm thử hộ dư hương

Sở dĩ có sự gán ghép là vì (dường như) Tự Đức thường ưa sửa thơ thiên hạ, khi nhuận sắc có sửa hai chữ mảnh gương thành cổ kính và manh áo thành tàn y, rồi xếp vào hồ sơ của mình, nên Dương Quảng Hàm mới nhầm ra thơ Tự Đức và trong giáo trình văn học đã ghi là của Dực Tông, rồi người sau cứ truyền tụng như thế. Ngoài Ngô Tất Tố, các chuyên gia thơ cung đình triều Nguyễn, như Phan Văn Dật, Bửu Cầm, đều nói không phải của vua, vì trong thư khó, không tìm thấy vết tích gì bài thơ này, và tên họ một bà phi nào tương tự. Hơn nữa giọng thơ trữ tình bay bướm, khó có thể là giọng Tự Đức. Sinh thời, học giả Hoàng Xuân Hãn cũng nói vậy (đăng trên talawas ngày 22-11-2006).

[13] Hãy nghe Trịnh Công Sơn kể về *giác mơ Hạ trắng*: "(...) Có một mùa hạ năm ấy tôi bị một cơn sốt nặng, nhiệt độ trong người và bên ngoài bằng nhau. Tôi nằm sốt mê man trên giường không còn biết gì. Và bỗng có một lúc nào đó tôi cảm thấy có một mùi hương thơm phủ ngập cả căn phòng và tôi chìm đắm vào một giấc mơ như một cơn mê sáng. Tôi thấy mình lạc vào một rừng hoa trắng thơm ngào ngạt, bay bổng trong không gian đó. Đến lúc tỉnh dậy mình ướt

đắm mồ hôi và tôi nhìn thấy bên cạnh giường có một người con gái nào đó đã đến cắm một bó hoa Dạ lý hương trắng rất lớn. Chính cái mùi thơm của Dạ lý hương đã đưa tôi vào giấc mơ kia. Giấc mơ trong một mùa hạ nóng bức. Trong vùng tôi ở quanh đó chỉ có một nhà duy nhất trồng Dạ lý hương... Sau một tuần lễ hết bệnh. Nghe tin bố một người bạn đang hấp hối, tôi vội vàng đến thăm. Ông chẳng có bệnh gì ngoài bệnh buồn rầu và nhớ thương.(...) Một buổi sáng nọ, cũng theo thường lệ, bà cụ xuống bếp bị gió ngã xuống bất tỉnh và chết. Mấy đứa con (...) chôn cất và giấu ông cụ. (...) Vài ngày sau vẫn chưa thấy bà về, ông mới trầm ngâm hỏi các con có phải mẹ các con chết rồi phải không. Lúc ấy mọi người mới ồ lên khóc. Từ đó ông nằm trên sập gụ một mình cơm không ăn, trà không uống cho đến lúc kiệt sức thì đi theo bà cụ luôn. Câu chuyện này ám ảnh tôi một thời gian. Và sau đó tôi kết hợp giấc mơ hoa trắng mùa hạ với mối tình già keo sơn này như *áo xưa dù nhàu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau* để viết nên bài “Hạ trắng” (Tạp chí *Thế giới âm nhạc*, số 05/1997, in lại trong NQS_01, tr. 41-42).

Chú thích

[1] Văn xuôi Trịnh Công Sơn (2004), "Kiếp sau tôi vẫn là người nghệ sĩ" (trả lời phỏng vấn VCH), in trong *Một cõi Trịnh Công Sơn*, NXB Thuận Hóa, TTVHNNĐT (tr. 523)

[2] Văn xuôi Trịnh Công Sơn (2004), sđd. (tr. 520)

[3] Văn xuôi Trịnh Công Sơn (2004), sđd. (tr. 520)

[4] Đoàn Thị Thu Vân (1996), *Khảo sát đặc trưng nghệ thuật của thơ Thiền Việt Nam thế kỷ X - thế kỷ XIV*, NXB Văn học.

[5] Nguyễn Đắc Xuân (2003), *Có một thời như thế*, NXB Văn học

[6] Hoàng Phủ Ngọc Tường (2005), *Trịnh Công Sơn và cây đàn lya của hoàng tử bé*, NXB Trẻ (tr. 74)

[7] Bùi Vĩnh Phúc (2005), *Trịnh Công Sơn / Ngôn ngữ và những ám ảnh nghệ thuật*, NXB Văn Mới

[8] Lê Bá Hán (chủ biên), Lê Quang Hưng, Chu Văn Sơn (2003), *Tinh hoa Thơ Mới thẩm bình và suy ngẫm*, NXB GD.

[9] Lê Hữu, "Áo giác Trịnh Công Sơn", nguồn www.tcs-home.org

[10] Bùi Vĩnh Phúc (2005), sđd

[11] Hoài Thanh – Hoài Chân (1993), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học Hà Nội (tr. 135)

[12] Hoài Thanh – Hoài Chân (1993), sđd. (tr. 34)

[14] Trần Hữu Thục (2001), "Một cái nhìn về ca từ Trịnh Công Sơn", in trong tạp chí *Văn Học* tháng 10&11/2001 California, Hoa Kỳ.

[15] Đặng Tiến (2001), "Đời và nhạc Trịnh Công Sơn", <http://www.tcs-home.org>

[16] Bùi Bảo Trúc (2004), "Về Trịnh Công Sơn", in trong tạp *Một cõi Trịnh Công Sơn*, NXB Thuận Hoá, tr 351-375.

[17] *Trịnh Công Sơn rơi lệ ru người* (2003), NXB Phụ nữ (tr 88).

[18] Anh Ngọc (2004), *Nhớ thế kỷ hai mươi*, NXB QĐND (tr 285-287).

[19] Trịnh Công Sơn viết "Huyền thoại mẹ": "nhân chuyến ra Quảng Bình thăm bảo tàng cách mạng, nhìn tấm ảnh mẹ Suốt chèo thuyền, tóc xoã bay tung trên bầu trời, và có dịp về thăm các bà mẹ nuôi dẫu cách mạng ngày xưa, nghe mẹ kể chuyện, tôi có thể hình dung hết với những từ nhạc bay cùng mái tóc và cuộc đời gieo neo của mẹ. Tôi cũng có một bà mẹ mà tôi yêu quý nhất. Và "Huyền thoại mẹ" là sự cộng hưởng của nhiều mảng đời của mẹ, để tạc thành hình ảnh thiêng liêng của bà mẹ Việt Nam nói chung". Phỏng vấn Trịnh Công Sơn, bđd.

[20] Tôi sáng tác "Em ở nông trường em ra biên giới" từ niềm xúc cảm của chuyến đi thực tế xuống nông trường Lê Minh Xuân của đoàn nhạc sĩ thành phố. Chúng tôi đã cùng thức và hát bên nhau quanh ngọn lửa trại cùng các cô gái thanh niên xung phong. Sau đó một năm, tôi được tin cả hai mươi cô gái đêm ấy đều hy sinh ở chiến trường biên giới. Tôi lặng cả người, và cảm thấy đó là nỗi bức xúc không thể yên..." Phỏng vấn Trịnh Công Sơn, bđd.

[21] Hoàng Phủ Ngọc Tường (2005), *Trịnh Công Sơn và cây đàn lya của hoàng tử bé*, NXB Trẻ

[22] Hoàng Phủ Ngọc Tường (2005), sđd, (tr. 18)

[23] Nhiều tác giả (2004), *Một cõi Trịnh Công Sơn*, NXB Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây (tr. 460)

[24] Nguyễn Đắc Xuân (2003), *Có một thời như thế*, NXB Văn Học (tr. 123)

Bàn về cuốn “Trịnh Công Sơn – vết chân dã tràng” của Ban Mai Vũ Ngọc Tiên

Tin UBND tỉnh Bình Định ngày 13/8/2009 ra quyết định cấm lưu hành cuốn “Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng” của Ban Mai làm sừng sốt giới văn học nghệ thuật cả nước về một văn bản trái luật và ngạo mạn kiểu “phép vua thua lệ làng”! Trái luật bởi ấn phẩm ra đời đúng theo trình tự của Luật Xuất bản, còn nội dung trình bày kết quả nghiên cứu về một nhạc sĩ thiên tài, danh nhân văn hóa được cả nước mến mộ, thế giới ghi nhận. Ngạo mạn bởi Nxb Lao Động thuộc Trung ương quản lý, nội dung ấn phẩm là luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ, được Hội đồng các GS, PGS thẩm định kỹ càng, mấy ông quan chức hàng tỉnh sao không nhớ câu ngạn ngữ “Sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người”? Lại có luồng dư luận coi lệnh cấm chỉ như ném vào hư không, bắt gió đuổi mây bởi sách đã in, nộp lưu chiểu Quý IV/2008, phát hành rộng rãi trên cả nước thì một tỉnh lẻ miền Trung làm sao thu hồi? Lệnh cấm sách sao dường như không nhằm vào sách mà nhằm vào người viết sách, trong bối cảnh nội bộ Hội VHNT Bình Định tổ chức đang nát như tương, nhân tình rối như canh hẹ trước kỳ đại hội?... Song dư luận vẫn chỉ là dư luận. Lời nói gió bay. Ta hãy thử tìm hiểu trong cuốn “Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng” tác giả Ban Mai viết gì?

Lướt qua cuốn sách

Cuốn “Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng” của tác giả Ban Mai, (tên thật Nguyễn Thị Thanh Thúy), Thạc sĩ, giảng viên ĐH Quy Nhơn. Sách do Nxb Lao Động phối hợp với Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông- Tây ấn hành theo Quyết định xuất bản số 523- QĐ/LĐ ngày 22/8/2008 và giấy XNĐKKHXB/CXB số 38-133/LĐ ngày 22/8/2008. Sách in xong nộp lưu chiểu vào Quý IV/2008. Bìa trình bày của họa sĩ Văn Sáng khá đẹp trong sự giản dị, tao nhã. Hai mảng màu tương phản, bố cục chữ và những nét vẽ chấm phá minh họa khơi gợi cho ta cảm nhận về chiều sâu văn hóa, triết lý vô thường của người nhạc sĩ tài hoa họ Trịnh. Ở trang lót bìa cuối sách chỉ ghi mấy lời giới thiệu rất vắn tắt của Nxb Lao Động:

*“Tác giả tập chuyên luận **Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng** tái hiện cuộc hành trình làm người và thế giới nghệ thuật của Trịnh Công Sơn, qua những phân tích, soi chiếu vào hệ thống ca từ của ông, giúp người đọc có được cái nhìn khách quan, thấu đáo hơn về Nhạc Trịnh, một hiện tượng văn hóa Việt Nam hiện đại...”*

Sách dày 472 trang, chia hai phần chuyên luận và phụ lục. Phần chuyên luận, Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng ngắn gọn (trang 17- 142) gồm các chương: Quá trình nghiên cứu- TCS tiếng hát dã tràng- Vết chân dã tràng ngàn năm in dấu- TCS và chiến tranh Việt Nam- TCS người tình cuộc sống- TCS người ca thơ- Kết luận và tài liệu tham khảo. Theo lời giới thiệu của GS Nguyễn Đình Chú (ĐH Sư phạm Hà Nội) ở đầu sách, phần này vốn là luận văn tốt nghiệp cao học của tác giả, với tên đề tài được Ban Mai chọn là “Thân phận con người và tình yêu trong ca từ Trịnh Công Sơn”. Ông nhận xét: “Đây là vấn đề cốt lõi trong nội dung ca từ của Nhạc Trịnh. Do đó, nhiều bậc thầy, bậc đàn anh đi trước đã nói tới và nói đến nhiều điều rất hay, nhưng chưa có điều kiện nói hết. Ban Mai với yêu cầu một luận văn Thạc sĩ dĩ nhiên trên cơ sở tiếp thu thành quả của người đi trước, phải có sự phát triển, nâng cao bằng những phương pháp khoa học khác nữa mà kết quả đã được ghi nhận.” Ở phần phụ lục (trang 143- 471) bao gồm:

Danh mục các tập nhạc TCS, danh mục các ca khúc TCS và đặc biệt là nội dung ca từ của 242 ca khúc do tác giả Ban Mai dày công sưu tầm, chỉnh lý và lựa chọn đưa vào sách. Đây là kết quả của quá trình lao động kiên trì, cực nhọc, say sưa, nghiêm cẩn của chị cần được tôn vinh bởi lâu nay, người yêu Nhạc Trịnh không mấy ai có cơ hội tiếp cận đầy đủ gia tài đồ sộ của người nhạc sĩ tài hoa đã quá cố. Tôi đọc lướt qua 242 ca khúc được chị chỉnh lý, công bố nội dung ca từ chợt có nhận xét, dường như chị đã thanh lọc bớt đi nhiều ca khúc có ca từ “nhảy cảm” chẳng? Không nói đến con số 300, 500 hay 800 ca khúc theo lời đồn đại của công chúng, nhưng tại thời điểm ra sách, Ban Mai biết rất rõ 288 ca khúc được ông Phạm Văn Đình (người Việt tại Pháp) công bố trên mạng Internet.

Và những cảm nhận của một người yêu Nhạc Trịnh

Tôi đọc cuốn “Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng” lần đầu vào dịp tết Kỷ Sửu. Ngày xuân, sau giờ khai bút, được đọc cuốn sách nghiên cứu có văn phong mềm mại, lời văn khúc triết, kiến giải tường minh của một cây bút nữ cũng thấy nhẹ lòng, đọng lại trong tôi ít nhiều ấn tượng đẹp về tác giả Ban Mai. Nay nghe tin sách bị cấm lưu hành, có cái gì thôi thúc tôi đọc kỹ lại phần chuyên luận (trang 17- 142) trong sách của chị.

Công bằng mà nói, Ban Mai đã chọn một đề tài khó cho luận văn thạc sĩ của mình, bởi đối tượng nghiên cứu là Trịnh Công Sơn thân phận khá phức tạp, lại quá nổi tiếng, được nhiều người suy tôn là nhạc sĩ viết tình ca hay nhất thế kỷ XX của Việt Nam. Và vì thế đã có quá nhiều người viết về con người và sự nghiệp âm nhạc đồ sộ của ông. Là người đi sau, Ban Mai chắc phải dững cảm, tin ở bản lĩnh của mình. Chị chọn hướng nghiên cứu đột phá vào ca từ của Trịnh Công Sơn, chú ý đến tính triết học của nó, trong mối tương quan nhân quả với hoàn cảnh cá nhân, gia đình, xã hội, bầu khí quyển triết học, các trào lưu chính trị... Tình yêu Nhạc Trịnh từ thừa bé thơ kết hợp với cảm quan mỹ học hiện đại và việc sử dụng các phương pháp xếp chồng văn bản của Charles Mauron, phương pháp liên văn bản do Mikhail Bakhtin khởi sướng... là chìa khóa giúp chị mở vĩa quặng ngôn ngữ trong mỏ quặng quý hiếm của ca từ Trịnh Công Sơn.

Đi sâu vào nội dung chuyên luận, ngoại trừ chương I, *Quá trình nghiên cứu* là yêu cầu bắt buộc của luận văn Thạc sĩ, các chương còn lại đều có dấu ấn riêng về sự đóng góp của tác giả ở mức độ khác nhau, với tư cách nhà nghiên cứu ca từ Nhạc Trịnh. Theo thiện nghĩ của tôi, có 3 chương không có nhiều khám phá, phát hiện mới lạ về Nhạc Trịnh là: Chương II, *TCS- Tiếng hát dã tràng* (trang 28- 41), lược thuật quá trình làm người, hành trình sáng tạo đan quyện vào nhau trong con người nghệ sĩ họ Trịnh. Chương III, *Vết chân dã tràng ngàn năm in dấu* (trang 42- 51), nói về sức lan tỏa và ảnh hưởng của Nhạc Trịnh trong cộng đồng trước và sau năm 1975; dù khác nhau tuổi tác, học vấn, vị thế xã hội hay đối lập nhau về chủ thuyết, khuynh hướng chính trị thì người nghe vẫn yêu Nhạc Trịnh theo cách cảm của riêng mình. Chương V, *TCS- người tình của cuộc sống* (trang 69- 98), nói về biên độ rộng lớn của tình yêu, sự dấn thân và triết lý vô thường trong ca từ Nhạc Trịnh. Nhìn chung, đóng góp của tác giả Ban Mai trong 3 chương nói trên chủ yếu là công phu sưu tầm nhân chứng và sự kiện lịch sử, sự hệ thống hóa và chất lọc tinh hoa của những người viết trước. Nhờ đó, người đọc có được hiểu biết khá đầy đủ về con người Trịnh Công Sơn, cùng sự toàn mỹ về gia tài âm nhạc đồ sộ của ông. Nói như vậy không có nghĩa ở 3 chương này Ban Mai chỉ thụ động trong đánh giá Nhạc Trịnh. Khi so sánh văn bản Thơ Mới của Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử... với văn bản ca từ Trịnh Công Sơn, chị vẫn chủ động đưa ra nhận xét riêng, khá tinh tế, sâu sắc mà những người viết trước chưa đề cập đến: “Tuy nhiên, ở đây ta thấy Thơ Mới luôn níu kéo thời gian, luôn muốn quay về quá khứ nên “chấn nẻ xuân sang”. Còn Trịnh Công Sơn cũng buồn, cũng tiếc nuối thời gian, nhưng ông hiểu đó là quy luật muôn đời của tạo hóa nên chấp nhận chứ không níu kéo, cùng hòa vào thiên nhiên để “chấn gió mưa sang”. Những ca khúc viết về thân

phận con người của Trịnh Công Sơn trước sự sống cái chết và nỗi tàn phai cũng chỉ là đi tìm cái hữu hạn của kiếp sống. Sự hiện diện của mỗi số phận bắt buộc phải đi qua một khoảng thời gian nào đó, do định mệnh an bài và cái không gian vô định phải nhận diện. Theo nhà Phật, đó là nhân quả, là luân hồi, là sự sinh trưởng không ngơi nghỉ và biến hóa vô cùng để phát triển, tạo nên cái “nghiệp” cho số phận.” (trang 76). Song có lẽ những kiến giải độc lập, sáng tạo và phát hiện riêng mới của Ban Mai về Nhạc Trịnh nói chung, ca từ Nhạc Trịnh nói riêng nằm tập trung nhiều ở chương IV và chương VI.

Trước hết nói về chương VI, *TCS- người ca thơ* (trang 99- 133). Đây là cái lõi của chuyên luận, là hướng tiếp cận chủ đạo và mục tiêu vươn tới của tác giả Ban Mai nên ngòi bút của chị khá hoạt và sắc. Mở đầu chương VI, Ban Mai tóm lược hệ thống lý luận về ca từ khá tinh gọn, chịu ảnh hưởng nhiều của GS Dương Viết Á. Nhưng chị vẫn có phát kiến riêng mới về mối quan hệ giữa các thành tố: âm nhạc, ngôn ngữ, bài thơ, lời ca. Đó là mối quan hệ tương đồng, tương sinh, tương hỗ, song không thoát ly tính dị biệt giữa lời ca với bài thơ. Từ cơ sở lý thuyết này, tác giả soi rọi vào ca từ Trịnh Công Sơn, đưa ra nhiều kiến giải tường minh, lý thú.

Nửa thế kỷ qua, nhiều nhạc sĩ, nhà nghiên cứu đều thống nhất chung một nhận định rằng, ca từ Trịnh Công Sơn là những thi phẩm kiệt tác ông viết ra để hát. Ngay cái tiêu đề của chương VI, Ban Mai cũng mượn lời của Văn Cao-cây đại thụ của âm nhạc VN thời tiền chiến: “Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ bởi ở Sơn , nhạc và thơ quyện vào nhau đến độ khó phân định cái nào là chính, cái nào là phụ.” Bởi thế, nhiều người công nhận ông là nhà thơ lớn, thậm chí là “Nguyễn Du của thế kỷ XX”. Song trước Ban Mai, chưa ai tổng hợp ca từ Trịnh Công Sơn theo các thể loại thơ: 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ, lục bát và thơ tự do, ca dao, tục ngữ. (trang 107- 110). Vấn đề tưởng đơn giản, nhưng nó chứng minh nhà thơ viết nhạc họ Trịnh đã rất giỏi chọn thể loại thơ cho từng ca khúc phù hợp với chủ đề, đối tượng mà ông phản ánh sao cho nhuần nhuyễn âm luật nhất. Phát kiến thứ hai về sự lạ hóa ca từ, tuy trước đó đã có nhiều người bàn tới (Bửu Ý, Bùi Vĩnh Phúc...), nhưng chị là người trình bày kỹ, đầy đủ nhất về cách cắt chữ cuối câu, thêm chữ thuần Việt vào sau động từ, danh từ và (trang 117- 125) đặc biệt là phần trình bày phương pháp **Điệp**. Ban Mai đã đưa ra dẫn chứng đầy thuyết phục các thủ pháp điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ vòng tròn, điệp câu với tần số đậm đặc trong 2 bài “Cát bụi” và “Bóng ời” (trang 114- 115), khiến tôi không khỏi cúi rạp mình trước thiên tài thơ và âm nhạc Trịnh Công Sơn. Có thể nói hai phát kiến của tác giả Ban Mai giúp ta hiểu sâu hơn về “thương hiệu” Nhạc Trịnh lừng lừng trong bầu trời âm nhạc Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX, dù trước chị mọi người đã nghĩ hoặc nói đến, nhưng không trọn vẹn.

Chương IV, *TCS và chiến tranh Việt Nam* (trang 52- 68), tôi chọn đề cập sau cùng bởi tính nhạy cảm mà những người như ông Nguyễn Hoàn đã lợi dụng để bài xích cuốn sách và UBND tỉnh Bình Định ra quyết định cấm lưu hành! Không phải ngẫu nhiên nước Mỹ gọi Trịnh Công Sơn là một Bob Dylan của người Việt và năm 2004, ông qua đời đã 3 năm vẫn được trao “Giải thưởng âm nhạc hòa bình thế giới” (WPMA). Trước Ban Mai, năm 1991, cô Yoshi Michiko (Nhật) đã làm luận văn Thạc sĩ tại Pháp về đề tài “Những bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn”. Nhạc phản chiến của Trịnh công Sơn có sức lan tỏa ra thế giới bởi ông không đứng về phe nào trong cuộc chiến. Ông đứng về phe CON NGƯỜI. Trái tim ông thuộc về nhân loại. Ban Mai với tư cách nhà nghiên cứu ca từ Nhạc Trịnh, chị phải khách quan và trung thực với lịch sử. Trong chương IV, Ban Mai có quyền nhắc lại những sự kiện sau năm 1975, Trịnh Công Sơn có giai đoạn bị nghi ngờ, hắt hủi, thậm chí bồi nhọ là có thật, nhân chứng vẫn còn sống và hoạt động. Chị cũng có quyền ca ngợi bài hát “Cho một người nằm xuống”, nhạc sĩ viết tặng một sĩ quan Cộng hòa Lưu Kim Cương thay cho bất cứ ai chết trận trong cuộc chiến ở cả hai phía... Tôi tin đồng đảo bạn đọc thông cảm và ủng hộ lời chị viết ở cuối chương IV: “Cho đến ngày nay, sau hơn 30 năm kết thúc chiến tranh, nhìn lại những chặng đường thăng trầm của

đất nước, có lẽ đã đến lúc chúng ta dừng cảm nhìn nhận lại cuộc chiến đã qua và thân phận các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn” (trang 68).

Lời kết

Gấp cuốn “Trịnh Công Sơn- vết chân dã tràng” của Ban Mai lại, tôi trộm nghĩ, tác giả có thể có vài thiếu sót về học thuật, bạn đọc sẽ công tâm đánh giá, nhưng toàn bộ tác phẩm là khách quan, trung thực, ít nhiều có đóng góp cho nền học thuật nước nhà. Có thể người ra quyết định cấm lưu hành chưa chắc đã đọc hoặc chỉ đọc lướt qua. Tôi ngờ rằng có ai đó trong giới văn học nghệ thuật tỉnh Bình Định đã ác ý thổi phồng mặt nhạy cảm của chương IV mà tham mưu cho “Sếp” lớn trên tỉnh chẳng? Hy vọng công luận và các cơ quan hữu trách ở Trung ương sẽ trả lại sự công bằng cho tác giả- tác phẩm...

Hà Nội 16/8.2009